

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ ba tháng/Edition trimestrielle Số N. 20 10/2004

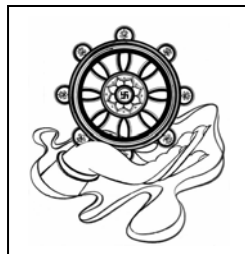
Phi ẩn phi hiển pháp
Thuyết thị chân thật tế
Ngộ thú ẩn hiển pháp
Phi ngu diệc phi trí.

Pháp chẳng ẩn chẳng hiện
Nói đó chân thật tế
Ngộ pháp ẩn hiện này
Chẳng ngu cũng chẳng trí.

Tổ thứ mười ba Tôn Giả Ca Tỳ Ma La

*Le Dharma n'apparaît ni ne disparaît
C'est la vérité du salut
Pénétrer ce Dharma apparent non apparent
N'est ni ignorance ni intelligence.*

Treizième Patriarche Vénérable Kapimala



Báo Phật Pháp giúp các bạn nghiên cứu, tìm hiểu, thâm nhập phần nào trong biển cả Phật pháp.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

□ Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition trimestrielle.

□ Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định.

□ Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến . . .

□ Correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.

□ Ban phát hành : Thích Nữ Đàm Như, Bác Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Cô Fahmat Fakine, Cô Nguyễn Thị Kim Liên, Cô Diệu Hải.

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang

8 B rue Fontaine

93000 Bobigny - France

Tel./fax : 01.48.50.98.66

E-mail : kimquangtu@hotmail.com

□ Kinh Hoa Nghiêm	3
□ Kinh Pháp Hoa	7
□ Kinh Lăng Nghiêm	10
□ Chú Lăng Nghiêm	13
□ Chú Đại Bi	15
□ Đại Trí Độ Luận	17
□ Đắm Trước Hương Vị Thiên . . .	18
□ Vũ Trụ Bạch	19
□ Niệm Phật Có Thể . . .	21
□ Chuyện Kiếp Xưa	23
□ Thiện Quang Công Chúa	24
□ Le Sutra Du Dharma De Lotus	27
□ Le Sutra Shurangama	30
□ Le Mantra Shurangama	33
□ Le Mantra Grande Compassion	35
□ Le Sutra Du Vajna Prajna	37
□ Le Bouddha Parle Le Sutra . . .	39
□ Rechercher Le Bonheur . . .	41
□ L'Univers Blanc	42
□ Histoire D'Anciens Kalpas	43
□ Le Bouddhadharma . . .	45
□ La Princesse Thien Quang	47
□ Le Souvenir De La Vie . . .	50
□ L'Histoire Du Bouddha	51



KINH HOA NGHIÊM

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

P háp bình đẳng là gì ? Tức là chẳng có tâm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si. Biến tham sân si ba độc thành giới định huệ ba học, do đó có câu :

"Siêng tu giới định huệ,
Diệt trừ tham sân si".

Mười chữ này là pháp căn bản của người tu đạo. Ai làm được thì người đó có tư cách xưng là Sa môn. Các vị đã từng nghe Kinh nhiều rồi, riêng pháp cơ bản quên mất rồi. Bây giờ tự hỏi mình, còn tâm tham chăng ? Còn tâm sân chăng ? Còn tâm si chăng ? Nếu còn thì có thể dùng pháp bố thí để trị tâm tham, dùng pháp môn từ bi để trị tâm sân, dùng pháp môn Bát Nhã để trị tâm si, đó là pháp bình đẳng.

Lúc này có người hỏi : "Nói về bình đẳng, phải chăng xem tâm tham có bao nhiêu ? Bố thí bao nhiêu ? Nếu nhiều, nửa tâm tham nửa bố thí, như vậy là bình đẳng chăng" ! Chẳng phải. Nếu bỏn xẻn và bố thí bình đẳng, sân hận và từ bi bình đẳng, ngu si và Bát nhã bình đẳng, đó là giả bình đẳng, chớ chẳng phải là chân thật bình đẳng. Tại sao ? Vì nửa âm nửa dương, phải hoàn toàn thuộc về dương thì mới là chân chánh bình đẳng.

Bây giờ đã giảng xong bốn mươi chúng, biến chúng vân tập tại Bồ Đề Đạo Tràng, cộng hết thầy có bốn trăm vị. Dưới đây là Kinh văn nói về nhân duyên quá khứ và pháp môn tu hành.

Lúc bấy giờ, các biến chúng đều đã vân tập, nơi Đạo Tràng của đức Như Lai, có vô lượng vô biên phẩm loại, đầy khắp chung

quanh Đạo Tràng. Hình tướng màu sắc mỗi bộ chúng đều khác nhau.

Lúc bấy giờ, đại chúng quang lâm đến Bồ Đề Đạo Tràng để nghe Kinh Hoa Nghiêm gồm có Bồ Tát, Thánh hiền, chư thiên, thần chúng, quỷ chúng đều vân tập trong pháp hội Hoa Nghiêm.

Ở trong biển chúng, đủ các loại vô lượng vô biên. Trên hết là mười phương chư Phật, dưới đến tất cả chúng sinh, bao quát chúng sinh trong mười pháp giới cũng đều ở trong đó. Cõi hư không chu vi Bồ Đề Đạo Tràng, đều đầy ấp vô lượng vô biên phẩm loại, chẳng có nơi nào trong một hạt bụi, chẳng phải là biển chúng vân tập, mỗi bộ chúng đều có hình tướng màu sắc khác nhau, mỗi bộ chúng đều có một vị Bồ Tát làm thượng thủ, đều có vô lượng vô biên quyến thuộc đi theo, mỗi vị thần chúng thượng thủ, cũng có vô lượng vô biên quyến thuộc, mỗi vị Thiên Vương thượng thủ, cũng có vô lượng vô biên quyến thuộc, đủ loại hình tướng màu sắc. Tuy nhiên rất nhiều phẩm loại, nhưng tờ hào không hỗn tạp lộn xộn.

Tùy theo phương hướng đến, đều gần gũi đức Thế Tôn, một lòng chiêm ngưỡng.

Những chúng sinh khác phẩm loại này, theo vị thượng thủ của họ đến, tùy theo phương hướng thầy đều đến gần trước Đức Thế Tôn, nghe Phật thuyết pháp, chuyên tâm nhất ý, chiêm ngưỡng kim dung Lô Xá Na Phật ngàn trượng.

Các biến chúng trong hội này, đều đã dứt sạch tất cả phiền não tâm cấu bản và các tập khí ô nhiễm.

Chúng sinh ở trong pháp hội Hoa Nghiêm này, đều đã diệt hết tất cả phiền não, tâm cấu và các ác tập khí mao bệnh khác.

Phiền não là gì ? Tức là cái ta, pháp, hai cái chấp. Nếu còn chấp cái ta tức là còn tham, sân, si ba độc phiền não, vô minh phiền não, trần sa phiền não. Lại còn phiền não thô phiền não tế, phiền não lớn phiền não nhỏ. Tóm lại có rất nhiều phiền não. Nếu còn chấp pháp thì còn phiền não sở tri chướng. Ví như trong túi áo bạn có hạt minh châu từ trước, tuy nhiên không biết, nhưng hạt minh châu vẫn y nhiên còn đó. Bây giờ biết rồi, hạt minh châu vẫn còn tồn tại. Bỏ đi nên biết viên minh châu ở trong túi áo nhưng không biết. Bây giờ phát hiện đó là nguồn gốc nên biết, chẳng có gì để kiêu ngạo, càng chẳng có gì để tự mãn.

Tâm cấu là gì ? Tức là trong tâm đều nghĩ pháp ô nhiễm chẳng trong sạch, cho nên trong tâm bèn có bụi trần dơ bẩn. Nếu đoạn dục khử ái được, không nghĩ việc tình ái, thì tâm tự nhiên thanh tịnh.

Tập khí là gì ? Tức là những mao bệnh, những tập khí không thanh tịnh, giống như bụi tro ở trong khói ống tre, tích tụ mỗi ngày, lâu dần thì sẽ tích tụ khói bụi thành nhiều, vậy tập khí từ đâu đến ? Đến từ tham sân si, tham có tập khí tham, sân có tập khí sân, si có tập khí si. Tóm lại có tư tưởng không trong sạch đó là tập khí.

Xô ngã núi chướng nặng, thấy Phật vô ngại. Đại chúng này, trong quá khứ vô lượng kiếp, đều cùng với Tỳ Lô Giá Na Như Lai tu hạnh Bồ Tát. Như Lai dùng bốn pháp nhiếp mà nhiếp thọ họ.

Vô minh chướng nặng của chúng ta kiên cố giống như núi. Cho nên phải phá tan núi chướng nặng. Nhưng làm sao mới có thể phá tan tiêu diệt nó được ? Tức là phải xa rời phiền não, xa rời tâm cấu bẩn, xa rời tập khí mao bệnh. Như vậy thì sẽ thấy được Phật mà chẳng có gì chướng ngại được.

Ở trên đã giảng qua rất nhiều đại chúng, các vị đó trong quá khứ đều hành Bồ Tát đạo, siêng tu hạnh Bồ Tát với thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật trải qua thời gian lâu dài biển đại kiếp.

Bồ Tát tu pháp môn bốn pháp nhiếp tức là : bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Các vị Bồ Tát đều biết

hành bốn pháp nhiếp này, khiến cho chúng sinh thương tôi, kính tôi, tin tôi, sau đó mới nghe tôi khuyên dạy, chịu sự huấn tập của tôi mà tin ngưỡng Phật pháp. Lúc đó Tỳ Lô Giá Na Phật dùng bốn pháp nhiếp để nhiếp thọ đại chúng trong pháp hội này.

Tại nơi mỗi vị Phật, khi trồng căn lành thì họ đều đã được khéo nhiếp thọ. Dùng nhiều phương tiện giáo hóa thành thực, khiến cho họ an trụ nơi đạo nhất thiết chủng trí. Trồng vô lượng nhân lành, đắc được vô biên đại phước. Thấy đều đã nhập vào nơi biển nguyện phương tiện.

Ở tại chỗ mỗi vị Phật, khi chúng sinh trồng căn lành, thì đều dùng bốn pháp nhiếp, để nhiếp thọ tất cả chúng sinh, dùng nhiều pháp phương tiện để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều thành thực, an trụ vào đạo nhất thiết trí, đắc được đạo nhất thiết chủng trí.

Ở trên đã nói về các Thiên chúng, long chúng, quỷ thần chúng, tất cả đều trong vô lượng kiếp quá khứ, gần gũi đức Phật Tỳ Lô Giá Na, trồng đủ căn lành ở trong pháp hội, an trụ nơi đạo nhất thiết trí (trồng tất cả nhân Phật, kết tất cả quả Phật). Các vị đó trồng vô lượng căn lành, ở trong vô lượng kiếp tu phước huệ, cho nên bây giờ hoạch được vô lượng đại phước báu, đều vào nơi biển nguyện phương tiện.

Biển nguyện phương tiện là gì ? Tức là tu đạo phải phát nguyện, dùng pháp môn quyền xảo phương tiện để độ tất cả chúng sinh. Thứ nguyện này rộng lớn như biển cả. Tu đạo phải đủ ba điều kiện mới vào được biển nguyện phương tiện. Thứ nhất : Phải có tâm tin, tin rằng mình tương lai có thể thành Phật. Thứ hai : Phải có tâm nguyện, phát nguyện tương lai thành Phật rồi nhất định rộng độ chúng sinh. Thứ ba : Phải có tâm hành, đã có tin và nguyện mà không cung hành thực tiễn, không tinh tấn tu hành thì chẳng có ích gì.

Sự thực hành thấy đều hoàn toàn thanh tịnh, đã khéo thoát khỏi, thường thấy Phật được rõ ràng, dùng sức hiểu biết thù thắng, nhập vào biển lớn công đức của Như Lai.

Lập được biển nguyện rồi, còn phải thành thật tu hành. Tu các hạnh môn phải hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, đó là con đường thoát khỏi. Thoát khỏi cái gì ? Thoát khỏi nhà lửa ba cõi. Nhà lửa ba cõi chẳng dễ gì ra khỏi. Ra khỏi được ba cõi đó gọi là khéo thoát khỏi.

Các Thánh chúng này đều thường thấy được Phật, vì các Ngài đều đã ra khỏi được nhà lửa ba cõi. Đức Phật là vô tại vô bất tại, vô sở bất tại. Vậy tại sao có người thấy được Phật ? Có người chẳng thấy Phật ? Vì chỉ có người nào đầy đủ tâm thanh tịnh, mới có thể thấy được Phật, người tâm không thanh tịnh thì chẳng thấy Phật. Có người thấy Phật nhưng không rõ ràng, có người tuy nhiên thấy Phật rõ ràng nhưng không thường thấy. Bây giờ các Thánh chúng này không những luôn luôn thấy Phật mà còn thấy rất rõ ràng, cho nên nói là thấy Phật rõ ràng.

Các Thánh chúng này dùng sức hiểu biết thù thắng, dùng đại trí huệ để minh bạch tất cả, đã vào trong biển lớn công đức của Như Lai. Công đức này đồng với Phật, cho nên nói là vào trong biển lớn công đức của Như Lai.

Được môn du hí thần thông giải thoát của chư Phật.

Vì nhập vào biển lớn công đức của Như Lai, cho nên đắc được môn giải thoát của chư Phật, tức cũng là đắc được chân chánh tự tại, chẳng còn phiền não, đắc được thần thông du hí. Các chúng ở trên đều đã đạt được cảnh giới vô ngại này.

Giải thoát là gì ? Tức là cởi mở sự trói buộc : kiến, tư (thấy và nghĩ) hai hoặc của ba cõi, thoát khỏi quả khổ ba cõi sinh già bệnh chết, chẳng còn phần đoạn sinh tử là giải thoát của A La Hán ; chẳng còn biến dịch sinh tử là giải thoát của Bồ Tát.

Du hí là gì ? Tức là do chân hiện vọng, do vọng hiện chân, chân vọng không hai, chân vọng vốn không, dùng pháp quyền xảo phương tiện để độ chúng sinh thoát khỏi ba cõi.

Thần thông là gì ? Những vật hiện ra, chột lớn chột nhỏ, chột có chột không, biến hóa khó dò, người có những cảnh giới này, có thể nói là đã chứng quả.

Tâm từ là nhân duyên của tất cả điều an lạc, xa lìa từ bi thì không thể đắc được các pháp lành.

Ở trên là nói về các pháp môn tu hành của Bồ Tát, các Thần biến chúng Thiên Vương, tu hành thành tựu thì đắc được giải thoát. Dưới đây là nói về môn chúng đắc giải thoát và bái kệ của các vị đó.

Diệu Diệm Hải Đại Tự Tại Thiên Vương được môn giải thoát, sức phương tiện tịch tĩnh khắp pháp giới hư không giới.

Ở trên đã giảng qua, trong mười vị Trời Đại Tự Tại có vị Vua Trời tên là Diệu Diệm Hải. Vị này đắc được môn giải thoát sức phương tiện tịch tĩnh pháp giới hư không giới.

Pháp giới là gì ? Pháp giới không ra ngoài một tâm, một tâm bao khắp pháp giới, do đó “ Như tâm bất ly thập pháp giới.” Nghĩa là pháp giới chẳng ra ngoài một tâm niệm.

Hư không giới là gì ? Tức là tự tính con người, cấu bản gì cũng chẳng có, giống như hư không thanh tịnh trong sáng.

Tịch tĩnh là gì ? Tức là định. Phương tiện là gì ? Tức là động. Định động đều giải thoát, lúc này động

không ngại tĩnh, tĩnh không ngại động, động tĩnh nhất như.

Giải thoát môn là gì ? Trước hết phải nói rõ, đừng nhận rằng có môn (cửa), “ môn ” này chỉ là ví dụ. Nếu có “ môn ” thì không thể giải thoát được, cho nên đừng chấp trước chữ nghĩa. Nếu xuất nhập chẳng có chướng ngại, thì đó là thật giải thoát. Nếu có “ môn ” thì ở trong môn là giải thoát, ở ngoài môn thì chẳng phải giải thoát. Ở ngoài môn là giải thoát thì ở trong môn lại chẳng giải thoát. Như vậy vẫn chưa viên mãn. Nếu ở trong “ môn ” ngoài “ môn ” đều giải thoát thì còn cần “ môn ” này để làm gì ? Cho nên nói “ môn ” này là vô hình, là một ví dụ mà thôi. Nếu muốn chân chánh đắc được tự tại, đắc được giải thoát thì phải thật đắc được từ trong tâm, không cần tìm “ môn ” (cửa) trên sự giải thoát. Đây chỉ là “ môn ” trên văn tự chẳng phải “ môn ” thực tế. Điểm này phải nhận thức rõ ràng !

Nếu nhận định cần chấp trước đi tìm “ môn.” Vậy từ “ môn ” này đi vào lại đi ra từ môn nào ? Cho nên trước hết phải hiểu ý nghĩa giải thoát môn mới hiểu được nghĩa chân thật.

Thiên Vương Tự Tại Danh Xưng Quang được môn giải thoát, quán tất cả các pháp thấy đều tự tại.

Vị Thiên Vương này tên là Danh Xưng Quang. Vị này đắc được môn giải thoát quán, sát khắp tất cả các pháp môn, bất cứ tâm pháp và sắc pháp gì, cho đến tất cả các pháp đều tự tại vô cùng.

Thiên Vương Thanh Tịnh Công Đức Nhân được môn giải thoát, vô công dụng hạnh biết tất cả các pháp, không sinh không diệt không đến không đi.

Vị Thiên Vương này tên là Thanh Tịnh Công Đức Nhân, quang minh thanh tịnh của vị này là khắp hư không biến pháp giới. Sở đắc của vị này là minh bạch tất cả các pháp, vốn là không sinh không diệt, không đến không đi, đó là công vô công, dụng vô dụng, không cần tạo tác, càng không cần miễn cưỡng đó gọi là vô công dụng hạnh. Vì nó không sinh không diệt, cho nên không đến không đi ; vì nó không đến không đi, cho nên không sinh không diệt, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Thiên Vương Khả Ái Lạc Đại Huệ được môn giải thoát, biến trí huệ, hiện thấy tướng chân thật của tất cả các pháp.

Vị Thiên Vương này tên là Khả Ái Lạc Đại Huệ. Sở đắc của vị này là môn giải thoát trí huệ như biển cả, hiện thấy tất cả chân thật tướng của các pháp. Hiện thấy tức là chỗ thấy hiện tại. Chân thật tướng tức là vô tướng, vô tướng vô bất tướng.

Thiên Vương Bất Động Quang Tự Tại được môn giải thoát, đại định phương tiện đem lại vô biên an lạc cho chúng sinh.

Vị Thiên Vương này tên là Bất Động Quang Tự Tại, nhập vào trong định đại phương tiện, ban cho tất cả chúng sinh vô biên an lạc. Vô biên tức là chẳng có bờ mé, an lạc tức là chẳng có phiền não. Đó là môn

giải thoát đại định phương tiện của vị này đắc được.

Thiên Vương Diệu Trang Nghiêm Nhân được môn giải thoát, diệt sự ngu si đen tối và sợ hãi làm cho chúng sinh quán sát được pháp tịch tĩnh.

Vị Thiên Vương này tên là Diệu Trang Nghiêm Nhân. Vị này đắc được môn giải thoát tiêu diệt tất cả ngu si đen tối và sợ sệt khiến cho chúng sinh quán sát được pháp tịch tĩnh.

Thiên Vương Thiện Tư Duy Quang Minh được môn giải thoát, chẳng khởi tư duy nghiệp tất cả các cõi, khéo nhập vào cảnh giới không có bờ mé.

Vị Thiên Vương này tên là Thiện Tư Duy Quang Minh. Vị này đắc được môn giải

thoát chẳng khởi nhân tư duy sở tạo nghiệp (tức chấp trước vào tam giới hai mươi lăm hữu) khéo nhập vào cảnh giới chẳng có bờ mé. (còn tiếp)

Mình có chuyện đau khổ là vì chấp trước chưa phá trừ. Chấp trước một khi xả bỏ thì không còn gì khổ đau nữa. Cũng chẳng còn gì gọi là khoái lạc.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Pháp Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Có tám vị Long Vương. Đó là : Long Vương Nan Đà, Long Vương Bạt Nan Đà, Long Vương Sa Già La, Long Vương Hòa Tu Cát, Long Vương Đúc Xoa Ca, Long Vương A Na Bà Đạt Đa, Long Vương Ma Na Tư, Long Vương Ưu Bát La, mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Trước kia rồng rất nhiều, ai ai cũng đều có thể thấy. Ngày nay thì rồng chẳng xuất hiện. Tại sao bây giờ rồng chẳng xuất hiện ? Vì hiện tại con người quá nhiều, khiến cho rồng chẳng dám xuất hiện.

Rồng thuộc về loài súc sinh, nhưng chẳng giống với các loài khác ; rồng có thần thông biến hóa, có thể biến lớn biến nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Rồng tại sao phải làm rồng ? Kiếp trước của rồng là người tu đạo. Vì khi tu đạo thì "thừa cấp giới hoãn" cho nên đọa làm thân rồng. Bây giờ giải thích thừa cấp giới hoãn.

Thừa cấp giới hoãn : Thừa là đại thừa, tiểu thừa, giới là giới luật. Người này tu đạo tuy rất cấp tán nhưng chẳng giữ giới luật, dục niệm không đoạn trừ, nhất là dâm dục chưa dứt được, đối với giới luật cầu thả lơ là, cho nên đọa làm thân rồng. Vì tu pháp đại thừa rất tinh tấn dũng mãnh cho nên có thần thông.

Giới cấp thừa hoãn : Tuy giữ gìn giới luật, nhưng chẳng tinh tấn về pháp đại thừa. Người tu đạo kiểu này, kiếp sau cũng làm người, được làm người giàu sang, nhưng chẳng thông minh lắm. Vì tu giữ giới luật rất cẩn thận, cho nên làm người giàu sang, nhưng chẳng đọc tụng Kinh điển đại thừa, chẳng nghiên cứu Phật pháp, cho nên chẳng có trí huệ, chẳng được thông minh lắm.

Thừa giới câu cấp : Không những đối với pháp đại thừa, rất tinh tấn tu hành tiến về trước, mà giới luật cũng giữ gìn rất tinh nghiêm. Người tu đạo như thế này, có thể sớm khai ngộ chứng quả. Nếu không thể

chứng quả cũng sẽ sinh về cõi trời hưởng thọ phước báu.

Thừa giới câu hoãn : Loại người này không tu pháp đại thừa, cũng chẳng giữ giới luật, suốt ngày đến tối giải đãi, sáng ngủ đến mười giờ mới dậy, tối thì đi nghỉ sớm, do đó :

"Nhật cao tam can thân vị khởi,
Toán lai danh lợi bất như hàn."

Nghĩa là mặt trời mọc cao hơn mười trượng, nhưng người tu hành này vẫn chưa dậy, những người cầu danh cầu lợi chẳng thanh nhàn như ta, gì cũng chẳng làm, người thừa giới câu hoãn, chẳng giữ giới luật cũng chẳng nghiên cứu Phật pháp. Tuy nhiên mang danh là xuất gia nhưng thật tế thì chẳng tu hành, chẳng dụng công, thích ăn không ngồi rồi, việc gì cũng chẳng làm, cứ thói lùi về sau. Nhưng có vật gì ngon thì lén ăn trước. Thường thích ăn mà lười biếng làm, tương lai sẽ đọa địa ngục, suốt ngày đến tối phải ăn toàn sắt nóng. Bạn thích ăn thì mời bạn xơi cái đó, thích không làm việc, không thích nghiên cứu Phật pháp, thì đến nơi đó chẳng cần bạn làm chi cả, chỉ kêu bạn thọ tội, trên thì núi đao, dưới thì chảo dầu sôi .v.v., khiến cho bạn thưởng thức mùi vị, xem bạn còn lười nữa chẳng ?

Trong hội Pháp Hoa này có tám vị Long Vương, ngoài ra còn có vô số quyến thuộc của loài rồng. Giảng đến đây, tôi nhớ lại lúc còn ở Đông Bắc (Trung Quốc), thì Quả Thuấn dùng cỏ tranh làm một cái am, thỉnh tôi đến khai quang. Tôi dẫn theo Quả Năng, Quả Thị, Quả Hữu, một số đệ tử đi. Đêm đó tá túc lại lều tranh của y. Do đó, có mười con rồng đến muốn quy y Tam Bảo. Lúc đó thời tiết hạn hán không mưa, tôi bèn hỏi mười con rồng : "Rồng thì lo về mưa, tại sao các vị không mưa xuống ?" Rồng đáp : "Mưa xuống

phải có sự phân phối của Trời Đế Thích, có lệnh của Trời Đế Thích, mới có thể mưa xuống, nếu không, chúng tôi không dám tùy tiện mưa xuống." Tôi nói : "Các vị hãy thế tôi đến thỉnh cầu Trời Đế Thích, mưa xuống chung quanh chỗ tôi khoảng bốn mươi dặm. Nếu ngày mai các vị thỉnh Trời Đế Thích mưa xuống, thì ngày mốt ta sẽ quy y cho các vị, thu các vị làm đệ tử nơi cửa Phật." Quả nhiên ngày thứ hai trời mưa xuống, mà chỉ mưa chung quanh bốn mươi dặm, cho nên sang ngày sau tôi quy y cho mười con rồng đó. Quy y rồi, mấy con rồng đều phát tâm tu hành.

Tôi đặc cho mười vị Long Vương này cùng một pháp danh gọi là "Cấp Tu, Khoái Độ", nghĩa là tu mau lên, để sớm cứu độ tất cả loài rồng. Cho nên nhiệm vụ của chúng hiện tại là giáo hóa rồng ! Nói ra chuyện này có vẻ là thần thoại, nhưng thật tế thì chẳng phải thần thoại đó là sự thật hiện đời của tôi.

Rồng có thần thông biến hóa, tuy nhiên người nhìn chẳng thấy, nhưng rồng vẫn tồn tại. Hiện tại có tám vị Long Vương trong hội Pháp Hoa :

1. Long Vương Nan Đà.
2. Long Vương Bạt Nan Đà : Nan Đà là tiếng Phạn, dịch là "hoan hỉ". Bạt Nan Đà dịch là "thiện hoan hỉ". Hai vị Long Vương này là hai anh em. Trước kia họ chẳng giữ quy cụ, nhưng từ khi Ngài Mục Kiền Liên hàng phục được chúng, thì họ trở thành hộ pháp trong Phật giáo, cho nên đến tham dự hội Pháp Hoa. Hai anh em Long Vương này ủng hộ nước Ma Kiệt Đà, khiến cho mưa thuận gió hòa, ngũ cốc dồi dào. Do đó hai vị Long Vương này rất có ích lợi cho người.
3. Long Vương Sa Già La : Sa Già La dịch là "biển mặn". Vị Long Vương này ở trong biển mặn.
4. Long Vương Hòa Tu Cát : Hòa Tu Cát dịch là "nhiều đầu". Vị Long Vương này có bảy đầu, hoặc chín đầu, hoặc mười hai đầu, hoặc mười lăm đầu. Vị Long Vương này là vị Long Vương nhiều đầu.
5. Long Vương Đứ Xoa Ca : Đứ Xoa Ca dịch là "hiện độc". Vị Long Vương này hiện ra nhiều chất độc, ai bị chất độc này thì sẽ chết.
6. Long Vương A Na Bà Đạt Đa : A Na Bà Đạt Đa dịch là "không nhiệt não", chẳng có nhiệt phiền não.
7. Long Vương Ma Na Tư : Ma Na Tư dịch là "thân lớn". Vị Long Vương này thân thể to lớn, gọi là đại thân Long Vương.

8. Long Vương Ưu Bát La : Ưu Bát La dịch là "thanh liên hoa". Vị Long Vương này gọi là Long Vương Thanh Liên Hoa.

Các vị Long Vương này, mỗi vị đều mang theo quyển thuộc trăm ngàn rồng con rồng cháu, đến hội Pháp Hoa để nghe Phật giảng Kinh.

Có bốn vị Khẩn Na La Vương, đó là : Pháp Khẩn Na La Vương, Diệu Pháp Khẩn Na La Vương, Đại Pháp Khẩn Na La Vương, Trì Pháp Khẩn Na La Vương. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyển thuộc đều tụ hội.

Không những có rồng mà cũng có Khẩn Na La, cũng là một trong Thiên Long Bát Bộ. Khẩn Na La dịch là "nghi thần", vì Khẩn Na La giống như người, nhưng trên đầu có một cái sừng. Khẩn Na La là Thần tấu nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Pháp Khẩn Na La Vương : Vị này có nhiều phương pháp để tấu âm nhạc.
2. Diệu Pháp Khẩn Na La Vương : Vị này không những có pháp mà còn diệu phi thường . Âm nhạc tấu lên hay vô cùng, khiến cho người nghe đều hoan hỉ.
3. Đại Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị này tấu lớn phi thường, pháp cũng lớn, tiếng cũng lớn.
4. Trì Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên khiến cho người sinh tâm hoan hỉ, y pháp tu hành.

Có bốn vị Càn Thát Bà Vương, đó là : Nhạc Càn Thát Bà Vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương, Mỹ Càn Thát Bà Vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyển thuộc đều tụ hội.

Càn Thát Bà Vương cũng là thần tấu âm nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Nhạc Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu rất hay vô cùng.
2. Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên còn hay hơn so với vị Nhạc Càn Thát Bà Vương.

3. Mỹ Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên mỹ diệu êm tai vô cùng.

4. Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên hay không thể tả, vi diệu nhất, êm tai nhất.

Các vị này thích nhất là ngửi mùi hương, dùng hương làm thức ăn. Cho nên khi trời Đế Thích muốn nghe âm nhạc, thì chỉ cần đốt lên hương chiên đàn thì họ sẽ đến tấu nhạc.

Trong bộ Kinh này có nói về các chúng Thần tấu nhiều loại âm nhạc hay vô cùng, nhưng họ vốn chẳng phải sở hữu của Phật giáo, mà là thuộc về sự quản lý của Trời Đế Thích. Trời Đế Thích quy y với Đức Phật rồi, thì Trời Đế Thích và quyến thuộc bộ hạ đều trở thành Thiên Long hộ pháp.

Có bốn vị A Tu La Vương, đó là : Bà Trĩ A Tu La Vương, Khư La Khiên Đà A Tu La Vương, Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vương, La Hầu A Tu La Vương. Mỗi vị với bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

A Tu La Vương còn gọi là "vô đoan chánh" cũng gọi là "vô tửu", vì chúng có phước trời mà chẳng có quyền lực trời. Diện mạo của người nam rất xấu xí, nhưng người nữ rất đẹp. Chúng thích nhất là đấu tranh.

1. Bà Trĩ A Tu La Vương : Bà Trĩ nghĩa là "bị trối", bị ai trối ? Bị binh trời tướng trời trối, hoặc dịch là "tối thắng", thắng hết tất cả mọi cảnh tình dục.

2. Khư La Khiên Đà A Tu La Vương : dịch là bấp vai lớn, dùng để gánh vác pháp.

3. Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vương : Tỳ Ma Chất Đa La nghĩa là "âm thanh sóng biển", hoặc dịch là "tịnh tâm", vị này là nhạc phụ của Trời Đế Thích.

4. La Hầu A Tu La Vương : nghĩa là "chương trì", thân của vị này cao và to lớn, tay có thể rờ mặt trời mặt trăng, che lấp ánh sáng. Tóm lại, vị này luôn luôn vì phiền não làm chương ngại, do đó suốt ngày bực bội nóng giận.

Bốn vị A Tu La này với quyến thuộc của họ đều đến nghe Phật pháp.

Có bốn vị Ca Lô La Vương, đó là : Đại Oai Đức Ca Lô La Vương, Đại Thân Ca Lô La Vương, Đại Mãn Ca Lô La Vương, Như Ý Ca Lô La Vương. Mỗi vị với bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.

Ca Lô La Vương là đại bàng kim sí diệu, là chim lông cánh sắc vàng.

1. Đại Oai Đức Ca Lô La Vương : Oai đức của vị này lớn vô cùng, hơn các Ca Lô La Vương khác, có thể che trời phủ đất.

2. Đại Thân Ca Lô La Vương : Vị này ở trên núi kim cang đại thụ, hai cánh dãn ra rộng dài khoảng ba trăm ba mươi sáu do tuần.

3. Đại Mãn Ca Lô La Vương : Chim này chỉ cần quạt cánh một cái thì nước biển rẽ làm đôi, bắt rồng ăn mà lấy làm thỏa mãn.

4. Như Ý Ca Lô La Vương : Chim này trên cổ có hạt châu như ý. Chỉ cần nghĩ đến ăn rồng, thì rồng tự động vào trong miệng. Vì loài chim cánh vàng này có bản lãnh ăn rồng, gần như muốn

tuyệt nòi, vì muốn bảo hộ rồng tồn tại cho nên Long Vương đến cầu cứu với Đức Phật. Đức Phật đem tám y Cà sa cũ cho Long Vương, kêu Long Vương phân ra từng sợi chỉ và cột vào mỗi con rồng, thì chim đại bàng cánh vàng không dám ăn nữa. Quả nhiên chim đại bàng cánh vàng không có gì để ăn, mới đến khiếu nại Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp khuyên nói đừng ăn rồng nữa. Từ đó về sau mỗi khi chư Tăng dùng cơm trưa, thì thí cho nó ít cơm. Đó là nguyên nhân chim đại bàng cánh vàng quy y với Đức Phật. Hiện tại chúng mang tất cả quyến thuộc đến pháp hội để nghe pháp. (còn tiếp)

KINH LĂNG NGHIÊM

Tiếp theo kỳ trước

Toàn bộ kinh điển Phật giáo được chia làm mười hai bộ (thập nhị bộ kinh), còn gọi là mười hai loại, mười hai môn hoặc mười hai phần giáo :

1) **Trường hàng bộ.** Bộ thứ nhất là Trường hàng. “Trường hàng” là gì? Trong kinh thường dùng thể văn có từng hàng từng hàng và rất dài, nên gọi là “trường hàng” (văn xuôi).

2) **Trùng tụng bộ.** Đây là những bài kệ (văn vần) được “trùng tụng,” nhắc lại ý nghĩa của đoạn trường hàng bên trên.

3) **Thọ ký bộ.** Gì là “thọ ký”? Trong kinh điển thường đề cập đến việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ghi nhận trước cho một vị Bồ tát nào đó rất rõ ràng, như: “Vào kiếp (nào đó), ông sẽ thành Phật, danh hiệu là (gì đó), thọ mạng (bao lâu), giáo hóa (bao nhiêu) chúng sanh, ở quốc độ (nào) ...” Đó gọi là “thọ ký.”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xưa kia cũng đã từng được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho.

Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở nhân địa tu hành đạo Bồ tát, cầu Phật pháp, quý vị đoán xem thành tâm của Ngài đã được thể hiện như thế nào? Khi đang hành trì Bồ tát đạo, Ngài đã từng “trái tóc che bìn” cho Đức Phật Nhiên Đăng bước qua. “Trái tóc che bìn” là thế nào?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tu hành ở nhân địa, Ngài thực hành đủ thứ khổ hạnh. Có một lần, Ngài đang đi thì thấy có một vị Tỳ kheo cũng đang

đi tới và sắp phải vượt qua một quãng đường rất lầy lội, nước mưa đọng thành từng vũng. Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quý vị đoán xem Ngài làm gì? Ngài nói: “Ôi! Chỗ này lầy lội quá, vị Tỳ

kheo này tuổi đã cao, không khéo thì sẽ bị ướt hết!”

Thế là, Ngài nằm dài trên vũng nước, và thỉnh vị Tỳ kheo già giẫm lên thân mình mà đi. Bấy giờ, vẫn còn một chỗ bùn lầy mà thân Ngài không che hết được. Vì ngại rằng chân của vị Tỳ kheo sẽ bị lấm bùn, Ngài bèn xoắn tóc ra và trải lên chỗ bùn lầy đó để cho vị Tỳ kheo đi qua khỏi bị dơ chân. Ngờ đâu vị Tỳ kheo già đó chính là Đức Phật Nhiên Đăng!

Chứng kiến một sự cúng dường thành tâm như thế, Đức Phật Nhiên Đăng rất hoan hỷ, nói rằng: “Như thị, như thị”; tức là: “Ông ‘như vậy,’ tôi cũng ‘như vậy’.” “Như vậy” là gì? Nghĩa là hành Bồ tát đạo là “như vậy.” Bởi vì Đức Phật Nhiên Đăng trong quá khứ tu hành Bồ tát đạo cũng “như vậy,” nên cho rằng tu hành “như vậy” là đúng, và liền thọ ký cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Trong tương lai, Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni.” Do vậy, kiếp này Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật. Trong đời quá khứ đó, vì cảm động trước lòng thành của Đức Thích Ca Mâu Ni nên Đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ngài.

4) **Nhân duyên bộ.** Do có vô số nhân duyên nên thuyết vô số pháp môn.

5) **Tỷ dụ bộ.** “Tỷ dụ” có nghĩa là lấy vật này so sánh với việc nọ, dùng ví dụ để hiển minh chỗ vi diệu của

Phật pháp.

Người lành biết làm việc thiện, như vui mà vào chỗ vui, như sáng vào chỗ sáng. Người ác mà làm việc ác, như khổ mà vào chỗ khổ, như tối mà vào chỗ tối.

Hôm nay tu, nghĩ rằng mai thành Phật ! Vừa cuốc đất đã tưởng đào xong giếng ! Không có việc đó đâu ! Tu hành thì như mài sắt thành kim, công phu đầy đủ thì tự nhiên sẽ thành tựu.

6) **Bổn sự bộ.** Bộ này gồm những kinh văn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể lại các sự việc trong đời quá khứ của chính Ngài, hoặc của các Bồ tát.

7) **Bổn sanh bộ.** Đây là những kinh văn nói về các sự việc xảy ra trong đời hiện tại này của Đức Phật Thích Ca hoặc của các Bồ tát khác.

8) **Phương quảng bộ.** “Phương” là bốn phương, “quảng” là rộng lớn. Giáo pháp được tuyên thuyết thì cực kỳ rộng lớn và vô cùng tinh vi.

9) **Vị tăng hữu bộ.** Đây là những giáo pháp mà từ trước tới nay chưa từng tuyên thuyết, đến bây giờ mới được nói ra.

10) **Bất vấn tự thuyết bộ.** Không có người thưa thỉnh mà Đức Phật tự phóng hào quang, đại địa rung động, và Phật bắt đầu thuyết pháp—đó gọi là “bất vấn tự thuyết.”

11) **Cô khởi bộ** (còn gọi là “phúng tụng”). Đây là những bài kệ tụng riêng lẻ, mà ý tứ không liên quan gì với đoạn văn trên, cũng không liên quan gì với đoạn văn dưới.

12) **Luận nghị bộ.** Đây là những kinh văn có tính cách vấn đáp biện luận.

Trên đây là mười hai bộ kinh điển. Có bài kệ như sau:

Trường hàng, Trùng tụng tịnh Thọ ký,

Cô khởi, Vô vấn nhi tự thuyết,

Nhân duyên, Tỷ dụ cập Bốn sự,

Bốn sanh, Phương quảng, Vị tăng hữu,

Luận nghị, cộng thành thập nhị bộ.

Quý vị muốn hiểu tường tận hơn thì có thể tham khảo thêm ở bộ *Đại Trí Độ Luận*, trong đó giải thích rất cặn kẽ về sự phân loại mười hai bộ kinh điển.

Phải chăng Tam Tạng kinh điển chỉ vồn vẹn có mười hai bộ kinh phân loại theo mười hai bộ này? Không phải vậy! Kỳ thực, mỗi bộ kinh đều bao quát mười hai bộ này, và mỗi đoạn kinh văn đều thuộc một trong mười hai bộ.

Vậy, trên đây là môn phân biệt thứ nhất, Tổng thích danh đề. Bây giờ chúng ta tìm hiểu môn phân biệt thứ hai—Khởi giáo nhân duyên. (còn tiếp)

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM LÀ :

- Phát tâm đại bi, vì cứu khắp tất cả chúng sinh.
- Phát tâm đại từ, vì giúp khắp tất cả thế gian.
- Phát tâm an lạc, vì làm cho tất cả chúng sinh diệt tất cả khổ.
- Phát tâm lợi ích, vì làm cho tất cả chúng sinh lìa pháp ác.
- Phát tâm thương xót, vì có ai sợ hãi đều bảo hộ.
- Phát tâm vô ngại, vì rời bỏ tất cả chướng ngại.
- Phát tâm rộng lớn, vì tất cả pháp giới đều đầy khắp.
- Phát tâm không bờ mé, vì khắp cõi hư không đều qua đến.
- Phát tâm sâu rộng, vì đều thấy tất cả Như Lai.
- Phát tâm thanh tịnh, vì trí huệ không trái với pháp ba đời.
- Phát tâm trí huệ, vì vào khắp biển Nhất thiết trí.

Kinh Hoa Nghiêm

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

39. Nam Mô Bà Già Bà Đế.

Kê : Không vọng tự tại trong đại định
Đuốc trí sáng rực chiếu Phạm cung
Đoan nghiêm oai nghi tam thiên giới
Cát tường như ý từng xanh mãi.

Giảng giải : Không có vọng tưởng tức là tự tại, có vọng tưởng thì không tự tại. Nếu tự tại thì ở trong định quang minh. “Đuốc trí sáng rực chiếu Phạm cung.” Đuốc trí huệ chiếu sáng thiên cung. Ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp không thể sánh với sự đoan nghiêm này, là sự tôn kính nhất của chúng sinh trong ba ngàn thế giới. Thứ đoan nghiêm này tức có ba ngàn oai nghi và ba trăm lễ nghi, được như thế thì sẽ như ý cát tường, “Cát tường như ý từng xanh mãi.” Giống như cây tùng vĩnh viễn xanh tươi, nếu muốn nói tỉ mỉ thì nói không hết, bây giờ chỉ lược nói một chút.

40. Ma Ha Ca La Gia.

Kê : Đại Phạm Thiên Vương tên Đại Bi
Cứu hộ tất cả chúng sinh quy
Bốn tay ba mắt quán chánh tà
Thường thiện phạt ác rất công minh.

Giảng giải : Đây là Đại Phạm Thiên chúng của trời Đại Phạm Thiên, gồm có phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc trong đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi, rất là từ bi, lại có một vị tên là Cứu Hộ Tất Cả, cho nên nói “Đại Phạm Thiên Vương tên Đại Bi - Cứu hộ tất cả chúng sinh quy.” Vị trời đó thấy chúng sinh đi sai đường thì nghĩ cách dạy họ trở lại, đừng làm vào đường tà. “Bốn tay ba mắt quán chánh tà.”

Nếu ai làm việc tốt, thì vị ấy thưởng cho họ, ai làm việc ác thì phạt họ.

41. Địa Lị Bát Lạt Na.

12

Kê : Quang minh biến chiếu đại dũng vương

Bất không trí huệ lộ chân thường
Nhiên Đăng Cổ Phật quyền thị hiện
Phổ nhiếp quần cơ nhập pháp đường.

Giảng giải : Đây cũng là Đại Phạm Thiên. Địa Lị dịch là "thâm dũng". Quang minh của Đại Phạm Thiên Vương chiếu khắp mười phương pháp giới, cũng là một vị vua đại dũng mãnh. “Bất không trí huệ lộ chân thường.” Vị ấy có đại trí huệ, đều trên đạo chân thường, chân thường tức là cảnh giới ”tùy duyên không đổi, không đổi tùy duyên.” “Nhiên Đăng Cổ Phật quyền thị hiện.” Vua đại dũng mãnh này là hiện thân của Nhiên Đăng Cổ Phật. “Phổ nhiếp quần cơ nhập pháp đường.” Vị ấy nhiếp thọ khắp hết thấy chúng sinh vào trong Phật pháp đường. Họ có thời nhận thức được chân lý, có lúc không nhận thức được chân lý. Phật pháp tức là chân lý, nhận thức là sinh tâm tín ngưỡng. Không nhận thức tức không sinh tâm tín ngưỡng. Nhận thức đều là những người có trí huệ. Không nhận thức là vì bị vô minh che đậy, thấy được Phật pháp cũng không nhận thức, đây là đạo lý nhất định.

42. Già La Tỳ Đà La.

Kê : Thiên binh thiên tướng quân dũng mãnh
Quét sạch quần tà trần yêu khí
Pháp giới trong sạch công đức lớn
Hộ vệ chánh giáo hưng thịnh mãi.

Giảng giải : Đây là binh trời tướng trời, quân đội trên trời. “Quét sạch quần tà trần yêu khí.” Trên trời tại sao vẫn cần binh trời tướng trời ? Vì trên trời có A Tu La và thiên ma ngoại đạo, chúng có phước trời, nhưng không có đức, muốn tác chiến với trời Đế Thích. Binh trời tướng trời dùng để bảo hộ trời Đế Thích, quét sạch quần ma, trấn áp yêu khí. “Pháp giới trong sạch công đức lớn.” Binh trời tướng trời quét trừ yêu ma trong thế giới được

công đức rất lớn. “ Hộ vệ chánh giáo hưng thịnh mãi.” Bảo vệ Phật pháp luôn luôn được hưng thịnh. Câu Ca La này là năm anh em trời, năm anh em trời này có năm luồng quang minh. A Ca La dịch là màu trắng, A La Na dịch là màu đỏ, Ca La dịch là màu đen, Vĩnh Già dịch là màu xanh, Kiền Đà La dịch là màu vàng tức thành năm thứ đại công đức quang minh vân thiên. Trong tập Đà La Ni nói Tỳ Ma La là hiện thân của Đức Phật Vô Ưu.

43. Ba Nô Ca La Gia.

Kê : Tứ trụ công tào tuần thế gian
Quán sát thiện ác chẳng vị ai
Năm tháng ngày giờ nhớ rõ ràng
Nhân quả báo ứng chẳng sai lầm.

Giảng giải : Tứ trụ công tào là năm này, tháng này, ngày này và giờ này, đây là tứ trụ công tào đều đi tuần tra thế gian, “ Quán sát thiện ác chẳng vị ai ” thấy người làm thiện, người làm ác rất công bằng không có biên kiến. “ Năm tháng ngày giờ nhớ rõ ràng ”, họ nhớ rất rõ ràng tại đâu, năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào ? “ Nhân quả báo ứng chẳng sai lầm.” Nhân thiện kết thiện quả, nhân ác kết ác quả, quả báo tơ hào không sai lầm, rất công đạo, rất chánh trực. Câu Ba Nô này dịch là "cứu kính", Ca La Gia dịch là "năng tác", tức là chuyên làm việc tứ trụ công tào chuyên thưởng phạt thiện ác người thế gian.

44. A Địa Mục Đế.

Kê : Vô năng áp và thiện tư duy
Tam Thập Tam Thiên đại anh hùng
Bốn đại bộ châu kẻ ngỗ nghịch
Ác báo khó tránh đọa luân hồi.

Giảng giải : Ý nghĩa A Địa Mục Đế là "vô năng áp", hoặc nghĩa là "thiện tư duy". “ Vô năng áp và thiện tư duy.” Vô năng áp tức là không thể che đậy, không thể che đậy trí huệ của họ. “ Tam thập tam thiên đại anh hùng.” Họ ở trên trời Tam Thập Tam là đại anh hùng rất là oai phong. “ Bốn đại bộ châu kẻ ngỗ nghịch.” Bốn đại bộ châu là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lưu Châu, trong bốn châu thiên hạ này những kẻ không hiểu thuận và ngỗ nghịch thì “ Ác báo khó tránh đọa luân

hồi.” Phàm là kẻ ngỗ nghịch với cha mẹ, hoặc không kính sư trưởng đều làm ngạ quỷ, hay đọa vào địa ngục hoặc làm súc sinh. Luân hồi có ba đường lành và ba đường ác. Ba đường lành là trời, người, A tu la. Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba đường ác thì thọ ác báo, thọ khổ.

45. Thi Ma Xá Na Ni.

Kê : Bửu kế hỏa đánh đại thiên thần
Phụng hành thập thiện tích công đức
Quý tiên linh vật đến chiêm lễ
Cung hành thực tiễn nhân quả chân.

Giảng giải : Thi Ma Xá Na Ni dịch là "bảo kế", lại dịch là "hỏa đánh", đây là một vị thiên thần trên trời, tại sao vị ấy đặc được tướng "bảo kế hỏa đánh" ? Vị vị đó phụng hành thập thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không chưởi mắng, một chút tham sân si cũng chẳng có. "Phụng hành thập thiện tích công đức". Tích tập từng chút từng chút công đức, lâu dần sẽ thành nhiều, cho nên "Quý tiên linh vật đến chiêm lễ". Tất cả quý thần, tất cả chư tiên và tất cả những linh vật đều đến chiêm ngưỡng lễ bái vị thần bảo kế hỏa đánh này. "Cung hành thực tiễn nhân quả chân". Vị đó làm việc gì cũng đều hết lòng, rất nhận chân và cung hành thực tiễn đối với nhân quả, một chút cũng không dám bất cẩn, cho nên vị ấy có oai đức và tướng tốt bảo kế này. Trong Chú Lăng Nghiêm bao quát hết thấy thiên chúng thần, chúng tướng trời, chúng công tào, tất cả thiên vương Thánh hiền, Phật Bồ Tát A La Hán, khi chúng ta tụng Chú này, thì tất cả quý thần đều phải cung cung kính kính, giữ quy cụ. Vì đó đều là tên của Vua Quý Thần, khi chúng nghe đến tên Vua Quý Thần, thì đều tuân theo quy cụ phép tắc, không dám làm càn. Thường thường đặc được đại cảm ứng, thế giới cũng không có tai nạn. Cho nên sức lực của Chú Lăng Nghiêm thật là không thể nghĩ bàn. Hiện tại chúng ta dùng câu văn rất thiển cận để diễn đạt một phần ý nghĩa trong vạn phần của Chú Lăng Nghiêm. Tuy nhiên chỉ có một phần trong vạn phần, nhưng bạn đừng ngại hãy cố gắng ghi nhớ, vì chỉ có chút chút mà có thể minh bạch được nhiều. Giảng Chú Lăng Nghiêm, đây là lối giảng pháp chưa từng có. Hy vọng mọi người hiểu chỗ diệu của Chú Lăng Nghiêm. Như vậy thì thế giới sẽ bình an, cho nên

hiện nay chúng ta giảng chú Lăng Nghiêm cũng (còn tiếp)
là di chuyển tai nạn của thế giới.

Chú ãn Bi Giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

79. Thước Bà La Dạ.

Kê : Lão bạch ngũ sắc sử mục manh
Quán Âm giải nhân ngộ chân thường
Kim điệp bảo liên hào quang chiếu
Bồn lai diện khổng phi gia nương.

"Thước Bà La Dạ": Là "Tự Tại"; Bà Lô Kiết Đế
Thước Bà La Dạ, nghĩa là "Quán Tự Tại".

80. Ta Bà Ha.

Kê : Ti trúc thổ cách mộc thạch kim
Bát âm tề tấu nhựt nhựt tân
Giải liễu nhĩ căn văn tự tánh
Thiên nhạc minh không bất động tâm.

Tạm dịch :

Tơ trúc đất ngói gỗ đá vàng
Tám âm đều tấu ngày ngày mới
Căn tai hiểu rõ nghe tự tánh
Nhạc trời trong không chẳng động tâm.

Quán Tự Tại thành tựu tất cả công đức, "Ta Bà
Ha": Tức là thành tựu tất cả công đức.

81. Án Tất Điện Đô.

Kê : Thọ trì đọc tụng diệu linh văn
Gia bị hộ niệm các hành nhân
Tam thiên thế giới giai thị hiện
Quán Âm tĩ căn giải vị trần.

Tạm dịch :

Thọ trì đọc tụng thần Chú này
Gia bị hộ niệm người trì tụng
Ba ngàn thế giới đều thị hiện
Tĩ căn Quán Âm hiểu vị trần.

"Án": Tức là dẫn đến Kinh văn và Chú dưới đây.
Đây là "dẫn sinh nghĩa". "Án", ở đây nói là dẫn

sinh nghĩa, vì Chú nói ở trước đã xong. Đây là
một ý nghĩa của Chân ngôn.

"Tất", là thành tựu ; "Điện Đô" là "ngã giới", thành
tựu ngã giới, thành tựu sự kết giới của tôi. Chỗ tôi
kết giới vuông tròn tám trăm do tuần. Ở trong
phạm vi tám trăm do tuần của tôi đều bình an vô
sự, đây là kết giới lớn, kết giới vừa khoảng sáu
trăm do tuần, kết giới nhỏ khoảng bốn trăm do
tuần. Ở trong phạm vi tám trăm do tuần của tôi tất
cả mọi người đều bình an vô sự, thành tựu tất cả
công đức chỗ tôi kết giới, tức cũng là tất cả
nguyện vọng. Ví như tại Tam Phan Thị (San
Francisco) tôi kết thượng giới, ở trong sự kết giới
của tôi, không cho phép động đất, không cho phép
có tai nạn lớn. Vì ở trong chỗ tôi kết giới, hộ pháp
thiện thần đều phải thành tựu nguyện lực của tôi.

Vậy tôi kết giới ở tại Tam Phan Thị (San
Francisco) rộng lớn cỡ nào ? Lớn cỡ một hạt bụi.
Song, một hạt bụi của tôi cũng bao quát vô lượng
hạt bụi ; vô lượng hạt bụi tức cũng là một hạt bụi.
Cho nên nếu hạt bụi này hư hoại, thì tất cả hạt bụi
cũng hư hoại, nếu hạt bụi này không hư hoại thì
tất cả những hạt bụi kia cũng không hư hoại, đó là
chỗ tôi kết giới.

82. Mạn Đa La.

Kê : Trì Chú tụng Kinh chuyên nhất tâm
Cảm ứng đạo giao thổ biến kim
Bồ Tát từ bi thủy hiện nguyệt
Chúng sinh giác ngộ ly vị căn.

Tạm dịch :

Trì Chú tụng Kinh chuyên nhất tâm
Cảm ứng đạo giao đất thành vàng
Bồ Tát từ bi nước hiện trăng
Chúng sinh giác ngộ lìa vị căn.

"Mạn Đa La": Tức là "đạo tràng", còn gọi là "pháp hội", tức là đạo tràng của tôi đây chắc chắn phải thành tựu, pháp hội của tôi đây chắc chắn phải viên mãn.

83. Bạt Đà Gia.

Kê : Pháp giới hư không thiên ngoại thiên
Vi trần sát hải tận bao dung
Hữu duyên vô duyên đồng hoá độ
Tín thọ phụng hành tức Thánh chúng.

Tạm dịch :

Tận cùng pháp giới cõi hư không
Hạt bụi biển cõi bao dung khắp
Có duyên không duyên đều hoá độ
Tin thọ thực hành tức Thánh chúng.

"Bạt Đà Gia": Nghĩa là gì ? Tức là "toại tâm viên mãn". Ví như tôi muốn hạt bụi của tôi đây không hư hoại thì nó không hư hoại. Tôi muốn tất cả những hạt bụi không hư hoại thì tất cả những hạt bụi được toàn vẹn. Tôi niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" này, hy vọng Tam Phan Thị (San Francisco) chẳng có động đất, nếu có động đất thì động đất lớn sẽ biến thành nhỏ, nhỏ sẽ biến thành chẳng có. Chẳng có thì mọi người chẳng sợ. Đó gọi là toại tâm viên mãn; bạn muốn gì thì thành tựu cái đó. Nếu bạn tin thì có sự diệu như thế; còn nếu bạn không tin thì bạn chẳng muốn đắc được sự diệu đó.

84. Ta Bà Ha.

Kê : Danh viết Đại Bi Đà La Ni
Tứ thập nhị thủ thế gian hy
Thiện căn quảng tích phương năng ngộ
Bất tu thử pháp thái khả tích.

Tạm dịch :

Tên gọi là Thần Chú Đại Bi
Bốn mươi hai tay thế gian hiếm
Căn lành rộng lớn mới gặp được
Không tu pháp này thật đáng tiếc.

"Ta Bà Ha", tức là "thành tựu"; thành tựu gì ? Thành tựu nguyện vọng của bạn, thành tựu việc bạn thích. Bất cứ bạn hoan hỉ điều gì, nếu bạn niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" thì sẽ thành tựu.

Do đó khi người xuất gia xuống tóc đi tu thì niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha". Tức cũng là tất cả đều viên mãn, tất cả đều thành tựu, tất cả đều như ý cát tường.

Đã giảng xong Kinh Đại Bi Đà La Ni và Chú Đại Bi, đến đây chấm dứt. Phần sau 42 Thủ Nhân của Kinh Đại Bi Đà La Ni đã giảng rồi lúc trước, không cần phải giảng nữa. Phần sau là khoa hạnh nghi, đó là phương pháp tu hành cũng không cần giảng lại.

Năm vừa rồi do Quả Địa phát tâm muốn nghe Kinh Đại Bi Đà La Ni, trải qua thời gian gần một năm, nay mới giảng xong, viên mãn kết thúc. Tôi cũng hy vọng các vị muốn điều gì thì đều toại tâm mãn nguyện, đều có thể "Bạt Đà Gia Ta Bà Ha"; "Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" là toại tâm mãn nguyện, thành tựu nguyện lực của bạn. Nguyện lực của mỗi người khác nhau, cho nên thành tựu cũng khác nhau. Tôi cũng có một nguyện vọng, tôi hy vọng người nào nghe qua Kinh Đại Bi Đà La Ni thì sớm thành Phật đạo. Vì tôi là người tin Phật nên hoan hỉ mọi người thành Phật.

Nếu bạn thành Phật thì đó là toại tâm mãn nguyện; khi chưa thành Phật thì vẫn chưa toại tâm mãn nguyện. (hết)

Vua Di Lan hỏi La Hán Tỳ Kheo Na Tiên :
Nói rằng người ở thế gian làm điều ác đến trăm năm, khi chết nếu hay niệm Phật, thì sau khi chết được sinh lên cõi trời, lời nói như vậy, tôi không tin. Lại nói một khi sát sinh, chết liền đọa vào địa ngục Ni Lê, tôi cũng không tin. Tỳ Kheo Na Tiên đáp : Có người cầm viên đá nhỏ để trên mặt nước, đá đó nổi hay chìm ? Vua trả lời : Chìm vậy ! Tỳ Kheo Na Tiên nói : Như bung trăm tảng đá lớn để trên chiếc thuyền, thuyền kia chìm hay nổi ? Vua đáp : Không chìm vậy ! Tỳ Kheo Na Tiên nói rằng : Trăm tảng đá lớn để trong thuyền, thuyền vẫn không chìm. Người tuy có đại ác, nếu một khi biết niệm Phật, nhờ đó mà không đọa vào địa ngục Ni Lê, liền sinh lên cõi trời, sao lại không tin ? Viên đá nhỏ kia chìm, như người làm ác không biết có Phật, không biết niệm Phật, sau khi chết đọa vào địa ngục Ni Lê, chuyện đương nhiên như thế, vì sao lại không tin ? Nhà vua nói hay thay, hay thay !

Kinh Tỳ Kheo Na Tiên

ĐẠY TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Lại nữa, nếu được hai pháp là tướng A-bệ-bạt-chí. Hai pháp gì ? Tất cả pháp thực biết là không, cũng niệm không bỏ tất cả chúng sinh. Người như thế gọi là Bồ-tát a-bệ-bạt-chí. Lại nữa, được ba pháp : Một là nhất tâm phát nguyện muốn thành Phật đạo như kim cương không thể động, không thể phá ; hai là đối với tất cả chúng sinh bi tâm triệt vào cốt tủy ; ba là được ban-na tam-muội hay thấy hiện tại chư Phật lúc đó gọi là A-bệ-bạt-chí. Lại nữa, trong luận A-tỳ-đàm, nhóm đệ tử của Ca-chiên-diên ni-tử nói : Thế nào gọi là Bồ-tát ? Là tự giác và giác tha, là sẽ được làm Phật.

Lời phụ : Từ đây trở xuống là lời luận của nhóm tiểu thừa, tức nhóm đệ tử Ca-chiên-diên ni-tử, luận chủ (Bồ Tát Long Thọ) đưa ra để rồi sẽ bác bỏ nhiên vấn đề, xin đọc giả lưu ý và tiếp tục đọc cho đến phần cuối của quyển bốn này, để có chính kiến, đừng vội chấp nhận những lập luận này.

Bồ đề gọi là lậu tận, nhân trí tuệ, người ấy từ trí tuệ sinh, trí tuệ nhân giúp đỡ, nuôi dưỡng nên gọi là Bồ-tát. Lại nói : Phát tâm A-bệ-bạt-chí, từ đó trở về sau gọi là Bồ-tát. Lại nói : Nếu lìa năm pháp, được năm pháp gọi là Bồ-tát. Gì là năm pháp ? Lìa ba ác đạo, thường sinh lên trời, nhân gian ; lìa bần cùng hạ tiện, thường được tôn quý ; lìa phi nam thường được thân nam tử ; lìa các hình tàn khuyết xấu ác được các căn đầy đủ ; lìa xả hỷ vong thường nhớ mệnh trước ; được túc mệnh trí tuệ, thường lìa tất cả việc ác, xa lìa người ác thường cầu đạo pháp, thu nhiếp đệ tử, như thế gọi

là Bồ-tát. Lại nói : Từ lúc trồng ba mươi hai tướng nghiệp đến nay gọi là Bồ-tát.

Hỏi : Thời nào trồng ba mươi hai tướng nghiệp nhân duyên ?

Đáp : Qua ba A-tăng-kỳ kiếp trồng ba mươi hai tướng nghiệp nhân duyên.

Hỏi : Thời A-tăng-kỳ là bao nhiêu ?

Đáp : Trong toán số pháp của người, trời, con số cùng cực không hay biết được ấy gọi là một A-tăng-kỳ. Như mười ngàn là một vạn, ngàn vạn là một ức, ngàn muôn ức gọi là Na-do-tha, ngàn vạn Na-do-tha gọi là Tần bà, ngàn vạn Tần-bà gọi là Ca-tha. Quá Ca-tha gọi là A-tăng-kỳ. Như thế Bồ-tát hành ba A-tăng-kỳ kiếp. Hết A-tăng-kỳ thứ nhất bắt đầu hành A-tăng-kỳ thứ hai, cho đến A-tăng-kỳ thứ ba. Trong A-tăng-kỳ đầu, tâm chẳng tự biết ta sẽ làm Phật, không làm Phật ; trong a-tăng-kỳ thứ hai, tâm tuy hay biết ta hẳn làm Phật mà miệng không nói ta sẽ làm Phật ; trong A-tăng-kỳ thứ ba, tâm rành tự biết được làm Phật, miệng tự nói không còn sợ khó là ta ở mai sau sẽ được làm Phật.

Đức Thích-Ca-Văn Phật ta từ đức Phật Thích-Ca-Văn đời quá khứ, đến Phật Kế-Na-Thi-Khí là A-tăng-kỳ đầu. Trong khoảng thời gian đó, xa lìa thân nữ. Từ Phật Kế-Na-Thi đến Phật Nhiên Đăng là A-tăng-kỳ thứ hai ; trong thời gian đó, Bồ-tát dân bông hoa sen xanh cúng dàng đức Phật Nhiên Đăng, trải áo da hươu, xoả tóc trên bùn. Khi đó đức Phật Nhiên Đăng bèn thụ ký cho rằng : Ông ở đời mai sau được thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni. Từ đức Phật Nhiên Đăng đến đức Phật Tỳ-Bà-Thi là A-tăng-kỳ thứ ba. Qua ba A-tăng-kỳ kiếp đó, Bồ-tát đã trồng ba mươi hai tướng nghiệp nhân duyên.

Hỏi : Xứ nào có thể trồng ba mươi hai tướng nghiệp ?

Đáp : Trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Ở dục giới, có năm đạo thì trồng tại đạo người. Ở trong bốn thiên hạ trồng tại cõi Diêm-Phù-Đề,

trông ở thân nam tử không ở thân nữ. Phật ra đời thì trông, Phật không ra đời không được trông ; Duyên thân Phật được trông, duyên khác không được trông.

Hỏi : Trong ba nghiệp thân-miệng-ý, ba mươi hai tướng nghiệp trông ở nghiệp nào ?

Đáp : Trông ở nghiệp ý, vì có lý do lợi lạc. Lại nữa, nghiệp ý ở trong lục thức, nhưng chỉ trông ở ý thức mà thôi vì năm thức kia không biết phân biệt.

Hỏi : Tướng nào trông đầu tiên ?

Đáp : Có người nói trông tướng tức an lập, vì trước an lập sau mới trông tướng khác. Có người nói trước trông tướng mắt hám thanh để có tướng mắt đại từ nhìn chúng sinh. Tuy có lời nói ấy, bất tất đã phải, nếu tướng nhân duyên khi hòa hợp, ấy là trông đầu tiên.

Hỏi : Trông bởi một tư tưởng hay nhiều ?

Đáp : Ba mươi hai ý nghĩ, trông ba mươi hai tướng, mỗi mỗi ý nghĩ trông mỗi mỗi tướng, mỗi mỗi tướng trùm phúc trang nghiêm.

Hỏi : Bao nhiêu là một phúc đức ?

Đáp : Có người nói : Nghiệp báo Chuyển Luân Thánh Vương thụ phúc lạc trong bốn thiên hạ được tự tại, ấy gọi là một phúc đức ; như thế trăm phúc thành một tướng. Lại có người nói : Làm vua Đế Thích ở cõi trời thứ hai nơi dục giới được tự tại gọi là một phúc. Lại có người nói : Làm Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương ở trong dục giới được tự tại gọi là một phúc. Lại có người nói : Trừ bỏ xứ Bồ-tát, còn tất cả chúng sinh được phúc báo, ấy gọi là một phúc. Lại có người nói : Khi kiếp thiên địa hết, tất cả phúc đức của chúng sinh cộng chung lại và quả báo của tam thiên đại thiên thế giới khi thành lập làm thành một phúc. Lại có người nói : Phúc ấy không thể lường, không thể đem thí dụ mà biết, như tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, đều mù không có mắt, có một người chữa cho khỏi, đó là một phúc. Tất cả mọi người đều bị thuốc độc, có một người chữa khỏi ; Tất cả mọi người phải chết, một người có thể cứu thoát được ; Tất cả mọi người phá giới,

phá chính kiến, một người giáo hóa khiến cho được tịnh giới, chính kiến ; như thế là một phúc. Có người nói khi Bồ-tát vào thời A-tăng-kỳ thứ ba, tâm tư đại hạnh, trông ba mươi hai tướng nhân duyên ấy. Thế nên phúc không thể lường chỉ có Phật mới biết.

Hỏi : Bồ-tát trông ba mươi hai tướng trong bao lâu ?

Đáp : Rất chậm là một trăm kiếp, rất nhanh là chín mươi một kiếp hành đủ ba mươi hai tướng. Như trong Kinh nói : Đời quá khứ lâu xa có đức Phật tên là Phát-Sa, thời bấy giờ có hai vị Bồ-tát : Thích-Ca và Di-Lạc. Đức Phật Phát-Sa muốn xem Bồ-tát Thích-Ca tâm đã thuần thực chưa ? liền biết tâm chưa thuần thực mà các đệ tử đều thuần thực. Lại xem thấy Bồ-tát Di-Lạc tâm đã thuần thực mà đệ tử chưa thuần thực. Bấy giờ đức Phật Phát-Sa nhận xét như vậy : Tâm của một người dễ mau uốn nắn, còn tâm của đa số người khó thể trị mau. Suy xét xong, đức Phật Phát-Sa muốn cho Bồ-tát Thích-Ca mau được thành Phật bèn lên ngọn núi tuyết ở trong hang báu nhập hỏa định. Lúc đó, Bồ-tát Thích-Ca làm ông tiên ngoại đạo, lên núi hái thuốc thấy Phật Phát-Sa ngồi trong hang báu nhập hỏa định phóng quang minh. Thấy rồi tâm vui mừng, tin Kính, kiễng đứng một chân chấp tay hướng Phật, nhất tâm mà quán sát, mắt chưa từng chớp, bảy ngày bảy đêm lấy một bài kệ, tán :

Trên trời dưới trời, không ai bằng Phật.

Mười phương thế giới không thể sánh,

Thế giới có gì ta thấy hết,

Tất cả không ai được như Phật.

Bảy ngày bảy đêm quan sát kỹ đức Thế Tôn mắt chưa từng chớp, liền siêu việt chín kiếp ở trong chín mươi một kiếp đắc đạo vô thượng bồ-đề.

Hỏi : Bồ-tát Thích-Ca Mâu-Ni thông minh, biết nhiều có thể làm nhiều bài kệ hay, tại sao trong bảy ngày bảy đêm chỉ có một bài kệ tán Phật ?

Đáp : Điều quý là ở tâm tư, không phải ở chỗ nói nhiều, nếu Bồ-tát Thích-Ca lấy bài kệ khác tán Phật, tâm có thể tán loạn. (còn tiếp)

ĐẮM TRƯỚC HƯƠNG VỊ THIỀN MỌI CHUYỆN ĐỀU SAI LẦM

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**Mình chỉ chờ đợi thiên vị đến,
một khi chờ đợi thì quên dụng công.**

Tọa thiền đừng tham đắc vị thiền. Thế nào là vị thiền? Đó tức là cảm giác sung sướng của thiền. Ngồi một thời gian khá lâu, tự nhiên mình sẽ có cảm giác rất là tự tại, thoải mái và sung sướng vô cùng. Nếu mình tham trước cảnh giới tự tại sung sướng đó, thì không dễ dàng mà tiến bộ. Mình sẽ ngưng trệ, cứ khởi ý tìm lại thiền vị đó. Nếu như cảnh giới đó qua rồi, lại đi tìm cầu rằng: "Khi nào thì tôi sẽ có được cảnh giới như vậy nữa? Cảnh giới không người, không ta, không chúng sinh, không thọ mạng, không phiền, không não, hết sức tự tại an lạc đó, đến lúc nào thì tôi được nữa?..." Khi chờ đợi thiên vị này đến, thì mình sẽ quên dụng công, đây gọi là chấp trước vào vị thiền.

Người tọa thiền cần vô quái vô ngại, không tham không cầu, không vui không buồn, không sợ không hãi. Nên coi thân mình ví như là hư không trong Pháp-giới vậy, không cần phải chấp trước tham cầu. Nếu có tham cầu thì sẽ rớt vào đệ nhị ngũ.

Sau đây là bốn cảnh giới :

1. **Sơ Thiền**, Ly Sinh Hỷ Lạc Địa: Nghĩa là mình sẽ ly khỏi được phiền não của chúng sinh, đắc được môn ăn thiền, sung mãn Pháp hỷ an lạc, ra khỏi sự mê mờ điên đảo của chúng sinh và hướng tới con đường bồ-đề của Thánh nhân. Đạt tới cảnh giới thiền này thì không được mạo xung, không được tự mình nói ra, mà phải được một vị thiên-tri-thức ấn chứng cho.

Cảnh giới này có cách để chứng minh: Tức là khi hơi thở của mình ngưng lại không còn hô hấp nữa, nhưng không phải là chết, đây tức là nhập định hay nhập vào sơ thiền. Sơ thiền này khác hẳn với sự ngủ nghỉ, quý-vị đừng cho rằng ngủ tức là nhập định. Ngủ không những là còn hô hấp, mà nhiều người còn ngáy pho pho, khiến kẻ khác

nghe như sấm vậy. Bởi vậy sự hô hấp của quý-vị đã ngừng hay chưa, những vị thiên-tri-thức nhìn

sẽ biết ngay. Có kẻ nói rằng: "Tôi cảm thấy là tôi không còn hô hấp nữa." Đó tức là giả, tức là mạo xung. Nếu mà biết thì mình vẫn chưa nhập được sơ thiền. Nên không thể đem nhãn hiệu giả ra rao bán được.

Nếu muốn phân tích tường tận e phải viết cả khối sách. Nếu nói nhiều quá, sẽ sinh ra chướng ngại cho quý-vị. Nên nói một chút thôi, để tránh quý-vị đừng sinh ra tâm cống cao tà kiến, rằng mình đã nhập được vào sơ thiền; cho mình như vậy, tức là lừa dối kẻ khác.

2. **Nhị Thiền**, Định Sinh Hỷ Lạc Địa : Cảnh giới này thì cao hơn một bước, không những hô hấp đã đoạn rồi, mà mạch tim cũng ngừng lại. Cảnh giới này không phải mình có thể biết hoặc là có thể nói ra. Nếu nói mình đã đạt cảnh giới đó, thì thử hỏi làm sao cảm thấy nó ? ắt hẳn mình chưa hề nhập định, rồi lại mạo xung để lừa người khác chẳng ?

3. **Tam Thiền**, Ly Hỷ Diệu Lạc Địa : Tới được cảnh giới này thì hô hấp và mạch tim đều ngừng lại, cho đến ý niệm cũng không còn. Tới cảnh giới này thì mình lìa khỏi sự hoan hỷ, xả đi vị thiền, không còn đắm trước gì nữa. Cảnh giới này so với sơ thiền và nhị thiền thì cao hơn nhiều, lúc bấy giờ thì mọi sợi tóc mình cũng sinh ra hoan hỷ khác thường, lông mày con mắt đều tươi cười hết sức vui sướng vô ngần.

4. **Tứ Thiền**, Xả Niệm Thanh Tịnh Địa : Đến lúc này tất cả mọi thứ đều là không, "nhất niệm bất sinh toàn thể hiện" Nghĩa là khi một niệm chẳng dấy lên, chân tâm bản thể hiện bày. Tới được chỗ:

Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt.

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

Nghĩa là:

Ngàn ao hồ nước, ngàn trăng hiện.

Vạn dặm không mây, vạn dặm xanh.

Ở cảnh giới này thì mọi nơi đều thuyết Pháp cho mình nghe. Bởi vì "Lạc hoa lưu thủy diễn Ma-ha," nghĩa là hoa rơi, nước chảy đều như nói Pháp Đại-thừa. Cảnh giới này mình không biết được nó đâu, và cũng không được nói rằng: "Tôi đến được Tứ Thiên rồi." Nếu vậy là mình sinh ra đại ngã mạn, nói ra lời hết sức láo lếu. Điều này cũng cần phải có vị thiện-tri-thức ẩn chứng cho mình thì mới đúng được.

Tại sao gọi thiện-tri-thức là người có con mắt sáng ? Bởi vì vị đó có thể nhìn và biết ngay công phu của mình đã đến trình độ nào rồi. Nếu mình muốn khảo nghiệm Ngài, thì cứ thử xem ! Ngài chẳng quan tâm gì đến điều đó cả. Nếu là chân chính thiện-tri-thức thì không có cách gì bị chúng ta khảo nghiệm đặng. Ngài không vì lẽ bị hỏi mà liền nói toạc ra đâu. Chỉ cần mình thân cận với Ngài sau một thời gian lâu, thì Ngài sẽ nói cho mình biết. Nhưng chưa chắc là Ngài nói rõ hết đâu. Có lúc Ngài dùng ví dụ hoặc chỉ thuyết vài câu đơn giản mà thôi. Cho nên mình không thể đi đâu cũng đánh chuông nổi trống mà nói rằng : "Tôi đã thành Phật rồi !" Nói như vậy là hết sức láo lếu, làm trò hề, tương lai sẽ đọa địa ngục, bị cắt lưỡi. Đó là điều hết sức đáng thương xót vậy.

VŨ TRỤ BẠCH

Hoà thượng Tuyên Hoá

Băng thiên tuyết địa, vô số điều tế trùng,
Đổng tộ thả chấp miên, tinh lý quan sát,
Động trung thẩm đế, long tranh hổ đấu thường du hý,
Quỷ khóc thần hào ảo hóa kỳ,
Chân thực nghĩa tuyệt ngôn, bất tư nghị,
Đương tiên xu, đại tiểu mãn, nội ngoại phi,
Vi trần biến, pháp giới châu,
Hốt luân cá viên dung, hổ tương vô ngại,
Song quyền đả phá hư không cái,
Nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên,

Đại từ bi phổ độ, lưu huyết hãn, bất hưu tức.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị giảng bài Vũ Trụ Bạch. Tại sao gọi là Vũ trụ Bạch ? "Vũ" tượng trưng cho bốn phương và hai hướng thượng và hạ. "Trụ" là bao quát từ cổ chí kim, vũ trụ hợp lại chính là thế giới, gọi bằng một tên khác. Bài này cùng với bài "Mãn Giang Hồng" của Nhạc Phi cũng na ná tương ưng với nhau. Năm xưa Nhạc Phi cùng với quân Kim đại chiến, máu nhuộm Trường-giang, do đó ông làm bài "Mãn Giang Hồng," còn truyền lại đến ngày nay. Còn bài "Vũ Trụ Bạch" được làm tại chùa Kim Sơn ở San Francisco. Cái Vũ Trụ Trắng này chẳng phải chỉ riêng có giang bạch, sông trắng, mà toàn thể vũ trụ đều là trắng cả. Sao lại nói là Vũ Trụ Trắng vậy ? Số là Kim Sơn Thánh Tự cũng giống như một cái hộp tuyết lớn, băng giá. Trong phạm vi nhỏ thì cả chùa là một tòa nhà lạnh lẽo, còn trong phạm vi lớn thì có thể nói rằng cả cái thế giới biến thành màu trắng, không có một màu đen nào, và từ đó có đề của bài này.

Năm 1972, chùa Kim Sơn từng cử hành pháp hội lần đầu, tụng Lục Đại Minh Chú. Pháp hội kéo dài liền bảy ngày đêm, có chừng hơn sáu mươi người tham gia, ngày đêm 24 giờ thay nhau niệm sáu chữ "Án Ma Ni Bát Di Hồng." Mục đích để làm gì ? Cầu nguyện cho thế giới hòa bình, hóa giải bớt hoặc miễn trừ tai nạn cho thế giới. Vào lúc đó có tiếng đồn loan truyền rằng San Francisco sẽ bị tai nạn động đất lớn, cho nên mọi người rất thành tâm trì tụng Lục Đại Minh Chú, cầu cho không xảy ra tai nạn, cho nên ngày đêm liên tục luân phiên niệm tụng, quyết cùng thiên ma ngoại đạo giao đấu một phen không lơ là. Tất cả đều tinh tấn vô cùng, tôi tuy không tham gia, chỉ ở đằng sau đôn đốc mọi người, nhưng tôi cảm thấy hết sức hài lòng. Ai ai cũng tu trì một cách nghiêm túc, không biết mệt mỏi, tinh thần thì phấn khởi khiến cho tôi vô cùng thỏa mãn. Đối với tôi, điều vui nhất là tất cả đều tu và điều làm tôi không hài lòng hơn cả là các đệ tử của tôi, nhất là giới xuất gia, không chịu dụng công, cốt làm hư dối để che mắt. Đây là điều tôi khinh tởm nhất, điều tôi không bao giờ tha thứ.

Bởi vậy khi kỳ pháp hội bảy ngày hoàn tất, tôi viết bài "Vũ Trụ Bạch" để làm kỷ niệm, nay tôi xin mang ra giảng để quý vị nghe. Hay hoặc dở, tôi không quan tâm, mà tôi cũng không rõ, tôi chỉ biết là tôi đã viết ra, vậy thôi. Câu thứ nhất là :

"**Băng thiên tuyết địa**". Trời băng đất tuyết : Kim Sơn Thánh Tự, tuy chẳng có tiếng tăm trên

thế giới, nhưng ở đất Mỹ ai cũng biết. Kim Sơn Thánh Tự là một tòa tuyết, đất tuyết trời băng, lạnh lẽo băng giá; chẳng những chùa lạnh, mà người cũng lạnh. Mọi người đến chùa đều than : " Người ở chùa Kim Sơn quá lạnh nhạt, chẳng thấy có chút gì ấm áp cả." Cho nên, đến Kim Sơn Thánh Tự ai cũng đều thất vọng, và quả là không có gì để người ta hy vọng, bởi ở đây tất cả đều lạnh lùng băng giá. Côn trùng cũng chết vì lạnh. Cho nên dùng chữ "băng" tức là lạnh. "Tuyết địa," bởi tuyết tượng trưng cho cái lạnh nhất.

"Vô số điều tế trùng đông tẻ". *Vô số con trùng nhỏ bị chết lạnh* : Không biết là có bao nhiêu những con trùng nhỏ bị lạnh mà chết. Trùng nhỏ là kẻ cả các vi khuẩn trong cơ thể chúng ta, chúng sống nhờ vào các sinh tố A, B, C, nhưng tại nơi này, người ta không những không có sinh tố A, B, C, mà còn phải dụng công trong không khí lạnh lẽo, sao không làm cho chúng chết lạnh ? Tuy nhiên, chúng không bị tận diệt, vậy mới có câu : **"Thả chấp miên,"** *vừa ản nấu ngủ*. Mùa đông trời lạnh, các loại côn trùng tạm thời ản nấu nằm yên dưới lòng đất, ngủ trong mùa đông gọi là chấp miên.

"Tĩnh lý quan sát". *Trong tĩnh lặng quan sát* : Chính trong thời gian mà mọi thứ đều lặng lẽ, đầu óc cũng tĩnh lặng, không có thất tình lục dục khuấy động, chỉ nhất tâm chuyên chú niệm Án Ma Ni Bát Di Hồng, Án Ma Ni Bát Di Hồng... xả thân niệm, thì trong khoảnh khắc, bừng giác ngộ, quan sát, quan sát.

"Động trung thâm định". *Trong động xét kỹ* : Niệm Chú thì có lúc đi niệm, có lúc ngồi niệm. Trong lúc niệm không dứt, gặp động thì tâm rành rọt thâm định một cách kỹ càng ý nghĩa Phật pháp. Cảnh giới lúc đó nó sẽ hiện. Ròng đã đến, hổ cũng đã đến !

"Long tranh hổ đấu thường du hí". *Ròng tranh hổ đấu thường vui đùa* : Ròng thì bay lượn trên mây, hổ thì xuyên rừng băng núi. Tới được những chỗ này mà du hí thì thật là vui. Những cảnh giới như thế mà hiện ra trước mắt, có thể làm cho hoa mắt chúng ta, bởi vậy mới nói "long tranh hổ đấu thường du hí." Đây chính là cảnh giới hiện ra trong sự tĩnh lặng.

"Quỷ khóc thần hào ảo hóa kỳ". *Quỷ khóc thần hào ảo hóa kỳ diệu* : Có quỷ khóc ở đây, khóc rằng: "A! Tôi chết một cách oan uổng lắm ! Mau niệm Phật cho tôi đi ! Siêu độ, siêu độ cho tôi đi ! Xin từ bi ! Đừng nổi nóng với tôi !" Quỷ khóc

như vậy đó. "Thần hào," nghĩa là ở đây thần cũng gào thét, thét rằng : "Mặc kệ nó, Nó mang tội nhiều lắm đó !" Ôi ! Hãy coi đó ! Hai bên đầu pháp như vậy, biết bên nào nói phải, bên nào nói trái, khiến chúng ta cũng phải hồ đồ. Có điều, quỷ khóc, thần gào, lạ kỳ như vậy chỉ là ảo hóa, hư dối, không thực, cho nên nói "ảo hóa kỳ." Vậy thì, cái gì là chân thực đây ?

"Chân thực nghĩa tuyệt ngôn". *Nghĩa chân thực lời nói hết* : Cái nghĩa chân thực thì chẳng có gì có thể nói ra được. Như câu : "Bỏn lai không một vật, lấy gì bám bụi bặm." Đây chính là nghĩa chân thực, cho nên nói "tuyệt ngôn."

"Bất tư nghi". *Chẳng nghĩ bàn* : Không thể tưởng tượng được, tâm chẳng thể nghĩ ra, lời chẳng thể bàn tới.

"Đương tiền xu". *Phải bước tới* : Tuy nhiên, quý vị vẫn phải tiến bước một cách dũng mãnh để tinh tấn tu hành. Quý vị chẳng thể dừng bước, lạc vào chỗ "ngoan không," bảo rằng cái gì cũng chẳng có, thành ra chẳng còn nghĩ suy, coi như vậy là xong rồi ! Buồn ngủ thì cứ ngủ, đói thì cứ ăn, rồi tới khi lâm chung mới ôi thôi ! than ôi ! Đó là sự lầm lẫn, để cho ngày tháng qua một cách phí hoài. Còn phải tiến bước, dũng mãnh đi tới nữa.

"Đại tiểu mãn". *Lớn nhỏ diệt* : Lớn nhỏ, tất cả đều tiêu tan, cái gì cũng chẳng còn.

"Nội ngoại phi". *Chẳng trong ngoài* : Chẳng trong chẳng ngoài, cũng chẳng phải ở giữa, đó là nghĩa chân thực.

"Pháp giới châu". *Khấp cùng pháp giới* : Ta thử coi, pháp giới to lớn như vậy, mà không có thứ gì mà không biểu hiện sự chân thực. Pháp giới châu nghĩa là khấp cùng pháp giới.

"Hốt luân cá viên dung". *Cái viên dung nguyên lành* : Hốt luân là nguyên lành, cái thể nguyên lành thì không chỗ nào thiếu; viên dung là viên dung vô ngại, hoàn chỉnh không hư xấu.

"Hỗ tương vô ngại". *Hai bên không ngại* : không chướng ngại với nhau, cái nghĩa chân thực đó là một, cũng là vô lượng, vô lượng là một, một là vô lượng, một và số nhiều, hai bên không chướng ngại với nhau.

"Song quyền đã phá hư không cái". *Hai nắm tay phá màn hư không che trùm* : Dùng hai nắm tay đâm thủng màn hư không che trùm. Quý vị nghĩ hư không cũng có màn che ư ? Dù hư không

không che phủ, nhưng hãy phá cho hư không tan vụn, cả hư không cũng chẳng còn. Hư không chẳng còn thì đâu có màn che ? Sao còn nói lấy song quyền phá thùng màn hư không che phủ ? Đây cũng là ý nghĩa trong câu vừa nói trên "bỏ lại không một vật, lấy gì bám bụi bặm."

"Nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên". *Một hóp uổng hết biển cõi* : Há miệng nuốt trọn tất cả thế giới biển cõi nhiều như số hạt bụi, thế giới này thế giới kia, cõi nước này, cõi nước kia, vô lượng các cõi nước. Vậy là biển thành yêu quái rồi sao ? Nếu yêu quái mà làm được thế, thì quá hay rồi, chỉ sợ không làm nổi. Ý nghĩa câu này là nói khả năng buông bỏ bất cứ mọi thứ, giải thoát hẳn, không còn gì trở ngại, nuốt trọn cả thế giới, cho nên mới nói "song quyền phá hư không cái, nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên."

"Đại từ bi phổ độ". *Lòng từ bi rộng lớn độ khắp* : Ban niềm vui là từ, cứu cái khổ cho người là bi. Khởi tâm từ một cách vô điều kiện, vận dụng tâm bi trong tinh thần đồng thể, tinh thần ta và người là một thể, cho nên mới nói "đại từ bi." Bây giờ dùng tâm đại từ bi đó độ khắp các chúng sanh, chẳng phải độ riêng một cá nhân, cũng chẳng phải độ riêng những người có duyên với ta. Đối với kẻ vô duyên, tội tâm ương ngạnh, cũng khởi lòng từ bi, dùng mọi phương pháp giáo hóa, đem hết chân thành, vận dụng tinh thần đồng thể và tâm thương xót để hóa độ, bỏ thí rộng rãi sự yêu thương, chừng nào chưa độ được thì chưa ngừng nghĩ, vậy mới nói câu : "Đại từ bi phổ độ."

"Luu huyết hân". *Chảy máu, mở hơi* : Đem hết tâm huyết giáo hóa chúng sanh.

"Bất hưu tức". *Chẳng nghỉ ngơi* : Nghĩa là không kể ngày đêm, tận tâm kiệt lực, không có lúc nào nghỉ ngơi. Chẳng sợ khổ, chẳng sợ khó, chỉ biết dẫn thân bước tới, không biết lùi.

NIỆM PHẬT CÓ THỂ KHIẾN CHO THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

Hoà thượng Tuyên Hoá

Chúng ta sinh vào thời đại không có mặt trời, mặt trăng, và sao, cũng không có đèn sáng, tối không có ban ngày. Nhưng chúng ta đều không biết, nói còn có mặt trời, trăng, sao, đèn

sáng. Phải biết không có chân lý tức là không có ánh sáng.

Trên thế giới này giữa người và người hổ tương lường gạt, giữa nhà này nhà kia hổ tương lường gạt, quốc gia này với quốc gia kia hổ tương lường gạt. Người đối với người không có gốc chân thành làm người, không dùng đạo đức nhân nghĩa đối đãi người. Tại sao ? Vì ai ai cũng đều hư ngụy, cho nên hổ tương đấu tranh, lường gạt tạo thành mối bất an cho thế giới.

Chúng ta học Phật pháp, học niệm Phật, nhất định phải trừ niệm sân. Làm thế nào để trừ niệm sân ? Tức là trong tâm của bạn đừng đố kỵ, không nóng giận. Dùng nhẫn nhục, trí huệ thì bạn có thể đạt đến bờ kia. Tại Vạn Phật Thành tôi có nói : "Thế nào là không sát sinh ? Tức là trong tâm không có đố kỵ sân hận, nhẫn là Ba La Mật, một thật tất cả đều thật". Chúng ta làm bất cứ việc gì cũng đều phải nhận chân mà làm. Đừng thiện ác lộn xộn, không nên làm chút thiện lại làm chút ác ; trong thiện lại có hạt giống ác tồn tại, trong nhân thiện lại có mua danh chuộc tiếng khen, hoặc là làm không chân thật, cho nên "*không chân thật thì gặp quả quanh co*". Hiện tại chúng ta niệm Phật cũng phải niệm chân thật, phải nhiều nhẫn nhục, trong tự tính phải thường sinh trí huệ, đừng ngu si, bạn sát sinh tức là ngu si, không sát sinh tức là có trí huệ. Bạn không niệm Phật là ngu si, bạn thường niệm Phật thì có trí huệ. Đừng có miệng niệm Phật, mà trong tâm khởi vọng tưởng, như vậy là hoá ra chẳng niệm Phật, khởi vọng tưởng gì ? Khởi vọng tưởng ăn ngon, khởi vọng tưởng kiếm tiền. Bạn gái thì khởi vọng tưởng bạn trai, bạn trai thì khởi vọng tưởng bạn gái, khởi vọng tưởng tương lai tôi thành như thế nào, thành công như thế nào, cuộc sống như thế nào ?

Niệm Phật tâm phải chuyên nhất. Niệm "Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật". Niệm được "gió thổi không vào, mưa rơi không lọt", trời mưa gió thổi cũng không biết, bất cứ cảnh giới bên ngoài cũng không thể nhiễu tâm của bạn thì sẽ đắc được niệm Phật Tam Muội, niệm Phật có định lực thì cuối cùng chúng được ba bất thối : Niệm bất thối, hạnh bất thối và vị bất thối. Niệm là thường niệm Phật, tu hành không thối tâm, thường tại địa vị niệm Phật. Chúng ta đối với bất cứ người nào cũng đừng sinh tâm sân hận. Khi

sinh tâm sân hận thì bạn niệm gì cũng không có cảm ứng. Cho nên có câu :

"Nhất niệm sân tâm khởi,
Bát vạn chướng môn khai".

Nghĩa là :

*Một niệm sân nổi lên
Trăm vạn chướng ngại đều xảy ra.*

Phải từ bi hỷ xả, phải có tâm tha thứ, bao dung hết thảy, phải biết trên thế gian không thể hoàn toàn là người tốt, người không tốt không biết là bao nhiêu. Phải học chư Phật Bồ Tát không thấy lỗi của chúng sinh. Chúng ta sinh ra trong thời kỳ mạt pháp là điều bất hạnh, nhưng hiện tại chúng ta có pháp môn niệm Phật, cũng có thể nói là rất may mắn. Chúng ta đang trong thời kỳ không bình an, mà gặp được pháp môn niệm Phật, đều là do trong quá khứ đã trồng căn lành. Hôm nay chúng ta có hơn ba mươi người tham gia Phật thất. Tôi nói đúng thì các bạn chiếu cứ thực hành, nếu tôi nói không đúng thì hãy quên đi, xem như là tôi không nói. Hy vọng các bạn là tướng quân không xuống ngựa, mỗi người tự tiến về trước, nỗ lực tinh tấn đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, hẹn gặp lại.

CHUYỆN KIẾP XƯA

Viết dịch : Diệu Hạnh

Bây trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, tại nước Kê Tân ở miền Bắc Ấn Độ có một long vương hung ác tên là A Lợi Na xuất hiện, thường nổi gió to sóng lớn nhiều hại dân chúng, gây ra những tai họa rung trời chuyển đất. Lúc đó có hai ngàn vị A La Hán phát tâm vận dụng tất cả thần lực của mình để đuổi long vương A Lợi Na ra khỏi bờ cõi.

Một ngàn vị La Hán sử dụng thần lực cao nhất của mình làm cho đại địa chấn động, năm trăm vị phóng ra những tia ánh sáng cực kỳ mãnh liệt, năm trăm vị còn lại thì nhập định, vận dụng thiên lực mạnh mẽ. Các vị này hợp tác với một sức mạnh vĩ đại như thế mà chẳng làm cho long vương nhúc nhích chút xíu nào.

Trong lúc mọi người đang khổ não, có một vị tôn giả tên là Kỳ Dạ Đa bước đến. Ngài tiến đến ven bờ hồ, búng ngón tay ba lần chỉ long vương mà la to :

Này con rồng kia ! Ta truyền lệnh cho mi phải đi chỗ khác ngay, không được phép ở lại chốn này !

Long vương A Lợi Na nghe thế, không dám trì trệ, lập tức bay bổng đi mất.

Hai ngàn vị La Hán không hiểu được tại sao lại có một sự kiện lạ lùng như thế, làm sao lại có thể đuổi rồng đi một cách dễ dàng giản dị đến dường ấy. Một vài vị La Hán đến hỏi tôn giả Kỳ Dạ Đa :

Chúng tôi cũng chứng đắc một quả vị như ngài, cùng đoạn tận phiền não, cùng giải thoát sinh tử không có gì sai khác, chúng ta nhất loạt bình đẳng, thế mà sao chúng tôi cùng nhau hợp sức dùng tận cùng năng lực mà không làm cho con rồng nhúc nhích, còn tôn giả làm sao chỉ búng ngón tay ba lần mà nó riu riu ngoan ngoãn phục tùng rời khỏi đất này như thế ?

Tôn giả đáp :

Từ khi tôi còn là phàm phu, luôn luôn nghiêm trì cấm giới, thân khẩu ý không bao giờ dám tạo ác nghiệp nào, dùng tâm bình đẳng vô sai biệt để tu trì tất cả các pháp. Các vị không làm cho rồng lay chuyển là vì công đức tích tập không đồng với tôi vậy.

Hàng phục long vương A Lợi Na rồi, tôn giả Kỳ Dạ Đa dẫn đoàn đệ tử tiếp tục con đường vân du về phía bắc.

Con đường dài hun hút, có khi chạy ngang những miền đồng bằng rộng lớn, có khi thì đi vòng qua những sườn núi chập chùng, hai bên đường có những ngọn cây cao vút nghênh đón gió nam lay động cành lá. Tôn giả một mình đi bộ dưới tàn cây bóng mát, bỗng nhiên dừng bước, ngược đầu nhìn lên cành cây nơi có một con quạ đen đang đậu. Tôn giả nhìn kỹ nó rồi nhẹ mím cười, gật gật đầu.

Các vị đệ tử đi theo sau mấy bước, thấy thế không khỏi ngạc nhiên, hỏi ngài :

Bạch tôn giả, vì sao ngài lại mím cười với con quạ đen ?

Tôn giả đáp :

Đúng lúc đúng thời ta sẽ nói.

Đoàn người lại tiếp tục hướng về phía trước mà đi, tới một toà thành bằng đá. Vừa mới bước qua cổng thành, tôn giả bỗng biến sắc mặt, lộ vẻ vô cùng buồn rầu. Mọi người đều lo lắng nhưng không ai dám hỏi. Lúc ấy là giờ cơm trưa, họ vào thành khát thực. Dùng cơm xong họ ra khỏi thành, tới cửa thành, tôn giả lại biến sắc mặt, buồn rầu như lúc mới tiến vào cửa thành ban nãy. Các vị đệ tử không chờ được nữa, họ quý xuống khẩn khoản hỏi :

Bạch tôn giả, thỉnh ngài giải nghi cho chúng con, tại sao ngài lại cười với con quạ đen, và tại sao ngài lại hai lần biến sắc mặt tại nơi này ?

Tôn giả thở dài một tiếng, lộ vẻ âu sầu mà trả lời rằng :

Chín mươi một kiếp trước, lúc Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết Bàn rồi, ta sinh làm con một vị trưởng giả. Khi ta phát biểu chí nguyện xuất gia học đạo, cha mẹ già ngăn lại :

Khoan đã, con phải biết là trong đời người, không có con nối dõi là tội bất hiếu lớn nhất. Con đi rồi, ai sẽ là người nối dõi tông đường nhà ta đây ? Con hãy cưới vợ trước đã rồi nói chuyện sau.

Ta bận bịu chuyện gia đình một thời gian, cưới vợ xong xuôi ta lại đem chuyện xuất gia ra thưa với cha mẹ, nhưng cha mẹ lại nói :

Nếu con sinh được một đứa con thì ta sẽ không ngăn cản con nữa.

Không lâu sau, ta sinh được một đứa con trai. Khi đứa bé bập bẹ biết nói, ta lại không chờ được nữa, xin với cha mẹ rằng :

Bây giờ thì cha mẹ có thể để cho con thành đạt nguyện vọng xuất gia của con rồi chứ ?

Cha mẹ ta không nghĩ ra lý do nào để ngăn trở ta được, bèn lén xúi con ta đến kêu khóc van nài như sau :

Cha ơi cha không thể đi, nếu không hãy mang mẹ con con đi theo, cha không thể bỏ mẹ con con được, ôi...

Làm cha, nghe con khóc kể van xin như thế, ý chí xuất gia bị rung chuyển, ta sinh lòng quyến luyến cốt nhục thân tình, nên vồ về con mà nói một cách thương yêu :

Cha sẽ không đi đâu cả, cha sẽ ở mãi với con !

Nhân duyên này đã khiến ta phải tiếp tục lưu lạc trong đường sinh tử. Hôm nay ta dùng thần thông nhìn lại họ hàng thân thích trong quá khứ, thấy rằng lúc sống thì cùng nhau thương thương mến mến, nhưng một khi chết rồi thì đường ai nấy đi, rất khó mà gặp lại nhau tuy vẫn cùng nhau luân lạc trong lục đạo. Con quạ đen ban nãy trên ngọn cây chính là con trai ta trong đời quá khứ, không ngờ nó lại đến nỗi này. Coi như còn có duyên nên hơn mười kiếp qua rồi mà còn gặp mặt nhau.

Tôn giả nói tới đây thì ngừng lại, có vẻ như vô cùng xúc động.

Và chuyện gì đã xảy ra ngoài toà thành ?

Một vị đệ tử xen vào hỏi.

Ta biến sắc mặt ở ngoài cửa thành là vì ta thấy một đứa bé ngạ quỷ thân thể yếu mòn, cầu cứu với ta rằng :

Thỉnh tôn giả vào thành nói với mẹ con rằng con ở ngoài ngày trông ngóng mẹ đi kiếm thức ăn, đợi đã 70 năm rồi mà vẫn chưa về, con nay quá đói khát không chịu đựng được nữa !

Ta vào thành chuyển lời đứa con đến ngạ quỷ mẹ. Quỷ mẹ khóc lóc mà rằng :

Thưa tôn giả, con cũng biết thế, đã vào thành 70 năm rồi, không lúc nào là không lo nghĩ tới nó, nhưng con không còn cách nào cả. Lúc còn sống không biết kết duyên lành với người khác, lại không gieo trồng phúc đức nào, nên bây giờ xin ăn rất khó. Tuy chỉ kiếm được những món ăn bất tịnh cầu uế như máu mủ, nước mắt nước dãi, phân và nước tiểu các thứ, nhưng vì con mới sinh xong còn yếu ớt, nên hễ mới kiếm được vật chi là bị quỷ bạn mạnh hơn cướp mất. Lần này khó khăn lắm con mới kiếm được thức ăn, giấu giấu diếm diếm đến được cửa thành, thì bị bọn lính quỷ giữ cửa cản lại không cho ra. Tôn giả ! Xin ngài thương xót hai mẹ con chúng con, giúp cho chúng con gặp lại nhau, chia nhau mấy món ăn bất tịnh này !

Ta đem quỷ mẹ ra ngoài thành, nhìn thấy hai mẹ con mừng mừng tủi tủi chia nhau thức ăn, lòng ta rất buồn, không tự chủ được nên hỏi :

Người ở đây bao lâu rồi ?

Quỷ mẹ đáp :

Con không biết ở đây được bao lâu rồi, chỉ biết rằng toà thành trước mắt đã được dựng lên rồi đó

xuống, đổ xuống rồi lại được dựng lên tổng cộng là 7 lần rồi !

Ôi ! Ta thờ dài. Thời gian sung sướng thì luôn luôn ngắn ngủi, còn lúc gặp khổ đau thì lâu dài vô cùng. Không ngờ thọ mệnh của nọ quý lại lâu dài đến dường ấy !

Tôn giả nói xong, các vị đệ tử đứng nghe đều kinh hoàng, ai nấy không lạnh mà run. Ai cũng có thể làm một chuyện gì đó đưa đến một hậu quả ghê rợn như vậy. Nếu không tinh cần tu hành, nếu không dùng Phật pháp làm quỹ đạo, chỉ một lần sơ xuất là khổ hận thiên thu !

Đến đây đoàn người lại hướng về phía trước mà đi, bước đi vô cùng vững chắc. Mọi người cảm thấy phấn chấn, tinh thần sung mãn, họ quyết nhắm hướng con đường ánh sáng đang trước mà đi tới.

THIỆN QUANG CÔNG CHÚA

Viết dịch : Diệu hạnh

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ có một ông vua hiền từ và công minh tên là Ba Tư Nặc.

Vua là một tín đồ Phật giáo thuần thành, rất nhiệt tâm làm việc phước thiện và việc giáo dục, đối nội thì dùng chính sách nhân từ và ôn hoà để trị dân, đối ngoại thì dùng chính sách thân thiện với các nước lân bang vì ông không thích chuyện chiến tranh giết chóc.

Với một ông vua quang minh như thế, trăm họ dĩ nhiên phải hạnh phúc, nhân dân do đó rất thương mến và tôn kính vua.

Vua Ba Tư Nặc sinh được ba cô công chúa, cô thứ nhất vô cùng xấu xí, từ nhỏ bị dấu trong thâm cung, chưa một lần gặp mặt người lạ, sợ bị người ta chê cười. Cô thứ hai tên là Thiện Quang, cô thứ ba tên là Bà Đà. Bà Đà công chúa vô phúc nên từ bé đã phải xa lìa bố mẹ, chỉ còn lại nhị công chúa Thiện Quang là được bố mẹ vô cùng yêu chiều.

Thiện Quang công chúa không những sinh ra xinh đẹp đoan trang, tính tình lại ôn hoà nhã nhặn. Chưa kể thân nàng còn phóng ra một thứ ánh sáng cát tường, cứ chiều tối đến là ánh sáng này tăng lên gấp bội như thể đang giữa ban ngày.

Mọi người thương mến bảo bọc công chúa thì công chúa cũng lấy lòng thương mến nhân từ đối xử lại khiến người ta lại càng thương yêu kính trọng công chúa thêm.

Một hôm nhà vua nhàn rỗi không có việc gì làm, bèn đưa người nhà ra vườn hoa dạo chơi. Công chúa Thiện Quang đi sát sau lưng vua cha, lúc nào cũng để ý chăm sóc cho cha nên được vua thương yêu thêm. Khi vua cha đặt câu hỏi thì công chúa trả lời trôi chảy, lý lẽ rành mạch đầu đó. Vô tình nhà vua hỏi :

- Thiện Quang ! Phụ vương của con là vua của một nước, được tất cả mọi người tôn kính. Con nhờ vào sức mạnh, uy thế và phúc đức của phụ vương nên cũng được mọi người thương yêu tôn trọng, có ai may mắn như con không ? Như thế chắc con phải mang ơn phụ vương lắm nhỉ ?

Nghe vua cha nói thế, công chúa dùng lời lẽ nhu hoà để trả lời :

- Tâu phụ vương, con được đầu thai vào gia đình vua chúa, làm con gái của phụ vương thì dĩ nhiên con phải kính trọng và hiếu thảo với phụ vương.

Nhưng nếu con được mọi người thương yêu tôn trọng thì đó hoàn toàn là nhờ vào phúc đức con gặt hái được từ những kiếp trước, chứ nếu nói nhờ vào ảnh hưởng của người khác thì không có gì đáng kể.

Nhà vua nghe thế không bằng lòng, tự nghĩ :

- Nhị công chúa xưa nay vốn ôn hoà mềm mỏng, chưa bao giờ tỏ thái độ ngỗ nghịch với ta, tại sao hôm nay lại dám lớn giọng khoe khoang tự cho là mình có phúc báo, có phải là vận hạn may mắn của nó đã hết và nó sắp phải chịu khổ báo ?

Nhà vua nghiêm sắc mặt, nói với Thiện Quang công chúa với một vẻ không vui :

- Nếu con nói con đã tự có phúc báo thì bây giờ ta sẽ thử nghiệm xem phúc báo của con rốt cuộc lớn nhỏ tới mức nào ?

Vua Ba Tư Nặc lập tức gọi một người hầu cận tâm phúc, bảo người ấy phải làm sao mà trong vòng mấy ngày bí mật tìm cho ra một anh chàng thanh niên tuấn tú nhưng không có cơm ăn, không có nhà ở, sống bằng nghề ăn xin quanh quẩn trong hay ngoài hoàng thành, và dặn người ấy tuyệt đối không được tiết lộ việc này ra ngoài.

Ba ngày sau, người hầu cận đưa về một người thanh niên hành khất, bảo đứng chờ ở vườn sau. Nhà vua nghe tâu, liền đổi thường phục ra vườn sau gặp người thanh niên đang đứng ở dưới ngọn giả sơn. Thấy mặt người thanh niên ông rất vừa ý, bảo người này rằng :

- Ta thấy ngươi còn trẻ tuổi, hẳn là chưa có vợ. Nếu ngươi bằng lòng, ta sẽ tặng cho ngươi một mỹ nhân, cho ngươi đưa về lập tức !

Trong đời người hành khất, đến trong mơ còn không dám mơ tưởng đến một sự việc như thế, vui mừng quá mà quên thân phận không nhà không cửa của mình, gật đầu trả lời nhà vua :

- Ý vua là ý trời, tiểu nhân đâu dám không tuân !

Vua Ba Tư Nặc lập tức gọi công chúa Thiện Quang ra bảo rằng :

- Con nói tự con đã sẵn có phúc báo, ta muốn thử nghiệm xem phúc báo của con bao to ? Nay ta gả con cho anh thanh niên nghèo khổ khốn cùng này, con phải đi theo anh ấy ngay !

Công chúa Thiện Quang không chút trách hờn vua cha, cũng chẳng bận tâm đến tương lai của mình sẽ phải lấy gì mà sống. Nàng liền đi thay bộ quần áo xa hoa sang trọng đổi lấy một bộ y phục bằng vải thô, lạy phụ vương cáo biệt rồi cùng người hành khất đi ra ngoài bằng cửa sau của vườn hoa.

Thiện Quang công chúa không buồn mà cũng chẳng lo, đi được một đoạn đường, nàng hỏi người hành khất :

- Phu quân, nhà chàng ở đâu ? Cách đây còn xa không ? Có chỗ để nương nấu không ?

Người hành khất xấu hổ trả lời :

- Khi tôi mới sinh ra đời thì trong nhà rất có tiền, gia sản khổng lồ. Nhưng không lâu sau cha tôi thôi làm quan, ở nhà ăn không ngồi rồi mãi thì núi cũng phải lở, chỉ một vài năm sau là đời sống trở nên rất khó khăn. Chưa kể cha mẹ tôi tuổi đã già, vì quá ưu tư mà lâm bệnh nặng, theo nhau mà qua đời. Còn lại tôi tuổi nhỏ không biết làm gì để sống, cứ thế mà lâu ngày nhà cửa hư nát, chỉ còn duy nhất một khu vườn lớn không có ai trông coi. Công chúa, khu vườn này cách đây không xa.

Công chúa nghe thế rất vui mừng, nói rằng :

- Nếu thế thì quá tốt, chúng ta đến đó xem xét rồi tính sau.

Đến thì thấy một căn nhà hư cũ, phần lớn đã bị đổ nát, cỏ hoang mọc đầy mặt đất. Hai người đi một vòng quan sát, công chúa Thiện Quang mới khám phá rằng những ngọn cỏ hoang ấy chính thật là cỏ thom, tức là một loại cỏ thuốc có tác dụng trị bệnh. Công chúa lại càng vui mừng hơn.

Trong một góc khác của khu vườn bỏ hoang, trên mặt đất không có ngọn cỏ dại nào, chỉ thấy toàn là đá vụn chồng chất thành những đống nhỏ. Công chúa lấy làm lạ, bèn tiến đến phía trước gạt đá vụn xem ở phía dưới có gì, thì khám phá trên mặt đất có một khối đá rất đẹp đẽ. Công chúa có linh tính là khối đá này không tầm thường, nên nhờ ông chồng hành khất xô khối đá sang một bên. Thật là không ngờ, ngay ở dưới khối đá có chôn một kho tàng toàn là vàng bạc, trân châu quý giá. Người hành khất chưa bao giờ từng thấy nhiều vàng bạc như thế, mừng quýnh cả lên !

Để tránh sự dòm ngó của người khác, hai người lén đào kho tàng. Trước hết họ cất lên một chỗ cư ngụ tạm thời, rồi mượn thật nhiều thợ thuyền, nào thợ mộc nào thợ nề, xong tự tay công chúa vẽ đồ

hình để những người này xây một căn nhà huy hoàng tráng lệ.

Không bao lâu sau, ngôi dinh thự của phò mã đã xây xong, đẹp đẽ không khác gì một cung điện nguy nga khiến người người xa gần đều tấm tắc khen ngợi.

Tâm Như Hư Không Vô Sở Hữu

Nguồn gốc của Phật pháp là tâm,
Nguồn gốc của vũ trụ cũng là tâm,
Người học Phật pháp phải biết cái nguồn gốc đó chính là tâm của mình chứ chẳng phải ai khác.

Bồ Tát Long Thọ

Khi nhà vua nghe tin này, ông rất lấy làm lạ. Ông dự liệu công chúa sau này phải sống một cuộc sống rất cực khổ, thì làm sao mà chưa bao lâu đã có một ngôi dinh thự để ở, mà ngôi dinh thự này lại còn có phần huy hoàng hơn cung điện của vua ?

Không lẽ Thiện Quang thật sự có phúc báo to lớn đến dường ấy ? Nếu thế thì phúc báo này từ đâu mà có ?

Nghĩ thế rồi, nhà vua đến thỉnh giáo bậc đại giác Thế Tôn xin được khai thị.

Đức Phật từ bi thuyết giải rõ ràng nhân duyên phúc báo trong kiếp trước của công chúa Thiện Quang cho vua nghe.

- Trong quá khứ có một ông vua hiền từ tài giỏi, tên gọi là Bàn Đầu. Hoàng hậu là một người thích làm việc từ thiện bố thí, tôn kính Tam Bảo. Lúc đó chính là lúc Tỳ Bà Thi Như Lai ứng hiện nơi đời để độ hóa chúng sinh. Khi đức Như Lai thị hiện tịch diệt Niết Bàn rồi, hoàng hậu nhớ tưởng ơn Phật, mới kêu thợ điêu khắc đến hoàng cung tạo lên một bức tượng Phật, rồi còn lấy bảo vật trân châu quý giá nhất đặt lên đỉnh đầu tôn tượng. Hoàng hậu rất sùng kính tôn tượng và nguyện cúng dường tất cả cho Tỳ Bà Sa Như Lai, vì thế công đức của bà phải nói là không thể nghĩ bàn được. Về sau, có một lần bà lễ Phật xong phát nguyện rằng : "Nguyện trong tương lai đời đời kiếp kiếp, tôi sẽ sinh vào gia đình phú quý và thân tôi thường có ánh sáng và hương thơm".

Đến thời Ca Diếp Như Lai ứng hiện tại thế để độ hóa chúng sinh, hoàng hậu cũng sinh ra trong một gia đình giàu có. Bà chuyên cần làm việc bố thí, cúng dường đức Phật và chư tăng, không bao giờ lẩn tiếc bất cứ một thứ gì.

Có một hôm, bà muốn thỉnh đức Phật và đệ tử của Ngài đến nhà cho bà cúng dường, nhưng chồng bà keo kiệt, thấy việc bố thí quá tốn kém. Chỉ mình bà mới biết rõ công đức vô lượng của việc bố thí.

Nếu ngay từ đầu bà không bố thí thì kiếp này bà không thể nào có được một cuộc đời phú quý đến như thế. Có rất nhiều chúng sinh nghèo nàn khổ sở cũng chỉ vì đã có một niệm keo kiệt bủn xỉn trong quá khứ.

Bố thí không có nghĩa là nhất định phải đem hết tài sản ra cho, có khi chỉ cần thấy người khác bố thí mà sinh tâm hoan hỷ, thì không những được ích lợi lớn mà còn tiêu diệt được tội chướng.

Bà thường thường đem ích lợi của sự bố thí ra giảng giải cho chồng nghe, từ từ sửa đổi được cách nhìn sai lầm của chồng. Sau đó hai vợ chồng đều đồng tâm đồng lòng làm việc bố thí cúng dường.

Người đàn bà thiện lành lúc ấy chính là Thiện Quang công chúa hôm nay, và người chồng đã khởi niệm keo kiệt nọ không ai khác hơn là anh chàng thanh niên hành khất vậy. Anh này chỉ vì một niệm sai lầm mà phải nửa đời nghèo khổ, sống đời ăn xin.

Đại vương ! đạo lý nhân quả thiện ác y như hình với bóng không sai chạy một mảy may nào. Cày bừa một thì thu hoạch mười, đó là một đạo lý cố định.

Vua Ba Tư Nặc được đức Phật khai thị như thế rồi, lòng tin đối với việc báo ứng thiện ác sinh khởi, ông hoan hỷ lễ Phật rồi lui đi.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Le Bodhisattva Qui Donne Le Courage.

Le courage est la vaillance. Il faut avoir du courage pour pouvoir en donner. Sinon cela ne serait pas possible. Les dix mille conduites reposent sur les six perfections. Le Don est la base des six perfections. Ainsi les autres perfections et les dix mille conduites sont toutes comprises dans la pratique du don.

Si vous faites don du courage, le mérite et la vertu que vous obtiendrez seront immenses. Si, en plus vous donnez avec un esprit et une volonté incommensurables, la récompense que vous obtiendrez sera aussi incommensurable.

Par exemple, nous pouvons avoir l'intention de donner, mais dès que nous pensons à nous-mêmes, nos bonnes intentions s'évanouissent. Si je donne mon argent, il ne m'en restera plus. Si je donne mes vêtements, que porterai-je ? Si je donne ma maison, où vais-je habiter. C'est un exemple de manque de courage. Dès qu'on pense à soi-même, on perd son courage et on refuse de donner.

Prenez par exemple la nourriture : D'abord vous songez à en donner mais ensuite survient l'idée suivante : si j'en donne, que mangerai-je ? Au moment où vous pensez à vous-même, votre courage se dissipe en même temps que la vaillante intention de donner.

Le Bodhisattva du Don du Courage pense à donner et il donne sans façons. Il a des difficultés, pense-t-il, je l'aide, je lui donne de l'argent pour qu'il puisse s'acheter des vêtements et de quoi manger. Il donne et c'est tout. Dès que vous pensez à vous-même, vous perdez votre courage. Ce Bodhisattva donne du courage ; la richesse, il pratique le Dharma de la manière la plus vigoureuse et énergique, c'est pourquoi il est appelé Bodhisattva du Don du Courage.

Le Bodhisattva A La Lune Parée De Bijoux emprunte son nom à la lune parée de bijoux.

Le Bodhisattva A La Lumière De La Lune emprunte son nom à la lumière de la lune qui chasse l'obscurité de la nuit.

Le Bodhisattva A La Pleine Lune.

Les trois Bodhisattvas à la Lune Parée de bijoux, à la Lumière de la Lune et à la Pleine Lune ont obtenu ces noms en vertu de leur stricte observance des préceptes moraux. Comme il a été dit dans le Sutra Shurangama : "Ils respectaient strictement le Vinaya et représentaient des modèles pour les Trois Mondes". Le Vinaya est le code moral. Les trois Bodhisattvas observaient les préceptes jusqu'à ce que leur lumière rayonnât aussi brillamment que la pleine lune. Bien que leurs noms se diffèrent, ils viennent tous de la pure observance des préceptes. En réalité, le Bodhisattva à la Lune Parée de Bijoux est justement le Bodhisattva à la Pleine Lune et le Bodhisattva à la Lumière de la Lune est également le Bodhisattva à la Lune Parée de Bijoux. Il est dit :

Observant purement les préceptes,
On est comme la pleine lune,
Avec la pureté du corps et de la parole,
Toute obscurité disparaît.

Quand le karma du corps, de la parole et de l'esprit est pur, toute obscurité disparaît. Ainsi les trois Bodhisattvas empruntent leur nom après avoir observé strictement les préceptes pendant longtemps.

Le Bodhisattva De La Grande Force. Il est extrêmement puissant. Sa grande force est égale à celle du Bodhisattva qui a obtenu la grande force.

Le Bodhisattva De La Force Illimitée. La grande force n'est pas la force illimitée. La force de ce Bodhisattva dépasse celle du Bodhisattva de la Grande Force.

En réalité, la grande force est simplement la force illimitée et la force illimitée est la grande force.

Le Bodhisattva Qui Transcende Les Trois Mondes. Le monde du désir, le monde de la forme et le monde sans-forme : comment les transcende-t-il ? C'est au moyen de sa grande force et aussi au moyen de sa force illimitée. Le Bodhisattva de la Grande Force, celui de la Force Illimitée et celui qui Transcende les Trois Mondes cultivent tous la même pratique : la perfection de la vigueur. Ils s'avancent avec la vigueur héroïque. Comment savons-nous qu'ils cultivent la vigueur. Leur grande force, leur force illimitée qui transcende les trois mondes en est la preuve. Les trois noms ont en réalité la même signification. La grande force est la force illimitée. La force illimitée est celle qui transcende les trois mondes. Sans la force illimitée, on ne peut pas dépasser les trois mondes. Ainsi les trois

Bodhisattvas cultivent la pratique de la vigueur et possèdent la grande force illimitée ainsi que le courage et l'esprit requis pour dépasser les trois mondes. En plus, ils sont toujours vigoureux et ils progressent toujours, c'est ce que signifient leurs noms.

Le Bodhisattva Bhadrपालa. Il y a trois manières d'interpréter le nom de ce Bodhisattva. La première est le Bon Protecteur. La seconde, le Digne Chef. La troisième le Digne Gardien.

Que veut dire le Bon Protecteur ? Ce Bodhisattva est capable de protéger l'oeuvre du Bouddha et c'est pourquoi il est appelé le Bon Protecteur. Il est un des grands Bodhisattvas, un des chefs, chef des hommes et des dieux : un digne chef. Son nom veut dire aussi le Digne Gardien, car parmi les Aryas, il est capable de garder et soutenir les êtres vivants. Ainsi le mot Bhadrपालa renferme ces trois significations.

Le Bodhisattva Maitreya. Maitreya veut dire compatissant. Il est connu comme Ajita (Invincible), parce qu'aucun démon céleste ou exterminateur ne peut le vaincre. Le Bodhisattva Maitreya vit dans la cour intérieure du ciel Tushita et cultive le samadhi compatissant. Toute personne qui le rencontre fait naître un coeur compatissant. Parce qu'il est compatissant envers tous les êtres, tous les êtres vivants l'aiment et lui témoignent de la sympathie sincère et loyale.

Le Bodhisattva Bhadrपालa cultive la perfection du samadhi Dhyana. Le Bodhisattva compatissant ou

invincible cultive le samadhi du coeur compatissant. Il est aussi appelé le samadhi de la patience. Quand le Bouddha Shakyamuni aura rempli son rôle d'enseignant dans le monde Saha, Maitreya lui succèdera. Quand cela se produira-t-il ?

Beaucoup d'exterminateurs disent que Maitreya a déjà venu, est déjà apparu dans le monde. Mais ils ne parlent pas sérieusement. Pourquoi dis-je ceci. Le Bouddha Shakyamuni a déjà annoncé clairement le moment où Maitreya viendrait :

Le kalpa du monde présent est maintenant dans une période de déclin. Tous les cent ans, la durée de vie moyenne de l'homme diminue d'une année et la taille d'un pouce. Lorsque la durée de vie moyenne de l'homme descend jusqu'à dix ans, la période de croissance recommencera et tous les cent ans, la taille de l'homme augmentera d'un pouce et sa durée de vie moyenne augmentera d'une année. Quand la durée de vie moyenne de l'homme aura atteint quatre-vingt quatre mille ans, la période de déclin recommencera et quand la durée de vie moyenne de l'homme aura diminué jusqu'à quatre-vingt mille ans, Maitreya apparaîtra dans le monde. Il viendra pour enseigner et transformer les êtres vivants dans les trois Assemblées de la Fleur du Dragon. Ainsi ces exterminateurs nos jours qui, ne comprenant pas le Bouddhadharma, s'adonnent simplement au bavardage futile. La période de l'apparition du Bodhisattva Maitreya a été précisément déterminée.

Selon les calculs du Bouddhadharma, la durée de vie moyenne humaine en ce moment est entre soixante et soixante cinq ans. Lorsque la durée de vie moyenne aura diminué jusqu'à dix ans, elle recommencera à se rallonger. Combien de temps cela prendra-t-il ? Ensuite, elle augmentera jusqu'à quatre-vingt quatre mille ans. Combien de temps durera cette phase. Ensuite elle rediminuera jusqu'à quatre-vingt mille ans et à ce moment seulement Maitreya apparaîtra en ce monde. Voyez ces gens qui professent des paroles en l'air, comme ils font vraiment pitié !

Le Bodhisattva De L'Accumulation De Bijoux. Ce Bodhisattva a accumulé beaucoup de trésors. Quels sont ces trésors ? Il a accumulé du mérite et de la vertu illimités et sans bornes. Le mérite et la vertu qu'il a accumulés représentent un trésor précieux, le trésor du Dharma.

Le Bodhisattva Maître Qui Guide. Qu'est-ce qu'un maître qui sert de guide. Guider signifie diriger. C'est un maître dont le devoir est d'enseigner. Il est le guide et le précepteur des êtres vivants et il leur montre la voie. Aujourd'hui, existent des autocars qui emmènent les touristes faire des tours dans des circuits appelés tournée. Le Bodhisattva qui sert de guide, de maître, aide les gens à retourner sur le bon chemin, à retourner sur la voie du Bouddha. Qui guide qui ? Il guide ceux qui sont échus dans les enfers. Dans les enfers, les êtres ne pensent pas à faire naître la pensée de Bodhi. Lorsqu'ils subissent les tourments de leurs châtiments, ils ne songent pas à se repentir ni à se réformer. Alors le Bodhisattva qui sert de guide, de maître, a recours à tous les moyens concevables pour faire naître en eux la pensée de Bodhi et pour les amener à cultiver la voie jusqu'au Bodhi, à l'Eveil. Telle est la signification du Maître Guideur.

ET LES AUTRES BODHISATTVAS, LES MAHASATTVAS cités ci-dessus et encore d'autres Bodhisattvas et Mahasattvas qui sont en tout au nombre de quatre-vingt mille. Lorsque j'ai donné des

conférences sur le Sutra de Ti Tsang, j'ai expliqué les sept qualités d'un Mahasattva et je vous mets maintenant à l'épreuve. Que ceux qui s'en souviennent doivent nous les expliquer :

1. Ils sèment les bonnes racines.
2. Ils possèdent la grande sagesse.
3. Ils ont une grande foi.
4. Ils comprennent le grand principe.
5. Ils cultivent la grande conduite.
6. Ils traversent les grands kalpas.
7. Ils prêchent la grande vérité.

Sutra : A cette époque, Shakro Devanam Indra était présent avec sa suite de vingt mille Dieux. Parmi eux se trouvaient le Dieu de la Lune, le Dieu du Parfum Universel, le Dieu de la Lumière Ornée de Bijoux, les Quatre Grands Rois Célestes avec leurs suites en tout, cela faisait dix mille Dieux. Il y avait aussi le Dieu du Confort et le Dieu du Grand Confort, avec leurs suites, cela faisait trente mille Dieux en plus.

Commentaire : A cette époque. A quelle époque ? Celle où le Bouddha Shakyamuni parlait du Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus et où les quatre-vingt mille Bodhisattvas étaient tous arrivés au Bodhimandala pour se joindre à l'Assemblée. Les quatre-vingt mille Bodhisattvas étaient de grands Bodhisattvas ; ils étaient des fils du Bouddha. Le Bouddha était le Roi du Dharma et les Bodhisattvas en étaient des Princes. Cependant, dans le Sutra Amitabha, on dit : Manjushri, le Prince du Dharma. Dans le Sutra du Dharma du Lotus, les grands Bodhisattvas étaient tous des Princes du Dharma.

Le Bouddha a trois sortes de fils :

1. Les vrais fils
2. Les fils initiés
3. Les fils non-initiés

Qui sont les vrais fils du Bouddha ? Ce sont les Bodhisattvas, les Princes du Dharma qui formaient la suite externe du Bouddha. Ils protégeaient et soutenaient le Bouddha à l'extérieur. Les fils initiés étaient les Bhishus et les Arhats qui représentaient la suite interne. Les fils non-initiés étaient les gens ordinaires, les êtres vivants

en général ; comme ils n'apprenaient pas au Bouddhadharma ils étaient appelés les non-initiés : ils restaient en dehors. Mais on pourrait dire aussi que les fils non-initiés étaient à l'intérieur du Bouddhadharma : ils étudiaient le Bouddhadharma mais ne sont pas encore parvenus au fruit restaient au niveau des gens ordinaires car ils n'atteignaient pas encore le niveau des Aryas.

Les trois sortes de fils du Bouddha comprenaient les Bodhisattvas, les Arhats et les êtres vivants dans les six chemins, les êtres dans les six mondes ordinaires et ceux dans les trois monde de l'Arya. En somme, les êtres vivants dans les neuf mondes du Dharma sont tous comptés parmi les fils du Bouddha. (à suivre)

L'esprit est ce qui donne aux choses leur qualité, leur fondement et leur être : quiconque parle ou agit avec un esprit impur, la douleur s'acharne après lui, comme la roue suit les pas du bœuf d'attelage.

Dhammapada

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Les grands Bhikshus étaient dignes de recevoir d'offrandes parce qu'ils avaient tous une sagesse inimaginable et pouvaient tourner la roue du Dharma pour leur bonheur et le bonheur des autres. Cette phrase loue la sagesse qui leur permettait d'enseigner et de transformer les autres. Cette phrase fait l'éloge de la vertu et de la sagesse de l'Arhat.

"Stricts et purs dans le Vinaya, ils étaient de grands exemples dans les trois mondes." Stricts veut dire sévères dans les attitudes, exigeantes et pas du tout fortuits. Ce terme veut dire aussi honorables et impressionnants. Impressionnants, car en leur présence, vous n'oseriez pas rire, ni vous montrer turbulents ou désobéissants. Vous n'oseriez pas non plus laisser vaguer vos regards parce que les grands Arhats étaient si sévères. Pourquoi devant moi vous êtes toujours entrain de rire ? car en tant que maître, je ne suis pas assez sévère. C'est pourquoi, vous riez et ricanez quand votre Maître prononce quelques paroles. Mais en présence d'un maître sévère, vous n'oseriez pas rire ni plaisanter.

Ils étaient lucides et purs, parce qu'ils avaient abandonné toutes les actions nuisibles et se sont débarrassés de toutes les mauvaises habitudes. Purs aussi parce qu'ils avaient dissipé toutes les illusions de la vue, de la pensée et d'innombrables illusions et il veut aussi dire être absolument dépourvus de toute ignorance. Purs et lucides, lucides et purs, plus de souillure ; totalement dépourvus de mal.

"Comment peut-on arriver à être dépourvu de mal ?" Vous vous demandez.

: "En supprimant le mal."

Cependant la pureté désignée ici est exempte même de la suppression de tout mal. Si vous vous rappelez encore comment vous supprimez le mal, alors vous n'êtes pas encore tout à fait pur. Si vous vous rappelez qu'à tel moment ou tel jour, vous avez supprimé une certaine quantité de maux, alors vous n'êtes pas encore tout à fait pur. Pourquoi ? Vous avez encore des pensées souillées dans votre esprit. Si vous étiez purs, vous les auriez tous

oubliés tous. Quand elles (ces pensées) sont absolument non-existantes, c'est la pureté.

Vinaya est un mot sanscrit qui veut dire bonne guérison, absolument capable de guérir vos fautes. Strict et pur dans le Vinaya signifie que les grands Arhats, par une pratique réelle, avaient perfectionné et atteint le pinacle du Dharma capable de guérir les fautes.

"Ils étaient de grands exemples" dans les trois mondes : Le monde du désir, le monde de la forme et le monde de la non-forme. Ils étaient des guides et maîtres des dieux et des humains. Et ainsi cette phrase fait l'éloge de la vertu de l'observance des vœux des grands Arhats.

"Leurs innombrables corps d'émanation guidaient les êtres vivants et les libéraient." Les corps d'émanation sont aussi appelés des corps transformés. A l'origine, les grands Arhats n'avaient pas de corps d'émanation, mais ils les créaient par la transformation en quantité innombrable. Ils pourraient en avoir trois mille, à un autre moment cinq mille ou dix mille, cent mille, un million, un billion. Pourquoi les corps d'émanation ont-ils apparu ? Est-ce que les grands Arhats ont le droit de montrer leurs pouvoirs spirituels aux gens ? Non. Mais ils manifestent les corps d'émanation dans le but d'enseigner et transformer les êtres vivants qui ont besoin d'être accompagnés jusqu'à l'éveil. En effet, pour ceux qui devraient être guidés par un Bouddha, ils se manifestent le corps d'un Bouddha et leur enseignent le Dharma les menant jusqu'à la libération. Pour ceux qui devraient être guidés par un Pratyeka-Bouddha ou par un roi Brahma ou par un Shravaka ou par un Bhikshu ou une Bhikshuni, ils se transforment en ces corps d'émanation pour libérer ces êtres, comme le Bodhisattva Kuan Yin (Avalokitésvara) extrêmement aimable à l'égard de ceux avec qui il a des liens karmiques et grandement compatissant pour ceux qui ont une certaine affinité avec lui. Les grands Arhats se manifestent sous d'innombrables corps

d'émanation pour emmener les êtres à se libérer de la souffrance afin d'atteindre la félicité. Ils leur apportaient la paix et leur permettaient de savourer l'expérience de la félicité. L'amour peut accorder le bonheur et les grands Arhats étaient extrêmement aimables et compatissants.

"En tirant et en sauvant ceux qui dans le futur pourraient transcender tous les dépôts de poussière." Que signifie "en tirant" ? Par exemple quelqu'un avait les deux pieds enfoncés dans la boue, chaque fois qu'il essaie d'en tirer un, l'autre s'enfonce plus profondément jusqu'à ce que finalement il ne puisse plus faire un seul pas. Alors vous tendez votre main et le tirez hors de la boue. De même, vous plongez dans une inondation pour sauver une personne noyée incapable de nager. Parce que les grands Arhats tirent et sauvent ceux du futur, nous avons de l'espoir, parce que nous sommes ceux du futur. Si vous avez foi en Bouddhadharma enseigné par les Arhats, alors vous aurez une chance d'être secourus.

Pourquoi ne pouvez-vous pas voler maintenant ? Pourquoi ne pouvez-vous pas entrer dans l'espace vide ? Parce qu'il y a des poussières qui vous attachent. Elles vous

attachent à cet endroit et rendent votre corps très lourd. On parle donc de la force d'attraction de la terre. Mais si vous êtes débarrassés de la poussière, alors cette force d'attraction ne vous retient plus et vous pourrez gagner votre indépendance. Comme il y a tellement d'invités poussiéreux qui s'accrochent à vos habits et qui vous retiennent à tel point que vous ne pouvez pas plus voler, alors qu'à l'origine vous le pouviez. Cependant, les grands Arhats peuvent inventer des moyens qui permettent à tous les êtres vivants de transcender les dépôts de poussière qui ne peuvent plus les forcer à descendre. Ainsi la force d'attraction de la terre ne peut plus les retenir. Une fois libre, vous pouvez flotter dans l'espace comme un ballon, voyager partout où vous voulez, à la lune, vers les étoiles. Et le voyage est très pratique. Plus besoin d'acheter un billet d'avion. Si vous pouvez atteindre ce niveau, vous pouvez être qualifié avoir transcendé les dépôts de poussière.

Juste comme la phrase précédente fait l'éloge de la vertu de l'amour des grands Arhats qui apporte le bonheur, cette dernière phrase loue la vertu de leur

compassion qui peut secourir les êtres vivants de leur détresse.

Sutra : Les noms des grands chefs étaient : Les Grands Sages Shariputra, Mahamaudgalyayana, Mahakaushthila, Purnamaitreyaniputra, Subhuti, Upanishad et les autres.

Commentaire : le nom Shariputra peut être traduit de trois manières. Le fils du corps, parce que le corps de sa mère était extrêmement beau. Le fils de l'aigrette, parce que les yeux de sa mère étaient aussi beaux que ceux de l'aigrette. Et le fils des bijoux, parce que les yeux de sa mère brillaient comme des bijoux et les yeux de Shariputra étaient comme ceux de sa mère. Shariputra était le premier en sagesse parmi les Shravakas. En fait, la sagesse du grand sage Shariputra était évidente même avant qu'il fût né. Mahakaushthila, l'oncle de Shariputra frère

de sa mère, très fort en discussion, discutait souvent avec sa sœur n'avait jamais eu de difficulté pour la battre jusqu'au jour où elle fut enceinte de Shariputra et alors elle le

surpassait à chaque fois. Il se rendait compte que le talent en débat nouvellement acquis de sa soeur doit être causé par la présence de l'enfant exceptionnel dans sa matrice. Mahakaushthila se mettait à apprendre tous les dharmas de toutes les religions non-bouddhistes pour préparer le jour où il rencontrerait son neveu en débat.

Il passait beaucoup d'années dans le sud de l'Inde à poursuivre ses études et quand il rentrait pour chercher son neveu, il apprenait que le grand sage Shariputra avait renoncé à la vie de famille et était devenu disciple du Bouddha après avoir battu en discussion tous les maîtres des cinq régions de l'Inde quand il avait seulement huit ans.

Mahakaushthila était mécontent d'apprendre que son neveu était disciple du Bouddha parce qu'il avait naturellement espéré qu'après toutes ses années d'études et avec ses pouvoirs de débat sans égal, il gagnerait le respect et la loyauté de l'enfant. Il décidait de défier le Bouddha en proposant que s'il gagnait un débat avec le Bouddha, le Bouddha lui confierait Shariputra. Et juste pour montrer sa confiance, il ajoutait

L'esprit est ce qui donne aux choses leur qualité, leur fondement et leur être : quiconque parle ou agit avec un esprit purifié verra le bonheur l'accompagner comme son ombre fidèle.

Dhammapada

d'une fière manière qu'il couperait sa tête pour offrir à Bouddha s'il perdait le débat.

Cependant une fois devant le Bouddha, sa confiance chancelait et il cherchait frénétiquement à travers ses dharmas un dogme pour transformer les bases de cet important débat. Finalement, le Bouddha dit : "Eh bien, parlez ! Formulez votre principe et je répondrai à votre demande."

"Au fond, je n'accepte aucun principe." Dit Kaushthila. Et d'un air triomphant il pense que ceci rendrait le Bouddha aphone.

"Oh ! Répondit le Bouddha sans hésitation. Vous acceptez cette position ?"

Confondu, l'oncle de Shariputra réfléchissait. "Si je dis que je n'accepte pas la position de n'avoir aucune position, j'aurai détruit ma propre doctrine et perdrai le débat. Mais si je dis que je l'accepte, mon acceptation sera dans une position directe contre ma propre doctrine."

Pris dans ce dilemme, Kaushthila hésitait pendant une fraction de seconde et ensuite, sans un mot, tournait sur ses talons et courait aussi vite qu'il pouvait hors de la salle, hors du centre du

Dharma, hors des jardins et parcourait la route sur plusieurs miles sans s'arrêter. Il regagnait finalement une certaine maîtrise de soi, se rappelait qu'il était un homme de parole et se rendait compte qu'il devrait retourner vers le Bouddha et lui offrirait sa tête. Arrivé devant Bouddha, il lui demanda de lui prêter un couteau, le Bouddha expliquait donc que dans le Bouddhadharma, des choses pareilles ne sont pas autorisées. Alors, le Bouddha lui enseignait le Dharma ce qui lui a permis d'ouvrir son oeil du Dharma. Une fois que son oeil du Dharma fut ouvert, il pouvait voir clairement les erreurs dans les dharmas des voies non-bouddhistes qu'il avait étudiées si rigoureusement et il demandait à Bouddha la permission de renoncer à la vie de famille et de le suivre. Le nom Mahakaushthila veut dire Gros Genoux. Certains disent que les rotules de ses ancêtres étaient gros et certains disent que les propres rotules de Kaushthila étaient énormes. En général, les grands rotules étaient un trait de famille. Mahakaushthila était le premier en débat parmi les disciples du Bouddha.

Le nom Mahamaudgalyayana signifie l'arbre Kolita, parce que son père et sa mère avaient prié l'esprit de cet arbre pour l'avoir. Il était le premier en pouvoirs spirituels parmi les disciples.

Purnamaitreyaniputra, un autre nom sanscrit, qui signifie : Fils de la plénitude et de la compassion. Purna veut dire : "plein" se réfère au nom de son père qui voulait dire : vœux exaucés. Maitreya qui signifie "femme compatissante" était le nom de sa mère. Putra signifie fils. Purnamaitreyaniputra était le premier dans l'enseignement du Dharma. Personne d'autres que lui ne saurait expliquer les Sutras avec une telle finesse et d'une manière aussi profonde et touchante. Quand Purna enseignait les Sutras, les jeunes déesses répandaient les fleurs et les lotus en or jaillissaient de la terre. Quiconque aimerait

être le premier dans l'enseignement du Dharma peut réciter Namô Vénérable Purna maintes et maintes fois et Purna utilisera sa sagesse et son éloquence pour vous aider à enseigner le Dharma afin que vous soyez capable d'influencer les gens. Comment seront-ils influencés ? Ils ne

s'assoupiront pas quand vous leur expliquez les Sutras. Quand Purna enseignait le Dharma, personne ne s'endormait. Il prêchait si bien les caractéristiques de tous les Dharmas d'une fluidité impeccable qu'il fut nommé : l'éloquence sans obstacle. (à suivre)

L'ESPRIT EST VACUËTE SANS APPARTENANCE PROPRE

La base du Dharma, c'est l'esprit.
La base de l'univers, c'est également l'esprit,
Celui qui étudie le Dharma doit comprendre
la base de la doctrine,
Qui n'est rien d'autre que son esprit.

Bodhisattva Nagarjuna

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

16. NA MWO SU LU DWO BWO
NWO NAN.

Poème :

Entrez maintenant dans le courant de la
nature du Dharma des sages,
Et tournez dos aux pérégrinations des gens
ordinaires à travers les six poussières.
Des illusions de vue coupées, on parvient au
premier fruit.
Continuez dans la vigueur et naviguez dans
le bateau de la grande compassion.

Commentaire : Cette ligne veut dire prendre refuge
auprès des sages du premier fruit, les Shrotaapannas.
SU LU DWO signifie « entrer », c'est à dire, en
entrant dans le courant de la nature du Dharma d'un
sage, vous en devenez un. BWO NWO veut dire
« s'opposer », à quoi ? au courant des six poussières
mondaines, objets de sens des gens ordinaires.
"Entrer" maintenant dans le courant de la nature du
Dharma, et tourner le dos aux pérégrinations des
gens ordinaires à travers les six poussières. Entrez
dans le courant de la nature du Dharma des sages
c'est d'aller à l'en contre des six poussières des gens
ordinaires. C'est à dire ne pas suivre les écoulements
des six organes de sens des gens ordinaires, qui sont
les formes, les sons, les odeurs, les saveurs, les
objets palpables et les Dharmas. Ne pas s'amuser
avec les six organes externes.

Des illusions de vue coupées, on parvient au premier
fruit, les sages du premier fruit ont coupé toutes les
quatre vingt huit illusions de vues. Une fois que ces
quatre vingt huit illusions de vue ont été éteintes, on
atteint le premier fruit.

Les sages du premier fruit ont des pouvoirs
spirituels : ils n'ont pas besoin de se déplacer et

cependant peuvent enseigner et transformer les êtres
vivants dans le monde entier.

Par exemple quand un sage du premier fruit
marche sur la route, il semble que ses pieds
touchent la terre, mais en réalité, ils ne la
touchent pas. Ne marchant pas sur la terre, ils
n'écrasent pas des insectes, des fourmis ou des
créatures vivantes. C'est une des choses dont un
sage du premier fruit est capable.

Vous ne pouvez pas aller fortuitement dire que
vous avez obtenu ce fruit. Quel fruit avez vous
obtenu ? Vous ne pouvez pas prétendre d'en
avoir obtenu.

Continuez à cultiver la voie vigoureusement
naviguez dans le navire de la grande
compassion, même après avoir obtenu le
premier fruit, continuer vigoureusement
toujours à pratiquer. Comme sur le bateau de la
grande compassion, vous devriez ramer de
toutes vos forces, c'est cela qui vous fait
progresser.

Mantra :

17. NA MWO SWO JYE LI TWO
CHYE MI NAN.

Poème :

On appelle celui qui revient une fois,
En réalité il n'y a pas de retour.
Des illusions de pensée disparues,
On s'installe sur la tribune du lotus.
Dans l'espace vide, manifestant constamment
Les dix huit transformations,
Dans ce monde et les autres directions,
Effectuant un million de changements.

SWO JYE veut dire « de nouveau » CHYE MI
signifie « venir » ceci désigne celui qui revient
une fois, le sage du deuxième fruit
(Sakridagamin) un Arhat de la deuxième étape
renaît une fois de plus parmi des dieux et une
fois parmi des gens ; quoi qu'on l'appelle : celui
qui revient une fois ; en réalité il n'y a pas de
retour, pas de venue. Des illusions de la pensée
disparues, on s'installe sur la tribune du lotus, le
sage du premier fruit a coupé les quatre vingt

illusions des vues. Le sage du deuxième fruit a coupé certaines des quatre vingt et une illusions de la pensée. Le premier fruit est la position de la voie de la vue.

A la première, deuxième et troisième positions, il reste encore quelque chose à étudier. Ayant obtenu le quatrième fruit, il ne reste plus rien à apprendre au quatrième fruit d'ARHATSHIP, la naissance et la mort sont vraiment finies. On est certifié comme ayant obtenu la patience de la non production des Dharmas. A cette étape, on ne voit pas le moindre Dharma produit ni le moindre Dharma détruit. Que voulait il dire par illusion de la vue ? cela veut dire que la vue fait naître la cupidité.

Quel que soit l'état où l'on se trouve, on ne le reconnaît pas et est confus par notre vue. On voit quelque chose, on meurt d'envie de posséder. En présence d'une somme d'argent, on se dit : Ah ! Si je possède cet argent. "C'est la pensée de la cupidité". La vue d'un bel homme ou d'une belle femme inspire la convoitise qui pousse les gens à s'en emparer afin d'en être propriétaires. Par fois, ils perdent le contrôle et deviennent confus. L'illusion de la vue se passe au niveau du phénomène. Qu'est ce que l'illusion de la pensée ?

L'illusion de la pensée est au niveau nouménal, c'est à dire on provoque les distinctions des principes. Ceci veut dire que vous ne pouvez pas déterminer clairement les principes qui gouvernent les spécifiques.

Vous ne connaissez pas la raison d'être de toutes choses. Etant confus dans la théorie, vous nourrissez toutes sortes de pensées fausses et des distinctions erronées. Voilà l'illusion de la pensée. Plus on fait des discriminations, plus on est confus, on comprend de moins en moins, on multiplie de plus en plus de confusions et de stupidités. C'est pourquoi, quand ces illusions de la pensée sont totalement coupées, on s'installe sur la tribune du lotus et on est vraiment à l'aise et confortable.

Le sage qui atteint le deuxième fruit est capable de se déplacer dans l'espace vide à n'importe quel moment, manifestant dix huit sortes de transformations.

Il peut voyager dans l'espace vide et il possède aussi le pouvoir d'émettre de l'eau au dessus de son corps et du feu en dessous et inversement. Dans l'espace vide, il va, il vient, il dort, il accomplit des pirouettes, des détours, enfin, il peut faire tout ce qui lui plaît.

Au même moment, il peut être présent partout, dans ce monde et dans d'autres mondes d'autres directions. Vous le voyez dans ce monde en train

d'explique les Sutras et prêcher le Dharma, Mais en même temps dans d'autres mondes vous le voyez également en train d'expliquer le Sutra et prêcher le Dharma. Dans ce monde, il enseigne et transforme les êtres vivants, en même temps, se manifeste dans plusieurs mondes pour parler le Dharma. Le second fruit d'ARHATSHIP est la position de la voie de la pratique. Le troisième fruit d'ARHATSHIP est aussi la position de la voie de la pratique et le quatrième fruit est la position de la voie de la certification.

Mantra :

18. NA MWO LU JI SAN MYAU
CHYE DWO NAN.

Poème :

Les Shaghans sages et dignes de tout le monde,
Grandement sages honorés de l'illumination
pure et sans-égale,
Je vous offre ma vie en même temps mon
obéissance et vous supplie de me recueillir
Ainsi je pourrai perfectionner mon Bodhi qui
n'accroît ni ne décroît.

Commentaire : NA MWO veut dire « retourner sa vie » LU JI à nouveau signifie « la vraie illumination ». ceci veut dire justement prendre refuge auprès de tous les sages de la pure et sans-égale illumination, les shanhans dignes et sages de tout le monde, qui sont ces saints et dignement sages ? Bodhisattva AVALAKITESHVARA (Kuan Yin), Mahas Thamapprapta, Manjushri, Samantabhadra et Kshitigarsbha (Earthstore).

Les honorés grandement sages de la pure et sans-égale illumination. Ce sont des sages de la grande sagesse. J'offre ma vie en même temps mon l'obéissance et vous supplie de me recueillir, nous revenons vers vous comptons sur vous, vous obéissons corps et esprit. Avec nos cinq membres, nous nous inclinons jusqu'à terre et vous demandons, vous, qui êtes dignes et qui ont la grande sagesse de nous joindre à vous.

Ainsi je pourrai perfectionner mon Bodhi qui n'accroît ni ne décroît, dans le futur. Je serai capable d'accomplir l'Anuttarsamyaksambodhi, j'obtiendrai le bodhi parfait et complet, le fruit de la Boudhité. C'est la position. (à suivre)

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Tous ceux qui ont rencontré l'explication de Mantra de la Grande Compassion ont eu de très bonnes racines. Vous devez protéger vos bonnes racines et en prendre soin. Utilisez ces bonnes racines qui viennent de très loin pour étudier l'enseignement du Bouddha et ne perdez pas un seul instant.

N'oubliez pas que le temps n'a pas le moindre sentiment humain. Il passe, vous ne pourriez jamais le faire revenir. Alors, faites bon usage de votre temps et lancez-vous dans l'immense l'enseignement du Bouddha. Sinon vous ne seriez capable de le comprendre, et ainsi vous auriez gâché votre temps.

Pan Dwo Sa Mye, « grande lumière brillante » ou « long éclat illuminé » correspond au cinquième des dix cœurs, la contemplation du cœur vide. Par la contemplation du vide, on obtient la sagesse. Avec la sagesse, on obtient une lumière brillante et avec cette lumière, on obtient un long éclat illuminé sinon on se trouverait dans un état de « sans lumière » c'est-à-dire « ignorance ».

Pourquoi êtes-vous ignorants ? Parce que vous n'avez pas un "long éclat illuminé". La raison c'est que vous n'avez pas de "lumière brillante". Si vous avez de la lumière brillante, vous pouvez avoir un long éclat illuminé avec lequel vous pouvez détruire l'ignorance. Une fois l'ignorance détruite, la nature du Dharma se manifeste. Ceci est votre véritable intelligence.

Le petit-fils se marie avec la grand-mère. Le maître Chi Kung de la dynastie Liang était maître du Dhyana de la grande vertu. Personne ne savait qui étaient son père et sa mère. Un jour, une femme entendit la voix d'un enfant qui pleurait venant d'un nid d'un aigle. Elle grimpa jusqu'au nid, prit l'enfant l'emmena chez elle et l'éleva. Bien que l'enfant prît une forme humaine, ses mains et pieds étaient

différents de ceux des êtres humains, c'étaient des griffes. Le jeune garçon grandit, quitta la vie de famille se convertit et plus tard devint illuminé et obtint les cinq yeux et six pénétrations spirituelles. Comme personne ne savait qui étaient son père et sa

mère et parce qu'il était sorti d'un nid d'un aigle, on supposait qu'il était sorti d'un œuf d'un aigle. Quelle que soit sa naissance.

L'empereur Wu de la dynastie de Liang ainsi que beaucoup d'autres avaient confiance en lui. Chaque fois qu'il y avait un événement dans la famille : naissance d'un enfant, mort des proches, mariage, funérailles, etc. Ils le sollicitaient de venir réciter les Sutras. Une fois, un homme riche demandait au maître de réciter les Sutras lors du mariage de sa fille et dire quelques mots favorables pour s'assurer que le mariage marcherait dans le bonheur. Le maître Dhyana Chih Kung se rendit là, jeta un regard aux nouveaux jeunes mariés et dit :

"Ancien, ancien, étrange,
Etrange, étrange, ancien :
Le petit-fils épouse la grand-mère".

« Ancien, ancien, étrange », signifie qu'une telle situation n'avait jamais eu lieu auparavant. C'était singulièrement étrange, d'une étrangeté inquiétante et bizarre de voir un petit-fils se marier avec sa grand-mère. Dans le monde humain, on dit que tout le monde a été mari et femme de tous les autres. Tout le monde a été père et fils de n'importe qui, tout le monde a été mère et fille de tout les autres. Si vous ne comprenez pas les affinités des vies antérieures, il se peut que vous ne vous rendiez pas compte que peut-être c'est votre grand-père antérieur qui est né et est venu vous épouser ou votre grand-mère est revenue pour devenir votre fille. Il n'y a rien de déterminé.

Dans cette histoire, le « petit-fils épouse la grand-mère ». Juste avant la mort de la grand-mère, elle dit à sa famille : « mes fils sont mariés et ont des enfants. Mes filles sont mariées et je ne suis pas inquiète pour eux ». Elle avait l'esprit tranquille et avait pris toutes les dispositions sauf son petit-fils. A qui ressemblera-t-il ? Qui veillera sur lui ? Sa future femme sera-t-elle bonne pour lui ? « Je ne peux pas m'empêcher de m'inquiéter pour lui » et elle saisit la main de son petit-fils. On dit que si les affaires sont en ordre, on peut mourir les yeux

fermés. Si elles ne le sont pas, on mourra les yeux ouverts. La grand-mère dit « je m'inquiète tellement pour toi que je ne pourrai pas mourir les yeux fermés ». Elle est morte les yeux ouverts et toujours inquiète, elle est allée voir le roi Yama, le maître de la mort.

« Mon petit-fils n'a personne pour l'aimer ! » se plaignit-elle au roi Yama. « Très bien », répondit le roi, retournez et veillez sur lui » et il l'envoya à la renaissance immédiatement. Quand elle était en âge de se marier, elle se maria avec son petit-fils de la vie antérieure. N'êtes vous pas d'accord que cela est ancien, ancien et étrange ?

Comment le maître Chih Kung savait-il ceci ? Pouvez-vous vous demander. Il savait parce qu'il avait ouvert les cinq yeux spirituels.

Mantra :

14. SA PE E TWO DOU SHU PENG.

Commentaire : Cette phrase du mantra est divisée en trois parties, quand on la récite, elle porte trois significations différentes. Sa Pe signifie “ tout ” et a le sens de l'égalité. Ainsi, il représente le deuxième des dix cœurs, le cœur de l'égalité.

E Two Dou signifie “ richesse, bonheur et pas de misère ”. On possède l'abondance et on est heureux car on n'est pas pauvre. La phrase peut aussi signifier “ selon votre volonté ”. "Selon votre volonté" veut dire que toute situation correspond à vos souhaits. Ces mots portent aussi le sens d'inextinguible. Des dix cœurs, cette ligne se réfère au troisième, le cœur inconditionné c'est “ la richesse et le bonheur sans pauvreté ”.

Shu Peng signifie “ majestueux, pur et sans souci ”. Puisque c'est majestueux et sévère, c'est clair et pur et par conséquent, pas de souci. Cette ligne représente le neuvième des dix cœurs, le cœur sans opinions sans cupidité. Les opinions et la cupidité vont ensemble, sont des serviteurs rapides. La vue d'un objet pousse, votre cœur à le saisir avidement et à s'y attacher. Mais, avec le neuvième cœur, il n'y a pas d'opinions donc pas de cupidité.

Mantra :

15. E SHR YUN.

Commentaire : E Shr Yun, comme avant, vient du langage du ciel du Grand Brahma. Il signifie “ le Dharma incomparable ”. Aucun Dharma n'est comparable à celui-là. Il signifie aussi “ l'enseignement incomparable ”, alors aucune autre religion ne peut se comparer à celle-là. Cette ligne

représente le septième cœur, le cœur humble, le cœur extrêmement respectueux et agréable envers tout le monde. La ligne représente aussi le huitième, le cœur sans obscurité. C'est le cœur pur, le Dharma du cœur Prajna sans souillure du Bodhisattva qui écoute les sons du monde.

Les dix cœurs font partie de l'apparition du Dharani et nous devrions mettre en pratique ces principes et ne pas les oublier. Nous devrions pratiquer selon le Sutra Dharani et avoir confiance en lui pour accomplir la voie et réaliser le fruit.

Mantra :

16. SA PE SA DWO NA MWO PE SA TWO NA MWO PE CHYE.

Commentaire : Sa Pe Sa Dwo, issu du sanscrit, signifie “ le Bodhisattva au grand corps et grand cœur ”. Na Mwo Pe Sa Dwo du Sanscrit aussi veut dire “ la jeunesse virginale ”, le chevalier débutant ” un prince du Dharma, un Bodhisattva. L'expression “ la jeunesse virginale ” représente la nature originelle. “ Le chevalier débutant est le titre donné spécialement aux Bodhisattvas. Ils sont aussi appelés les grands chevaliers. Sur leur voie, menant à la position de la Bouddhité, les Bodhisattvas sont appelés les princes du Dharm jusqu'à la dixième terre.

Na Mwo Pe Chye veut dire "inégal". La même signification apparaît dans le Sutra du Cœur, par conséquent ; connaître le Prajna Paramita c'est connaître ce grand mantra divin, brillant, suprême et sans égal...

Qu'est-ce qui peut être sans égal ? Vous demandez-vous ?

Réponse : Pe Chye. Pe Chye signifie “ celui qui est honoré du monde des dix directions.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Le chapitre qui commence par, « si d'autre part, une personne avait entendu et retenu ce Sutra, » était parlé par le Bouddha Sakyamuni. "Recevoir" c'est le coeur qui reçoit. « Tenir » c'est le corps qui met l'enseignement en pratique.

Une personne n'a pas besoin de recevoir ni tenir le Sutra Vajra en entier, mais capable de réciter seulement pas plus que quatre ligne du gatha, cela aurait suffi d'autres s'en passent même du texte, car :

"Si on me voit à travers la forme,
Si on me cherche dans le son,
On pratique une voie déviante
Et ne peut pas voir le Tathagata".

Le gatha dit que si une personne reconnaît le Bouddha à travers les réalités tangibles, ou recherche le Bouddha à travers le son de sa voix.

Cette personne pratique les Dharmas extérieurs déviants, démoniaques plutôt que le vrai et réel enseignement du Bouddha. Pourquoi ? Le vrai enseignement du Bouddha est dépourvu de forme ou d'apparence. C'est le vrai vide et merveilleuse existence. L'effort ne doit pas être dépensé pour de fausses réalités.

Un autre verset dit :

"Avec les réalités tout est faux et vide.
Si vous voyez toutes les réalités
Comme non réalités
Alors vous voyez le Tathagata".

Un autre :

"Il n'y a aucune réalité du soi,
Aucune réalité des autres,
Aucune réalité des êtres vivants.
Et aucune réalité d'une vie".

Un autre :

Toutes les lois conditionnées

Sont comme les rêves, illusions, bulbes,
ombres,

Comme les gouttes de rosée comme un éclair.

Réfléchissez-y.

En général, on peut apprendre par coeur quatre lignes qui vous conviennent et les explique aux autres. Mais on ne devrait pas interpréter ce passage comme étant les seuls Dharmas du Sutra, parce qu'il n'y a pas de Dharmas déterminés. Si on insiste seulement sur une donnée des quatre lignes pour généraliser tout le Sutra, le Dharma devient statique. Le Sutra Vajra maîtrise le coeur rigide et attachant et lui permet de séparer de toute réalité. Il détruit toutes les lois et se détache de toutes les réalités- Détachement de toute réalités est la Bouddhité .

Ne soyez pas attachés à ces quatre lignes particulières. Gardez la loi vivante ! Permettez-lui d'être comme un dragon vital, comme un tigre qui court. Parlez du Sutra de telle sorte qu'on a l'impression qu'il saute qu'il bondit, qu'il plane. Ne soyez pas si monotone à tel point que tout le monde s'assoupit et en plus ne soyez si stupide au point de penser qu'ils sont entrés dans la concentration.

Recevoir et retenir le Sutra sont les avantages qui mènent à l'illumination du soi. L'expliquer aux autres leur fait du bien et les éclair.

Si vous pouvez recevoir, retenir un gatha de quatre lignes vous-même, et en parler aux autres, les bénédictions et la vertu de cette action sont beaucoup plus grandes que celles apportées par une offrande de trois milliers des grands milliers de systèmes mondiaux des sept pierres précieuses. Pourquoi ? parce que la donation du Dharma est le plus suprême des dons, dépassant toute donation de richesse.

Les dix directions sont : Est, Sud, Ouest, Nord, plus les directions intermédiaires au-dessus et en dessous. Les trois périodes du temps sont : le passé, le présent, et le futur. Tous les Bouddhas des dix directions et des trois périodes du temps,

sont parvenus à la véritable illumination la loi pure et sublime auxquelles ils sont certifiés.

Si vous êtes attachés au Bouddha, alors vous êtes attachés à la réalité des gens. Si vous êtes attachés à la Loi alors vous êtes attachés à la réalité des lois. Si vous êtes attachés au vide, vous êtes attachés à la réalité du vide. Il ne s'agit pas de détruire toutes les lois et quitter toutes les réalités. Si vous vous débarrassez de toutes les réalités, c'est la loi. Si vous ne pouvez pas vous en débarrasser, autrement dit vous avez encore des attachements donc votre originelle, votre intelligence naturelle, trésor de votre propriété, votre Prajna de la nature du soi ne peut pas apparaître. S'il n'apparaît pas, êtes-vous perdu ? Non, vous n'êtes pas perdu. Seulement vous ne pouvez pas l'utiliser.

Par exemple, dans un rêve, vous oubliez que vous êtes riche, vos richesses sont inutiles. Alors même le plus grand milliardaire de monde se révèle vide. Alors à quoi pouvez-vous vous attacher ? Certains peuvent dire, "Puisque la loi du Bouddha n'est pas déterminée, pourquoi parle-t-il des six perfections et des dix mille pratiques ? Pourquoi dit-il que les gens devraient maintenir les préceptes et pratiquer les bénédictions ? A quoi cela est-il nécessaire ?"

Ce point de vue est basé sur la connaissance déviante et les vues déviantes. Pourquoi ? parce que les gens avec de telles attitudes nourrissent les attachements dans leurs coeurs. Plutôt qu'attacher aux réalités, on devrait se baser sur la loi pour pratiquer, bien que les préceptes soient tenues, on ne devrait pas s'attacher à la réalité de ces préceptes. Bien qu'on ait des bénédictions et vertu, on ne devrait pas s'y attacher. Si on est libéré de tous ces attachements, son mérite et sa vertu épuisent l'espace vide et le monde de la loi.

Mais la plupart des gens à l'esprit simpliste disent qu'il n'est pas nécessaire de garder les préceptes, même pas les cinq préceptes d'interdictions de tuer, de voler, de commettre d'adultère, de mentir, de prendre des boissons alcoolisées." Puisque la doctrine du Bouddha n'a pas de lois déterminées, rien n'interdit : le meurtrier de tuer, le cambrioleur de voler, le menteur de mentir." Celui qui nourrit de pareilles pensées et de connaissances aussi déviantes tomberont certainement dans les enfers du futur. Soyez très vigilants de ne pas tomber dans cette réalité du vide total qui renie la condition de cause et d'effet en déclarant que "les crimes sont vides, les bénédictions sont vides, tout est vide."

Or si vous n'exécutez pas des actes de mérite et de vertu vous créez des crimes et des mauvais karmas. La pratique est justement de faire de bonnes actions et ne pas s'y attacher à elles. Il est essentiel d'accomplir des actes de mérite et de vertu et tenir les préceptes. Si vous ne gardez pas les préceptes, vous pouvez tomber dans les enfers. Tout le monde devrait être très lucide à cela.

9. LA SEULE REALITE EST :

Sutra :

Subhuti, "un Srotaapanna peut-il avoir la pensée, « j'ai obtenu le fruit du Srotaapanna ? »" Qu'en pensez-vous ?

Subhuti dit, "Non, Seul Honoré du Monde. Et pourquoi ? Un Srotaapanna signifie celui qui est venu (entré) et cependant il n'est pas entré.

Il n'est pas entré par les formes, les sons, les odorats, les goûts, les objets palpables et les lois. Pour cette raison il est appelé un Srotaapanna."

Commentaire : Sachant que la plupart des gens n'auraient pas encore compris la doctrine de la réalité du Prajna, le Bouddha Sakyamuni présente un autre exemple.

Un Srotaapanna est au premier étape d'un Arhat. Réalisation du premier fruit d'Arhatship, à l'intérieur du Petit véhicule, vient quand les quatre vingt catégories des vues d'illusions sont brisées. C'est la position de la voie du voyant. Au moyen des seize coeurs, on peut couper les quatre-vingt catégories des vues illusoire et atteindre la vérité.

Les illusions de la vue sont le résultat de la cupidité et de l'envie qui surgissent devant les situations. Normalement l'avidité et l'envie n'apparaissent pas, mais devant un objet l'avidité et l'envie apparaissent et nous poussent à nous approprier de l'objet. La production de la cupidité et l'envie résultent des illusions de la vue. Les quatre-vingt huit catégories d'illusions de la vue sont coupées au moyen des seize coeurs qui portent l'aspect des quatre saintes vérités de la souffrance, de l'accumulation, de l'extinction et de la voie. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Les huit souffrances sont :

1. La souffrance de la naissance
2. La souffrance de la vieillesse
3. La souffrance de la maladie
4. La souffrance de la mort

La vue de ces quatre souffrances avait poussé Bouddha Sakyamuni à se décider de quitter la vie de famille afin de pratiquer la voie.

5. La souffrance d'être séparé de ceux que vous aimez
6. La souffrance d'être uni à ceux que vous détestez.

Si les gens ne sont pas séparés des êtres aimés, ils sont entourés d'ennemis. Si vous n'aimez pas quelqu'un, vous le trouverez toujours sur votre chemin.

7. La souffrance de ne pas pouvoir réaliser ses aspirations. Vous désirez obtenir un objet et une fois l'ayant obtenu, vous avez peur de le perdre. Cette souffrance n'est pas comparable au suivant.
8. La souffrance du flamboiement de rage des cinq Skandhas : la forme, les sentiments, les perceptions, les impulsions et la conscience. ces cinq Skandhas sont comparable à un feu en rage. Ils sont notre ombre constante à la quelle nous ne pouvons nous échapper.

Selon la vérité de ces souffrances, je fais voeu de sauver les êtres vivants illimités :

Pourquoi y a-t-il des souffrances illimitées dans ces huit souffrances ? Dans les vies antérieures, nous avons planté des graines de la souffrance comme si elles étaient de vieilles amis dont nous ne voulons

absolument pas nous séparer. Ayant établi les causes et les conditions de la souffrance dans le passé, donc dans le présent nous récoltons le fruit amer :

Des causes faites pendant les vies passées
Deviennent alors votre vie présente
Les résultats que vous récolterez dans les vies futures,
Viennent des actes de cette vie présente.
Semez les bonnes causes, récoltez de bons résultats ;
Semez les mauvaises causes, récoltez les mauvais résultats.

Vous avez peur des résultats. "Oh, je souffre trop", dites vous avec amertume, mais savez-vous que vous souffrez parce que précédemment vous avez planté les causes de la souffrance.

Les êtres vivants ont peur des résultats, pas des causes desquelles ils viennent mais les Bouddhisattvas craignent les causes, mais pas les résultats. Les Boddhisattvas sont extrêmement prudents pour ne pas planter les causes de la souffrance et alors ils ne récoltent pas la moisson de la souffrance. Ils subissent leur souffrance présente avec joie. Ainsi, les Boddhisattvas aussi doivent parfois souffrir mais ils le font volontairement, tout en sachant parfaitement que :

En subissant la souffrance, ils mettent fin à la souffrance ;
En réjouissant des bénédictions, détruit les bénédictions,

Par ailleurs les êtres vivants, n'ont pas peur de planter les causes de la souffrance. « Qu'elles soient bonnes ou mauvaises, de toute manière », disent-ils, je les ferai quand même, cela n'est pas important. Mais lorsque les résultats arrivent « Oh, je ne peux pas les supporter, » se plaignent-ils. « Comment cela pouvait-il arriver à moi ? Quelle

"Il m'a trompé, il m'a frappé, il m'a avili, il m'a dépossédé", ceux qui accueillent de telles pensées ne seront jamais libérés de la haine.

Dhammapada

amertume !

Si vous avez peur de la souffrance, vous ne devriez pas semer les causes de la souffrance, mais si vous le faites, vous récolterez certainement ses fruits amers.

Né dans la Terre d'Ultime Béatitude, on n'endure aucune souffrance mais se réjouit de toute béatitude. Aucune des trois souffrances, des huit souffrances ou des souffrances illimitées n'y sont présents. Les gens sont purs et libérés de toute cupidité, de haine et de cupidité. Sans ces trois poisons, il n'y aura pas de mauvaises voies de la renaissance, parce que les mauvaises routes sont les manifestations de ces poisons.

Le Bouddha sauve les êtres vivants, mais en réalité, il n'en a sauvé aucun. Son objectif consiste à guider tout le monde à la compréhension de son enseignement afin de quitter toute souffrance, atteindre la béatitude et se réveiller. Mais quand vous aidez les gens à traverser la rivière, ne vous y attachez pas.

Sauvez les êtres vivants, mais restez à l'écart des remerciements

Renoncez à des remerciements et pourtant vous sauvez les êtres vivants.

Ne vous attachez pas au moindre signe de ce que vous faites, mais si vous dites

« Voyons, j'ai sauvé trois, cinq, sept, ... au moins dix êtres vivants »

Si vous continuez à calculer, vous avez encore des attachements.

Sauvez, cependant ne sauvez pas ;

Ne sauvez pas, cependant sauvez.

Ceci est la vraie traversée de la rivière.

Vous devez sauver les êtres vivants dans votre nature du soi aussi bien que ceux de l'extérieur. Il y a quatre vingt quatre mille êtres vivants dans votre nature du soi. Enseignez les à pratiquer, à réaliser la Bouddhité et à atteindre le Nirvana.

Si vous décidez de sauver les êtres vivants, vous rencontrerez les afflictions. Si vous ne les sauvez pas, vous aurez aussi les afflictions. De toute façon vous aurez les afflictions puisqu'il y a quatre vingt quatre mille genres d'affliction.

Il y a trois sortes d'illusions :

1. Les illusions des vues et de la pensée.
2. Les illusions de la poussière et du sable
3. Les illusions de l'ignorance.

Les êtres vivants ont tous ces trois types d'illusion, Ceux du petit véhicule ont coupé les illusions des vues et de la pensée, mais retiennent les illusions de

la poussière et du sable et celles l'ignorance. Les Bodhisattvas ont coupé à la fois les illusions des vues, de la pensée et les illusions de la poussière et du sable, mais ils ont encore les illusions de l'ignorance. Même les Bodhisattvas à l'étape de l'illumination sans-égale qui sont sur le point de réaliser la Bouddhité, ont encore une partie de « la marque de production » de l'ignorance aussi fin qu'un cheveu qu'ils n'ont pas encore détruit. Cette particule une fois détruite, ils atteignent la merveilleuse illumination de la Bouddhité.

L'illusion des vues se réfère à la cupidité et à la passion pour les choses extérieures. Parce que les objets extérieurs ne sont pas vus comme vides, ils sont reconnus comme réels. Le vêtement, la nourriture et le sommeil semblent très réels. « C'est vrai », vous dites, « Je suis tout seul, je n'ai pas d'amis, ni de famille ». Cet état embrouillé est l'illusion des vues. Ne comprenant pas ce que vous voyez, vous êtes avide du confort et de « bonnes choses ». « J'ai ceci et j'ai cela », dites-vous, et votre passion inassouvie vous laisse mécontent et cupide pour les biens matériels. C'est l'illusion des vues.

L'illusion de la pensée consiste à être confus sur les principes et à donner lieu à des discriminations. « Je ne sais pas ce qui se passe ici », dit quelqu'un. « Est-ce que le Maître a raison ? Si j'agit selon ses désir qu'est ce qui m'arriverait ? » Vous calculez constamment à propos des avantages personnels et s'il n'y aura aucun avantage, vous ne le ferez pas. Vous ne pouvez pas voir plus de trois pouces au-delà de votre visage. Vous ne pouvez pas voir plus loin que quatre pouces. Les illusions de la pensée sont des pensées claires confuses peu, prenant le faux pour le vrai et inversement. (à suivre)

RECHERCHER LE BONHEUR DANS LE DHYANA EST UNE SOURCE D'ERREURS

Par Vénérable Tuyen Hoa, conférence prononcée le 18 novembre 1982
à la cité des Dix Mille Bouddhas en Californie.
Traduction en français : Phan Ngoc Anh.

Si nous ne faisons qu'attendre le bonheur de la méditation nous oublierons de fournir l'effort de la méditation.

Méditer, consiste à ne pas rechercher le bonheur qu'apporte la Méditation. Qu'est-ce la méditation ? C'est la sensation naturelle de liberté. Dans la position assise prolongée en méditation, le sujet est envahi par une indicible sensation de liberté, de confort intérieur et de bonheur infini. Si on recherche à tout prix cet environnement agréable, on ne progresse pas facilement on ne l'obtiendra pas. On aurait tendance, à chaque début de méditation, à souhaiter ce bonheur, à se demander quand est-ce qu'on pourra retrouver cet espace sans cause, sans effet, sans égo, sans créatures, sans passions, particulièrement libre. Dans cette attente, le sujet oublie ses efforts méditatifs. Celui qui médite est sans appréhension, sans convoitise, sans crainte, considérant son corps matériel comme dissous dans la vacuité du Dharma.

Ci-dessous sont les quatre états de méditation :

1. Etat préliminaire : le sujet se débarrasse de ses passions, est rempli de joie et de paix intérieures, se sépare de son ignorance originelle et se dirige vers la voie de l'éveil des saints. Atteindre ce stade implique la confirmation de quelqu'un de vertueux. Durant cet état, notre respiration s'arrête ; nous entrons en méditation du 1^{er} degré. Ce n'est pas l'état de sommeil car quelqu'un qui dort respire, ronfle parfois très bruyamment. L'état de non respiration est constaté par un observateur, non par celui qui médite. Le méditant qui sait que sa respiration est arrêtée n'est pas encore entré en méditation.

Analyser complètement cet état est long et risque de décourager les débutants. Surtout, il faut éviter de s'enorgueillir d'avoir atteint ce premier degré de méditation.

2. Méditation, 2^e degré : Ayant acquis l'étape du 1^{er} degré, on progresse et se stabilise. La

respiration s'arrête ainsi que les battements cardiaques. Le méditant n'est pas conscient de cet état et ne peut en parler.

3. Méditation, 3^e degré : Durant cet état, les poumons et le coeur s'arrêtent ; aucune pensée (snoti) ne persiste. Le méditant transcende son état de joie intérieure : un brin de cheveu peut apporter un état de bonheur sans nom ; les yeux et les sourcils rayonnent de joie indicible.

4. Méditation 4^e degré : C'est l'état de vacuité. Quand aucune pensée n'apparaît, la vraie nature de l'esprit s'extériorise. Ainsi dit-on :

Mille lacs reflètent la lueur de mille lunes,
Dix mille miles sans nuages découvrent dix
mille espaces de ciel bleu.

Arrivé à cet état, tout est DHARMA. Une fleur qui tombe, l'eau qui coule sont autant de signes mahayanistes. Ce paysage ne s'intègre pas dans la compréhension habituelle et n'autorise pas le méditant à proclamer qu'il a atteint ce haut niveau de Dhyana. Ceci ne peut être attesté que par un maître vertueux. Un homme vertueux est réputé d'avoir des yeux qui voient le fond des choses. Il est capable d'apprécier le degré d'effort spirituel du méditant. Essayez de tester cette capacité d'observation chez un maître vertueux : ce dernier ne dévoile pas complètement la vérité au premier abord. Souvent, après un long apprentissage auprès du maître, celui-ci consent à délivrer quelques parcelles de vérité sous forme d'exemples ou d'énigmes. Ainsi, on se doit d'être modeste et ne jamais proclamer qu'on est un Bouddha. C'est se tromper et tromper les autres.

L'UNIVERS BLANC

Par Vénérable Tuyen
Hoa

Ciel blanc terre enneigée.
D'innombrables petits vers sont morts de froid.

Hibernation.

Observer dans la sérénité.

Dans l'agitation l'esprit intervient.

La joie des dragons et des tigres.

Les esprits se lamentent, les génies hurlent : spectacle irréel.

La vérité est sans paroles.

Ni réflexion ni discussion.

Il faut avancer.

Grand ou Petit, tout disparaît, ni dedans ni dehors.

Tout est Dharma.

La plénitude intacte.

Les deux s'encombrent pas mutuellement.

Les deux poings brisent l'écran enveloppant de la vacuité.

Une gorgée avale toutes les mers.

La miséricorde prêchée largement.

Sang et sueur, sans repos .

Aujourd'hui, je voudrais procéder avec vous à une explication de la leçon « Vu Tru Bach » ou Univers Blanc. « Vu » symbolise les quatre directions cardinales et deux directions vers le haut et vers le bas. « Tru » englobe le temps passé et présent. « Vu Tru », c'est le monde.

Cette leçon peut être comparée à celle intitulée « Tout le fleuve en rouge » de Nhac Phi. Autrefois, le général Nhac Phi s'était battu contre les Kim, Provoquant la mort de milliers de soldats ; le sang épanché colorait en rouge une grande portion du grand fleuve Yang Tse. L'ode de Nhac Phi célébrant cette victoire se transmet jusqu'à nos jours.

Cette leçon « Univers Blanc » a été composée à la pagode Kim Son A San Francisco. Cet Univers blanc généralisé englobe le blanc de la rivière. La Pagode KIM-SON ressemble à une grande boîte recouverte de neige. A l'intérieur, c'est un pavillon glacial, noyé dans un univers blanc, sans aucune tache noire.

En 1972, il y avait une réunion ecclésiastique pour la première fois à la pagode Kim Son. Les moines récitaient le Dharani à six mots magiques. La réunion se prolongeait pendant sept jours et sept nuits, avec présence d'une soixantaine de personnes qui se relayaient pour réciter les six

syllabes « Aum Mani Padme Hum » dont le but est de prier pour la paix mondiale, pour la diminution des fléaux dans le monde. A cette époque, une rumeur se répandait qui annonçait la venue d'un séisme de grande intensité à San-Francisco. La litanie du Dharani était censée chasser les mauvais esprits néfastes. Tout le monde était appliqué ; j'étais moi-même satisfait de cette ambiance religieuse, en dehors du fait qu'un certain nombre de mes disciples manquaient de participation. Cette attitude, je le déteste et ne la pardonne pas.

Après cette réunion à la pagode Kim Son, j'ai écrit cette leçon Univers Blanc en guise de souvenir ; je vous explique aujourd'hui le contenu de cette leçon.

Ciel blanc terre enneigée. La pagode Kim Son n'est pas mondialement réputée mais aux Etats Unis d'Amérique elle est très connue. Elle est recouverte de neige, transie par le froid comme ses occupants. Les visiteurs se plaignent ; l'atmosphère est glaciale. On désespère de trouver une source de chaleur.

D'innombrables petits vers sont morts de froid, y compris les micro-organismes qui cohabitent avec nous dans notre corps. Dans cette pagode, les hommes manquent de nutriments, prient dans le froid ; les microbes saprophytes subissent les mauvaises conséquences et meurent mais d'autres survivent.

Hibernation. Les insectes qui se cachent sous terre pendant l'hiver survivent grâce à l'hibernation.

Observer dans la sérénité. Le calme est partout, l'esprit est serein ; aucune passion ne vient troubler l'esprit. Chacun ne pense qu'à énoncer les six syllabes magiques « Aum Mani Padme Hum ». La prière arrêtée, on observe ce qui se passe autour.

Dans l'agitation l'esprit intervient. Les moines récitent la prière en marchant ou en s'asseyant. Quand les pensées divergent, l'esprit ramène au Dharma. Ainsi apparaît le monde de la sérénité.

La joie des dragons et des tigres. Les dragons planent dans les nuages ; les tigres traversent mots et forêts. Ces paysages apparaissent dans le monde du calme spirituel et nous éblouissent.

Les esprits se lamentent, les génies hurlent : spectacle irréel. Les esprits se plaignent d'avoir eu une mort injuste, sollicitent des prières pour la délivrance de leur âme, implorant la miséricorde. Les génies crient : « Tant pis pour eux ; ils ont

commis beaucoup de mauvaises actions ». L'observateur est troublé par ces propos contraires. Mais ce ne sont que visions.

La vérité est sans paroles. La vérité ultime ne peut pas être dite. Telle cette phrase : « La vraie nature n'est pas matérielle et n'accroche point la poussière ». La signification véritable ne peut s'exprimer en paroles.

Ni réflexion ni discussion. Ce qui ne peut s'imaginer ; l'esprit ne peut réfléchir ; la parole ne peut exprimer.

Il faut avancer. Nous devons courageusement, avec persévérance, pratiquer la vertu religieuse. Il ne faut pas sombrer dans le néant, considérant que rien n'existe, qu'il ne sert à rien de réfléchir, qu'il faut se coucher quand on a sommeil et s'alimenter quand on a faim. C'est une grave erreur qu'on apercevra au moment de sa mort, sachant qu'on a gâché son temps. Il est nécessaire d'avancer sans cesse dans la pratique de la vertu.

Grand ou petit, tout disparaît, ni dedans ni dehors. Le vrai Dharma n'est ni en dedans ni en dehors ni au milieu.

Tout est Dharma. Le Dharma est immense ; il n'y a rien qui puisse exprimer la noble vérité.

La plénitude intacte. L'état entier n'a aucun manque. La plénitude est accomplie sans imperfection.

Les deux s'encombrent pas mutuellement. La nature véritable du Dharma est une et sans limite ; ces deux caractéristiques ne s'opposent pas.

Les deux poings brisent l'écran enveloppant de la vacuité. La vacuité a-t-elle un écran ? Sinon, on ne peut détruire la vacuité. Si la vacuité n'est plus, il n'y aura plus d'écran ! Dans ce cas, comment parler de casser l'écran de la vacuité à l'aide de deux poings ? Ceci est de la même signification que la huitième phrase.

Une gorgée avale toutes les mers. Ouvrir la bouche et avaler tous les mondes marins dont le

nombre correspond à celui des grains de poussière de toutes ces mers ; ce qui est impossible. Le sens figuré de la phrase, c'est la capacité de se débarrasser de toutes les passions, de toute embûche et ainsi d'avalier tous les mondes.

METHODE POUR TRANQUILLISER LA CONSCIENCE

Obscurci celui qui court après le Dharma (du fait d'une conception erronée sur la permanence des choses) ; éveillé celui qui voit le Dharma en accord avec l'homme (car toute pensée erronée a disparu). Quand on est obscurci, c'est la forme qui dirige l'esprit ; quand on est éveillé, c'est l'esprit qui dirige la forme. Dès que l'esprit commence à comparer, toute pensée devient illusion et rêve. Si la conscience est tranquille, sans aucune pensée, c'est l'éveil Suprême.

Patriarche Bodhidharma

La miséricorde prêchée largement. Donner la joie aux autres, soulager la souffrance d'autrui ; pratiquer la compassion en toutes circonstances, sans condition, dans l'esprit humanitaire le plus large envers tous et non seulement ceux qui nous sont familiers. Envers ceux qui sont dans le malheur mais réfractaires, il faut utiliser tous les moyens d'éducation avec humanité et compassion

jusqu'à obtenir le résultat souhaité.

Sang et sueur. Apporter la volonté farouche dans la conversion de ses semblables.

Sans repos. Dans cette oeuvre, l'effort doit être continu sans considération de temps et d'énergie, sans crainte de difficulté, de souffrance ; il faut toujours avancer sans reculer.

HISTOIRES D'ANCIENS KALPAS

Traduction en français : Phan Ngoc Anh

Sept cents ans après que Bouddha eût gagné le Parinirvana, au pays Ke-Tan situé au nord de l'Inde, il y avait un dragon-roi du nom de A-Loi-Na qui répandait la terreur en provoquant tempêtes et ouragans dévastateurs et autres catastrophes avec foudre et autres phénomènes sismiques. Deux mille Arhats étaient résolus à unir toute leur énergie spirituelle pour chasser ledit dragon hors du pays.

Ainsi mille Arhats faisaient trembler la terre ; cinq cents autres envoyaient des éclairs d'une puissance inouïe ; les Arhats restants entraient en méditation utilisant leur force spirituelle

puissante. Cependant, toutes ces attaques contre ce méchant dragon étaient inopérantes.

Au milieu de toutes ces souffrances, un vénérable du nom de Ky-Da-Da apparut qui s'avancait au bord du lac, montrant du doigt le dragon en faisant trois chiquenaudes et en criant très fort : « Dragon ! Je te donne l'ordre de quitter immédiatement ce lieu. Tu n'as pas le droit de vivre ici ! »

Le dragon A-Loi-Na, à ces mots, s'était immédiatement envolé et disparaissait.

Les deux mille Arhats qui assistaient à cet extraordinaire événement étaient fascinés par le geste du vénérable si simple mais si efficace. Quelques Arhats s'en allaient demander au vénérable Ky-Da-Da : « Nous sommes des Arhats bouddhistes du même titre que vous ; avons quitté nos passions et sommes délivrés du cycle naissance-mort comme vous. Pourtant, notre énergie spirituelle n'a pas pu faire bouger le dragon, alors que vous avez provoqué la fuite de l'animal en quelques gestes simples et anodins. »

Le Vénérable répondit : « Depuis mon état d'homme ordinaire, j'ai toujours scrupuleusement suivi les règles et les préceptes religieux ; je ne laissais aucune passion m'entraîner vers des actes sources de mauvais karmas ; je pratique l'esprit d'égalité dans tous les aspects du Dharma. Si vos actions sont inopérantes contre ce dragon, c'est parce que vos mérites accumulés n'équivalent pas les miens. »

Après avoir chassé le dragon A-Loi-Na, vénérable Ky-Da-Da et ses disciples continuèrent leur chemin vers le nord. La route longue traversait de vastes plaines, contournait des pics montagneux. De grands arbres d'une hauteur vertigineuse étaient secoués par le vent du sud. Vénérable Ky-Da-Da qui marchait seul sous les arbres s'arrêta subitement et regarda en direction d'un corbeau noir posé sur une branche. Le vénérable observait minutieusement l'oiseau, esquissa un sourire et hocha plusieurs fois la tête. Les quelques disciples situés à quelques pas du maître lui demandèrent étonnés :

« Quelle est la raison de votre sourire devant ce corbeau noir ? »

« Je vous le dirai en temps utile », répondit le maître.

Le groupe continua son chemin et arriva devant une citadelle aux remparts de pierre. Dès l'entrée sous le portail, le vénérable prit subitement une mine de grande tristesse qui inquiéta ses disciples mais personne n'osait en demander la raison.

Il était midi. Le groupe mendiait la nourriture, déjeunait, puis quittait la citadelle en passant sous le même portail. Encore une fois la même mine d'affliction s'empara du vénérable. Alors, les disciples se mirent à s'agenouiller devant le maître lui demandèrent la cause de ses différentes attitudes de joie à la vue du corbeau noir et de grande peine en passant sous ce portail.

Poussant un soupire le vénérable répondit avec tristesse : « Quatre-vingt-onze kalpas auparavant, après que Bouddha Ty-Ba-Thi fût entré dans le Parinirvana, je fus né dans une famille aisée. Ensuite quand je demandais à mes parents de prendre l'habit de moine, mes vieux parents m'imposaient de me marier d'abord afin d'assurer une descendance portant le nom de famille. Après le mariage, mes parents souhaitaient la venue d'un garçon, ce qui fut. Quand mon fils commençait à parler, j'ai réitéré ma demande de quitter le foyer pour me faire moine. A bout d'arguments, mes parents incitaient mon fils à venir se lamenter auprès de moi : « Papa, restes avec nous, avec maman et grands parents. » Par amour de la famille, j'avais renoncé à mon projet.

C'était ainsi que j'étais entré dans le cycle des réincarnations sans cesse renouvelées. Aujourd'hui, usant de mon pouvoir d'Arhat, en scrutant les différentes familles du Samsara où j'étais passé, je constate que pendant les séjours dans le monde d'ici-bas, tout le monde était partagé par les passions diverses ; qu'après la mort, chacun suit un karma différent, ne retrouve presque plus jamais ses anciennes relations dans le vaste monde samsarique à six Voies. Le corbeau noir de tout à l'heure était mon fils dans un ancien kalpa. Je ne veux pas croire à sa réincarnation en oiseau. C'est vraiment une bonne cause qui me lie à lui après maints kalpas passés. »

Vénérable Ky Da Da prend une pause, pris d'une forte émotion.

« Maître, veuillez nous raconter ce qui s'était passé devant le portail d'entrée de la citadelle », intervint un disciple.

« J'étais très ému en voyant un esprit errant d'un enfant squelettique, qui me demandait secours en me priant de lui donner de la nourriture afin d'apporter à sa mère qui l'attendait à l'intérieur depuis soixante-dix années déjà sans réapparaître, lui-même ne

supportait plus longtemps d'être affamé. J'ai fait la commission auprès de l'esprit errant-mère, une fois entré dans la citadelle. L'esprit-errant-mère fondait en larmes : « Vénérable ! Depuis soixante-dix années, je n'arrêtais pas de penser à mon enfant resté dehors. J'ai essayé par tous les moyens. Mais j'ai un passé karmique chargé. Pendant ma vie humaine, je n'ai pas accompli de bonnes actions envers les autres ; je n'ai pas su accumuler des mérites, ce qui rend très difficile ma mendicité actuelle. Je n'ai pu trouver que de la nourriture malsaine telle que du sang, du pus, des larmes, de la salive, de l'urine et des selles ; ces nourritures m'ont été volées par d'autres esprits errants plus voraces, étant donnée ma faiblesse m'obligeant à rester couchée. La dernière fois, comme vous avez assisté, j'ai été empêchée de sortir de la citadelle avec de la nourriture que j'ai pourtant bien cachée. Vénérable ! Ayez pitié de nous et aidez-moi à retrouver mon enfant pour partager cette maigre nourriture ! »

« J'ai aidé l'esprit-errant-mère à gagner l'extérieur de la citadelle, observant les heureuses retrouvailles entre la mère et l'enfant qui partageaient la nourriture ensemble. »

« Depuis combien de temps étiez-vous ici ? » demandais-je à la mère.

« Je n'en sais rien », dit la mère. « Ce que je peux dire, c'est que cette citadelle a été détruite et reconstruite sept fois ! »

Le vénérable poussa un long soupir et dit aux disciples :

« Le temps du bonheur est bien court tandis que celui de la souffrance est interminable. Je ne savais pas que la vie des esprits errants était aussi longue ! »

Après ces propos, les disciples frissonnèrent de peur et de tremblements malgré la chaleur environnante. Ils pensaient que l'exemple d'esprits errants pourrait arriver à n'importe quiconque faisant de mauvaises actions. Si on ne pratique pas la vertu, si on ne suit pas les préceptes du Dharma, une mauvaise action peut conduire à une souffrance éternelle !

Alors, le groupe avançait d'un pas résolu. Tous se sentaient réconfortés et se dirigeaient vers le chemin de la lumière.

LE BOUDDHADHARMA EST INSÉPARABLE DE L'ESPRIT HUMAIN

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Le BouddhaDharma est inséparable de l'esprit humain. Autrement dit : Le BouddhaDharma c'est le Dharma de l'esprit humain. Car si dans l'esprit humain, n'existent plus de pensée, plus d'illusion, de violence, de folie, de barbarie, de racines de souffrance, de maladie, c'est le Bouddhadharma. Le contraire de tout cela, c'est le Dharma du démon. Les pensées bienveillantes, sereines appartiennent au monde du Bouddha, tandis que Mara nourrit des pensées meurtrières, souillées, impures. C'est pourquoi disaient les Anciens :

« Le bon et le méchant parcourent deux chemins différents »

« Ou bien on accomplit de bonnes actions et on cultive la voie ; ou bien on commet de mauvaises actions, et on crée le mauvais karma »

Une personne stupide, ignorante risque facilement de confondre ces deux chemins. Souvent, quand elle accomplit une bonne action, surgit toujours dans son esprit une pensée malveillante. Et quand elle commet une mauvaise action, celle-ci s'accompagne parfois d'une pensée bienveillante ; il n'existe donc pas d'actions purement bonnes, ni purement mauvaises, fixer un choix bien déterminé se révèle parfois difficile.

Autrement dit, on ne peut pas « toujours avancer selon la moralité »

« Ou reculer devant l'immoralité »

Comme on ne peut pas :

« Toujours choisir les bonnes actions »

« Ni repousser les mauvaises actions »

Car nous vivons dans les ténèbres de l'ignorance incapables de discerner le bien du mal, la raison du tort à travers toute sa vie, on n'arrête pas d'accumuler d'actes stupides, ignorants, gaspillant ainsi notre énergie vitale inutilement. Ainsi disaient encore les Anciens : « Il existe en ce monde deux sortes d'individus : d'abord, ceux qui désirent la célébrité, et ceux

qui désirent la richesse. A part ces deux genres d'individus, il en reste très peu ».

On dit souvent : « La célébrité et la richesse ne sont pas si importantes et pourtant tout le monde s'en passionne » y compris ceux qui sont convertis. Je vous cite quelques exemples et vous verrez : « Le moine Hăng Thât : une prosternation tous les trois pas ». Pourquoi s'appelait-il Hăng Thât ? (toujours sincère) parce qu'il n'était pas toujours sincère. Il a été attribué aussi d'un nom bouddhique : « Quả Chân » (fruit sincère) pour l'obliger à agir d'une façon sincère partout où il se rendait. Mais celui-ci n'étant fondamentalement pas sincère, alors arrivé quelque part, il se couvrait d'une apparence, tel un écrivain qui, pour montrer son talent, en décrivant un événement, ajoute toujours quelques détails, mon traducteur faisait pareillement. Une fois, je disais : « Plus la tempête souffle fortement, plus ça vaut mieux », mais, en traduisant, il a ajouté : « Ne vous inquiétez pas » pour montrer son savoir.

Certains de mes auditeurs, écoutant cela, se mettaient à douter. "Une prosternation tous les trois pas : c'est une pratique exceptionnellement rare, célèbre dans le monde entier. Pourquoi dites-vous qu'il y a un manque de sincérité" ? Je vous fais une confidence d'une personne âgée : comme j'étais incapable de la lui apprendre, alors il ne pouvait pas comprendre clairement. Et comment ? Partant de la Pagode : Kim Luân à Los Angeles, il marchait jusqu'à la Cité des Mille Bouddhas en effectuant une prosternation tous les trois pas. Son objectif n'était pas pour devenir Bouddha mais « pour apporter la paix au monde », disait-il, mais en réalité, dans son âme la paix n'existait pas. En pratiquant ce dur exercice, il ne visait qu'un seul but : devenir célèbre, le numéro un du monde entier.

Qu'en pensez-vous ? Qu'est-ce que la célébrité ? Il pratiquait une prosternation tous les trois pas ainsi, uniquement pour obtenir la gloire. Se prosterner dans cet esprit, personnellement, je n'en fais aucune ; à mon avis il s'est trompé d'objectif en pratiquant la voie.

En plus, chaque fois qu'il arrivait dans une ville, il sollicitait les journalistes d'écrire pour lui un reportage afin de mettre au courant tous les habitants de cette ville. Or, l'objectif des journalistes c'était la publicité.

Donc, s'il s'agissait d'une simple prosternation sans importance, ils ne s'en seraient pas donnés la peine, mais il s'agissait ici d'une prosternation tous

les trois pas sur un si long trajet, ils n'hésitaient pas à en faire un reportage. Arrivé enfin à la Cité des Mille Bouddhas, il serait respecté, honoré, il pourrait alors se proclamer petit prince de cette ville.

Malheureusement, le jour de son arrivée à la cité c'était précisément l'ouverture du séminaire.

J'y étais présent pour l'inauguration, j'étais sûr qu'au fond de lui-même, il m'insultait : « Oh ! mon Dieu, mon maître, vous n'êtes qu'un paysan, ne connaissant pas un mot d'anglais, vous venez gâcher tout mon projet ».

Ayant durement pratiqué des prosternations pendant deux ans et neuf mois, et aujourd'hui il voulait rivaliser avec son maître.

« A quoi servent alors ses prosternations » Et vous dites qu'à la Cité des Mille Bouddhas, il existait vraiment quelqu'un qui pratiquait une prosternation tous les trois pas, mais pour quel objectif ?

Si ce n'est qu'uniquement pour la gloire et la richesse.

C'est pourquoi :

« La célébrité et la richesse sont sans importance, et pourtant tout le monde s'en passionne »

« Alors que le problème de la naissance et la mort est d'une importance capitale, personne ne s'en préoccupe »

La naissance et la mort sont d'une importance capitale, personne n'y pense alors que tout le monde recherche la gloire et la richesse. « La sérénité c'est le bonheur, personne ne la veut » « tandis que l'affliction n'apporte que malheurs et pourtant tout le monde s'en passionne ».

Les afflictions créent de mauvais karmas, or vous cultivez la voie si vous arrivez à éliminer toutes vos afflictions, vous aurez compris et bien cultivé la voie. Mais si tout le long de la journée, vous êtes affligé en mangeant, en marchant, en dormant, en travaillant, en vous asseyant. Enfin tous vos faits et gestes sont remplis d'afflictions. Alors, comment avez-vous cultivé la voie ? Réfléchissez-y un peu.

Est-ce que je m'oppose à sa pratique de prosternations dans le but d'obtenir la gloire et la richesse ? Absolument pas. Alors contre qui je m'oppose ? Toute la responsabilité repose sur son maître qui n'était pas clair dans son enseignement. Etant paysan, il ne savait pas comment enseigner son disciple, aussi j'ai dû beaucoup parler ; l'important réside en ce

point : j'espère qu'un maître-paysan ne forme pas un disciple-paysan, mais que le disciple dépasse son maître. Regardez-moi, en tant que Maître, ne me parlez pas de prosternation une fois tous les trois pas. Ce genre de prosternations publiques, je n'en fais aucune. Je n'ose pas les faire, de peur de tomber par terre et ne plus me relever.

Tout au plus, son maître n'était pas fautif dans son enseignement, mais c'était la faute de ce pays. Et comment ? Quelle faute ce pays a-t-il commise ?

Arrivé aux Etats-Unis, au début, j'estimais beaucoup la liberté de développement de ce pays. Je me suis laissé entraîné aveuglément par cette liberté oubliant complètement la liberté spirituelle. Ensuite, l'ayant mal comprise, j'ai laissé mes disciples complètement libres dans leurs actes, aucun contrôle de ma part, qu'ils montent au ciel, ou qu'ils descendent en enfer selon leur volonté d'où la naissance des désirs de célébrité et de richesse. Je n'ai pas l'intention de plaider en ma faveur, mais uniquement pour vous dire que ce genre de prosternations je n'en fais aucune, ma méthode de prosternations est complètement différente de la sienne.

Le moine « Hăng Thât » se prosterne une fois tous les trois pas. Tandis que moi, je me prosterne à la même place. Depuis l'âge de douze ans, je commençais déjà à pratiquer des prosternations ; tous les matins, j'en faisais plus de 850 et le soir j'en faisais autant, à l'insu de tout le monde. Le matin, avant que tout le monde se réveillât, je sortais et en plein air je me prosternais et le soir après que tout le monde fût couché, je me prosternais ; ce faisant uniquement pour le profit de tous les êtres vivants dans l'univers infini. Tous les êtres vivants sont groupés en douze espèces suivantes : ceux qui ont des formes, d'autres sans formes, ceux qui ont des pensées, d'autres sans pensées, etc... Quand je me prosterne, mes pensées s'orientent vers tous ces êtres vivants, espérant changer leurs pensées malveillantes en pensées bienveillantes, en esprit du Boddhi, sans qu'ils le sachent. Comme je ne veux pas que les gens le sachent, je n'obtiens aucune gloire ; aujourd'hui, je vieillis, je n'hésite pas à vous communiquer ma méthode. Si vous voulez pratiquer des prosternations tous les trois pas, faites les dans la soirée, pas dans la journée, car sinon, on va dire que vous faites de la publicité.

« Une bonne action faite à l'insu d'autrui est une véritable bonne action »

« Une action méchante faite en cachette est une action extrêmement mauvaise »

Mes disciples ne sont pas totalement bons, ni totalement mauvais. Les bons nourrissent parfois des pensées malveillantes et les mauvais jouissent parfois des pensées bienveillantes. Il y a un instant, poussé par une grande émotion, je vous ai prêché la vérité et la vie contenues dans les livres anciens mais ce ne sont pas des livres qui parlent de la mort.

LA PRINCESSE THIEN QUANG

Traduction en français : Phan Ngoc Anh

Il était une fois un roi généreux et juste du nom de Prasenajit, résident à Sravasti en Inde. Ce roi fut un adepte fervent de Bouddha, pratiquant la générosité et l'éducation du peuple. A l'intérieur, il menait une politique d'humanisme et de modération ; à l'extérieur, il établissait des relations du bon voisinage avec les pays limitrophes, évitant tout risque de guerre.

Avec un tel monarque, le peuple vivait dans le bonheur, vénérait et affectionnait la royauté.

Le roi Prasenajit avait trois filles : la première était laide et vivait cachée dans le palais royal à l'abri des railleries ; la deuxième du nom de Thien Quang ; la troisième du nom de Ba Da vivait éloignée du palais depuis sa naissance. Ainsi la princesse Thien Quang bénéficiait de l'amour quasi exclusif des parents royaux.

Celle-ci était d'une beauté éclatante et d'un tempérament sérieux, d'un caractère doux et affable. Son corps rayonnait d'une lumière magique qui augmentait d'intensité lorsque la lumière du jour baissait.

Tout le monde adorait et protégeait la princesse, ce que cette dernière rendait bien son affectueuse générosité.

Un jour, profitant d'un moment de détente, le roi faisait un tour de promenade dans le jardin floral du palais en compagnie de sa famille. La princesse Thien Quang suivait de près le roi, soucieuse de répondre aux questions que pourrait lui demander ce dernier, ce qu'elle faisait régulièrement de façon précise et courante.

Tout à coup, sans arrière-pensée, le roi posait la question : « Thien Quang ! Votre père règne sur

un pays, est respecté par tout le peuple. Grâce à la puissance, au prestige et la vertu du roi, vous bénéficiez du respect et de l'affection du peuple. Cela est une chance extraordinaire ; vous me devriez bien reconnaissance, n'est-ce pas ? »

La princesse Thien Quang répondit avec douceur : « Père vénéré ! J'ai réincarné dans une famille royale en tant que princesse ; je dois naturellement respect et piété envers mon père roi. Concernant l'affection et le respect que le peuple témoigne à mon égard, c'est la conséquence des actes vertueux que j'ai récoltés durant mes vies passées ; la part de l'influence d'un tiers est moins importante »

A ces mots, le roi, en désaccord, pensait intérieurement : « Ma deuxième princesse si douce et si délicate n'avait jamais manifesté d'insoumission à mon égard ; comment ose-t-elle ce jour se vanter d'avoir accumulé des bons effets karmiques ? Son heureux karma actuel est-il fini ? Va-t-elle supporter son nouveau karma, mauvais celui-là ? »

Alors, le roi prit un air sévère et dit à Thien Quang d'un ton non réjoui : « Si vous dites bénéficier d'un bon karma, je vais vous faire faire une expérience pour voir l'importance des mérites que vous avez acquis. »

Le roi Prasenajit convoque un garde de confiance, lui recommanda de rechercher en quelques jours un jeune homme beau et intelligent mais pauvre, sans toit, mendiant dans ou en dehors de l'enceinte royale, tout en conseillant à ce dernier le secret le plus absolu sur le projet du roi.

Trois jours après, le garde ramène un jeune mendiant jusqu'au jardin du roi. Ce dernier averti gagna le jardin en costume banalisé et, l'air content, dit au jeune homme : « Vous êtes jeune et, je pense, célibataire ? Si vous êtes d'accord, je vous offre une belle jeune femme qui vous accompagnera à l'instant. »

Une chose pareille qui arrive à un jeune mendiant misérable de son état est comme dans un rêve, pensait le jeune homme qui s'empressa de répondre à son roi en hochant la tête : « La volonté du roi est celle de Dieu ; le vil homme que je suis n'oserait pas s'y opposer. »

Le roi Prasenajit fait appeler la princesse Thien Quang et lui dit : « Vous m'avez dit bénéficier par vous-même d'actes karmiques favorables ; je voudrais bien mesurer l'importance de ceux-ci. Ce jour, je donne votre main à ce jeune homme misérable et vous ordonne de le suivre dans l'immédiat ! »

La princesse Thien Quang n'éleva aucun reproche envers le roi et ne pensait qu'à sa subsistance à venir. Elle échangea son appareil de princesse contre un ensemble de coton dru ; se prosterna devant le roi et accompagna le jeune mendiant à la sortie de derrière du jardin.

La princesse Thien Quang n'était ni triste ni soucieuse. A un moment, elle demanda au jeune mendiant : « Epoux où se trouve votre maison ? Est-ce loin ? Y-a-il un toit confortable ? »

Le jeune mendiant, confus, répondit : « A ma naissance, ma famille était riche avec une grande fortune. Après, mon père mandarin a cessé de travailler et notre situation économique s'est dégradée rapidement quelques années après. Mes parents déjà âgés sont morts successivement de maladies. J'étais jeune, sans travail ; la maison familiale non entretenue tombait en ruines. Il ne reste actuellement qu'un grand jardin laissé en friche. Princesse, ce jardin n'est pas loin d'ici. »

La princesse paraissait contente et dit : « C'est très bien ainsi. Allons voir ce jardin. Nous verrons après. »

Une fois arrivés, les époux étaient en présence d'une vieille maison en grande partie délabrée, recouverte au sol d'herbes sauvages. Faisant le tour de la maison et du jardin, ils découvrirent que les herbes étaient odoriférantes à effet médicinal, ce qui réjouit la princesse.

A un autre coin du jardin dépourvu d'herbes, il existait de petits amas de pierres cassées. Grattant ces amas, la princesse découvrait une grande dalle de bel aspect. Par intuition, elle soupçonnait un mystère caché et demanda à son époux de déplacer la grosse pierre. Quelle surprise ! Sous la dalle, un trésor de pièces d'or et d'argent, de pierres précieuses en grande quantité, s'offrait aux yeux. Le jeune mendiant fut pris d'une joie intense, n'ayant jamais vu une pareille abondance.

Les deux époux cherchaient une cache pour le trésor. Puis, ils construisirent un toit provisoire, faisaient venir des ouvriers maçons et menuisiers qui allaient ériger une grande résidence somptueuse selon les plans dessinés par la princesse. Une fois construite, la résidence ressemblait à un palais majestueux qui émerveillaient ceux qui voyaient.

Le roi était perplexe en apprenant la nouvelle. Il prévoyait une vie misère à la princesse Thien Quang et ne pouvait concevoir qu'elle pût avoir un palais en si peu de temps, un palais qui

rivalisait avec son propre palais. « Thien Quang pourrait-elle avoir de si nombreux bons effets karmiques ? D'où viennent ces effets »? Se demandait le roi.

Alors, le roi se présenta auprès du Bouddha Grand Illuminé Fondamental pour solliciter un éclaircissement.

Ainsi, Bouddha donna des précisions sur les antécédents karmiques de la princesse Thien Quang : Dans le passé, il y avait un roi talentueux et miséricordieux du nom de Ban Dau. La reine faisait la charité et respectait les Trois Joyaux. C'est à cette époque qu'apparaissait Bouddha Vipasyin, prince royal, qui prêchait la loi. Après l'accession au Parinirvana de ce dernier, la reine faisait faire une statue dudit Bouddha et déposait mille pierres précieuses au-dessus du crâne en guise de vénération ; elle faisait le voeu de faire offrandes à Bouddha de tout ce qu'elle possédait. Ces actes méritoires étaient incommensurables. Une fois, au cours d'une séance de prières, elle exprimait son aspiration à incarner dans des familles aisées, dans un corps couvert de lumière et diverses fragrances.

Quand Bouddha Kassapa apparaissait, la reine était réincarnée dans une famille fortunée, faisait mille actes charitables, des offrandes à Bouddha et aux moines de façon assidue. Une fois, elle voulut inviter Bouddha et ses disciples en sa riche demeure mais son époux s'y opposait par avarice, ne sachant pas la valeur inestimable des actes de charité.

La multiplicité d'actes charitables dans les vies passées est à l'origine des richesses actuelles de la princesse. Nombre de gens misérables dans leurs vies actuelles avaient été cupides durant leurs vies antérieures.

Faire la charité ne signifie pas obligatoirement donner tout ce qu'on possède. Le fait de se réjouir devant un acte charitable d'autrui est également méritoire et chasse les obstructions néfastes.

Cette femme charitable ne se lassait pas d'expliquer à son époux les avantages que la charité pouvait apporter, jusqu'à convertir celui-ci à ses vues. Elle est l'ancêtre de la princesse Thien Quang ; son conjoint est l'ancêtre du jeune homme mendiant qui a dû subir un karma néfaste pendant la première partie de sa vie à cause de sa pensée cupide.

Noble Souverain ! La Loi de la Rétribution des actes est universelle et implacable. La cause et l'effet des bons et mauvais actes se reflètent comme l'image et son ombre. Celui qui laboure la terre récolte dix fois la valeur de son travail. »

Le roi Prasenajit, ayant entendu les paroles de Bouddha sur l'existence de relations étroites entre le bien, le mal et leurs effets karmiques, était pris d'allégresse, se prosterna devant Bouddha et se retira.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

Pendant ses deux premières années de service, Mr. Yang écrivait souvent à sa famille, mais en automne 1948, toute correspondance cessait soudainement. Six ou sept mois plus tard, un soir, Kuo Shun chantait le mantra de la Grande Compassion avec Mr. Kao Te Feng, le père de Kao Te Fu et le garçon qui essayait de couper son bras pour sauver la vie de sa mère. Tout à coup quelqu'un frappa à la porte. Mr. Kao l'ouvrit et là se tenait debout Mr. Yang. Kuo Shun jeta un regard sur lui : Alors, vous êtes rentré, dit-il.

Mr. Yang parcourut la chambre et se jeta sur le lit en briques. Kuo Shun continuait de réciter le mantra et instantanément l'homme se changea en renard et disparut.

Personne n'avait su si Mr. Yang a été tué en combat et ensuite possédé par un renard ou s'il a été mangé par un renard sauvage qui prenait ensuite sa forme pour détruire la pratique de Kuo Shun. Cependant, comme Kuo Shun pratiquait le mantra de la Grande Compassion et avait beaucoup de vertu, le renard était forcé de révéler son identité et de disparaître.

La suite est un extrait d'un article publié dans le journal quotidien de Hong Kong Hua Chiao, daté le 22 octobre 1950 :

"Le 15^{ème} jour du 7^{ème} mois lunaire 1944, le Maître amena ses disciples devant la statue de Bouddha brûla de l'encens et formula le vœu suivant : Si nous sommes autorisés à vivre jusqu'à cent ans, nous brûlerons notre corps comme une offrande au Bouddha afin de chercher la voie suprême du Bouddha. Dans son esprit, le Maître ordonna Kuo Shun de faire la même chose et à ce moment précis Kuo Shun fit aussi son vœu : Moi, disciple Kuo Shu, veux imiter le sacrifice du Bodhisattva Maître de la Médecine et brûler mon corps en guise d'offrande mais sans attendre jusqu'à cent ans.

A trente ans, Kuo Shun avait pénétré les secrets de la méditation dhyana, le 18^{ème} jour du 4^{ème} mois lunaire 1949, attristé par le déclin du Bouddhisme, l'oppression de la Sangha et des laïcs, l'incendie des statues et des Sutras et pour chercher l'illumination suprême, il versa sur son corps un

quart de litre d'huile s'assit sur une centaine de kilos de sciures de bois, en position du plein lotus et mit le feu. Voyant sa cabane en flammes, les villageois accoururent, le trouvèrent assis raide dans les cendres. Quand ils avancèrent la main pour le toucher, son corps s'effondra en cendres, complètement incinéré, excepté son cœur non-brûlé.
(à suivre)

■ Quelle est la cause de la naissance de l'homme ici-bas ? C'est le désir (Tanha) qui entraîne la réincarnation dans le monde des Cinq Impuretés (monde mauvais, pensée mauvaise, passion mauvaise, êtres mauvais, vie mauvaise). Pour accéder à d'autres mondes comme ceux de la Félicité, de Lapis-lazuli ou d'autres, on doit réduire son désir d'aimer. Un vieil adage disait : « Sans désir, pas de naissance ici-bas ; Tant que persiste le karma, il n'y a pas de naissance en Terre Pure ».

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

Mara se sentit défait. Mais il avait un dernier plan. Renvoyant sa suite, il apparut seul devant le Prince. D'une voix moqueuse, il dit : "Alors, vous êtes le grand Prince Siddhartha ? Vous pensez être un grand méditant. Beaucoup de gens sages sont las dans la recherche de la vérité, mais vous pensez que vous réussirez."

"Comme vous êtes fou ! Ne savez-vous pas que cela demande beaucoup de préparations pour trouver la vérité que vous cherchez. Qu'est-ce que vous avez fait pour être digne du succès. D'abord vous avez perdu vingt-neuf ans en plaisirs. Ensuite, vous gaspillez encore six ans en vous privant de nourriture. Maintenant, vous vous asseyez ici espérant que cette sagesse vous viendrait. Quelle folie ! Arrêtez cette méditation ou au moins montrez un témoin qui attestera que vous êtes digne de la réussite alors que tous les autres ont échoué."

Ces paroles méprisantes ne réussissaient pas à troubler Siddhartha. Il leva en silence sa main droite de son genou et toucha la terre devant lui. Oui, la terre elle-même était le témoin de Siddhartha ! Pendant d'innombrables vies, il avait apparu sur cette terre sous des formes variées. Il avait pratiqué la générosité et la patience, il avait agi tendrement et avait évité de faire du mal aux autres et il avait pratiqué la méditation qui l'avait conduit à la vérité. Il avait pratiqué ainsi maintes fois en tant qu'homme ou femme, riche ou pauvre. Dans le sens but de découvrir la fin de toutes les souffrances. Et la terre était son témoin.

Mara se rendit compte que maintenant il fut vraiment vaincu, et il s'éteignit comme un mauvais rêve. Siddhartha se retrouva complètement seul. Les nuages de l'orage s'en allaient et la lune brillait dans le ciel. L'air était doux et une rosée de lumière étincelait sur les bouts de l'herbe. Tout était prêt.

ÉVEILLE

L'esprit de Siddhartha était calme et détendu. Sa concentration devenait plus profonde et sa sagesse plus brillante. Dans son oeil spirituel, il voyait si loin dans le passé. Il voyait que quand une vie se terminait, une autre recommençait. La mort conduisait le corps à une fin ; la vie elle-même continuait et trouvait un nouveau corps encore et encore. Il voyait que quand une personne faisait du mal dans une vie, elle éprouvait de la tristesse dans le futur. Mais quand une personne agissait avec compassion, elle éprouvait du bonheur et de la joie dans une vie suivante.

Quand il découvrait que toutes les vies sont unies de cette manière, des vérités profondes apparaissaient dans son esprit. Le soleil, les planètes, les étoiles, les galaxies de l'univers apparaissaient tous dans la méditation. Il voyait comment tout était uni, du plus petit atome de poussière à la plus grande étoile. Tout changeait constamment : en croissance, en décadence et à nouveau en croissance. Rien n'arrivait sans une cause et toute cause engendrait un effet.

Ensuite, il voyait toutes les souffrances du monde. Il voyait comment tout être vivant, du plus petit insecte au plus grand roi, courir après le bonheur, pour finir enfin dans le malheur. Puis il découvrait la raison de toute souffrance. Il voyait que les gens ne comprennent vraiment pas que tout change indéfiniment. Ils sont aveugles devant cette vérité. Dans leur ignorance aveuglante, ils se battent, et s'entretuent pour les choses qu'ils désirent, mais ces choses ne peuvent jamais leur apporter le bonheur permanent. Bientôt elles changent ou se délabrent et la recherche recommence.

Il voyait que les gens se battent contre ceux qu'ils détestent ; leur vie entière est remplie de haine et de colère. Ils causent du tort aux autres sans savoir que cela leur coûtera très chère plus tard. Ils passent de vie en vie créant plus de chagrins pour eux-mêmes. Ils cherchent la paix mais ne trouvent que la douleur. (à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com



Người tu đạo thì giống như nước, lúc nào cũng có lòng khiêm tốn hạ mình, chẳng tranh công, chẳng tham đức. Chuyện gì tốt thì nhường người khác, việc gì xấu thì mình nhận hết.

Người học Phật chớ nên hề nghe người ta khen là vui vẻ cao hứng lắm. Nghe một câu không vừa ý thì phiền não vô cùng. Đó là biểu hiện chẳng có định lực. Có định lực thì bạn không bị cảnh giới của tám gió làm lay chuyển.

Việc khó khăn nhất trong lúc tu là chặt đứt phiền não. Chặt đứt có nghĩa là biến, biến phiền não thành bồ đề.

Khi mình niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, chớ nên thấy ai mình cũng nhìn lỗi lầm của họ. Nếu mình cứ chuyên môn tìm chuyện xấu của người thì cái khổ của mình chưa trừ hết, gốc khổ chưa dứt tận.

Celui qui pratique la vertu est comme l'eau (qui coule vers les niveaux bas), reste modeste en toutes circonstances, ne revendique aucun mérite. Il cède ce qui est bon aux autres et accepte ce qui est mauvais.

Le Bouddhiste ne doit pas être heureux en présence de louanges ou malheureux devant la critique. Sinon, cela dénote un manque de force intérieure. Avec cette dernière, on ne risque pas d'être secoué par les "huit ventes" (intérêt, lamentation, médisance, louange, récompense, critique, malheur, joie).

Ce qui est le plus difficile dans le pratique de la vertu religieuse, c'est couper toute passion. Cela signifie transformer les passions en Bodhi ou l'esprit éveil.

En priant, si nous récitons le nom de Bodhisattva Avolokitesvara, ne cherchons pas les erreurs des autres. Notre souffrance n'est pas encore éteinte tant que nous nous évertuons à trouver ce qui est mauvais chez nos semblables